



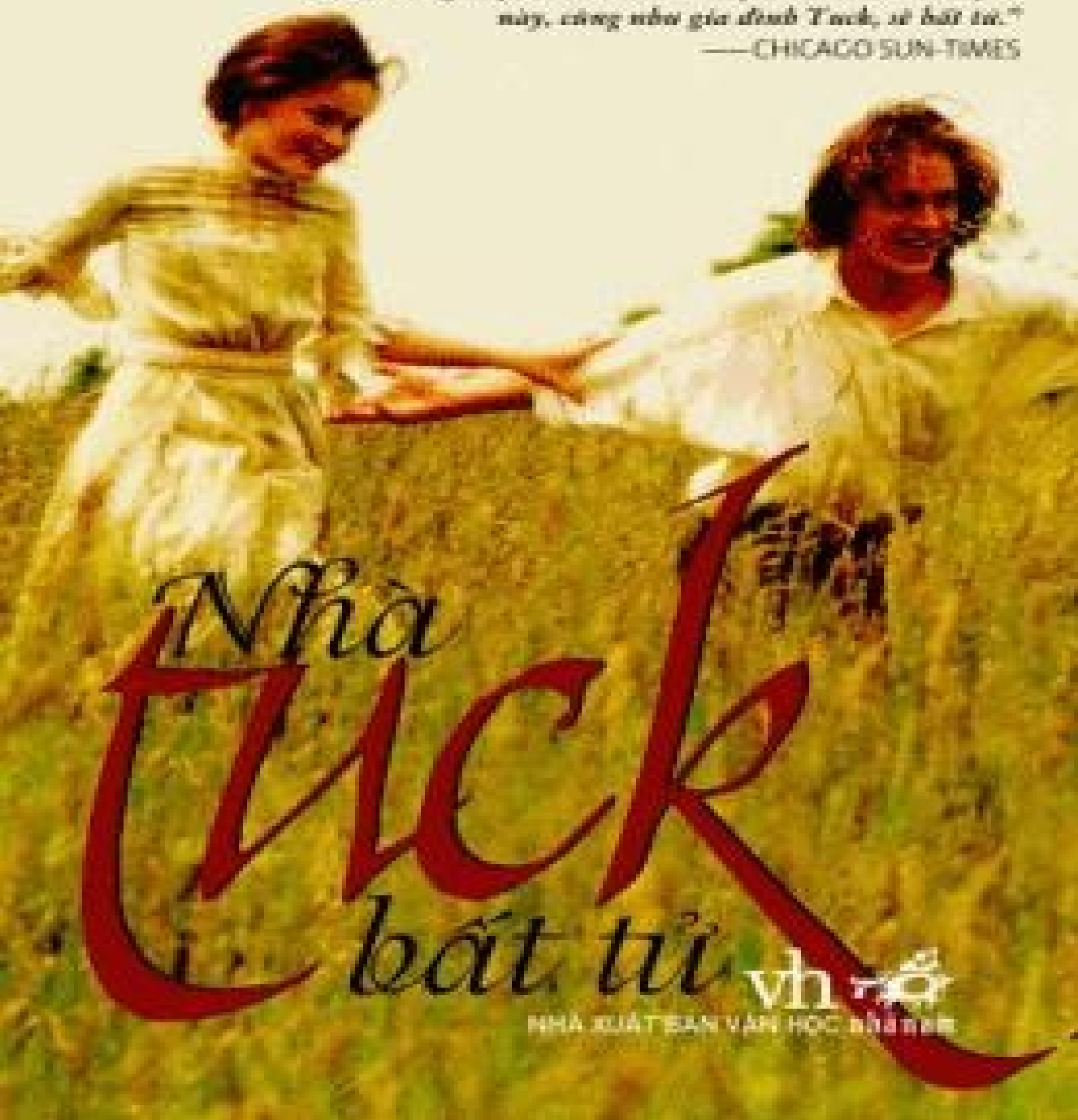
NATALIE BABBITT



Chuyện gì sẽ xảy ra khi bạn có thể sống mãi?

"Như những tập truyện một chủ đề nghiêm túc, câu chuyện này, cũng như gia đình Trach, sẽ bất tử."

—CHICAGO SUN-TIMES



Nhà

TRACH

v. bất tử

nhà

NHÀ QUẢN LÝ VĂN HỌC NHÀ TRẠCH

Lời Mở

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Tuần đầu tiên của tháng Tám treo mình trên đỉnh điểm của mùa hè, đỉnh điểm của cả năm dài sôi động, như chỗ cao nhất của bánh xe đu quay không lồ đang dừng nghỉ trong vòng quay của nó. Những tuần lễ đến trước đó chỉ là chuyển động đi lên từ mùa xuân êm dịu. Còn những tuần sau này là sự đi xuống mùa thu lạnh lẽo, nhưng tuần đầu tiên của tháng Tám thì bất động và nóng. Tĩnh lặng đến kỳ lạ, với những buổi bình minh trắng lóa trông trái, những ban trưa chói chang, và những hoàng hôn lem luốc sắc màu quá thắm. Ban đêm thường có chớp lóe, nhưng thấy chỉ là những tia run rẩy đơn độc mà thôi. Bầu trời không sấm động, không có những cơn mưa cho dịu mát. Đó là những ngày kỳ lạ và ngọt ngào những ngày tồi tệ nhất, xui khiến con người ta làm những việc mà chắc chắn sau này họ sẽ phải hối tiếc.

Một ngày ở thời điểm đó, cách đây không lâu lắm, đã diễn ra ba sự việc thoát trông chẳng có vẻ gì liên quan đến nhau cả.

Vào lúc bình minh, bà Mae Tuck cưỡi ngựa lên đường đến khu rừng ven làng Treegap. Bà đến đó, như vẫn làm vậy cứ mười năm một lần, để đón hai cậu con trai Miles và Jesse.

Vào lúc giữa trưa, Winnie Foster, thành viên của gia đình sở hữu khu rừng Treegap, sau cùng đã mất hết kiên nhẫn và quyết định nghĩ đến chuyện bỏ nhà đi.

Và vào lúc hoàng hôn, một người lạ mặt xuất hiện ở cổng nhà Foster. Ông đang tìm ai đó nhưng lại chẳng cho biết đó là ai.

Chẳng có liên hệ gì cả, phải công nhận là vậy. Nhưng các sự việc có thể kết hợp lại với nhau theo cách thật lạ đời. Khu rừng ở tâm điểm, giống như chiếc trục bánh xe. Mọi chiếc bánh xe đều phải có trục. Bánh xe đu quay cũng có một cái trục, tựa như mặt trời là tâm điểm của bánh xe thời gian. Chúng đều là những điểm cố định, và tốt hơn hết là để yên đừng quấy rầy, bởi vì không có chúng thì không có gì gắn kết nối với nhau. Nhưng đôi khi người ta nhận ra điều này quá trễ.

Chương 1

Đã từ lâu rồi con đường dẫn vào Treegap do đàn bò trông còn hơn cả nhàn nhả giẫm đạp lên mà thành. Chúng thơ thẩn theo những đường cong và hơi dích-dắc, đung đưa thân mình leo ngược lên cao tạo thành một mặt phẳng sinh động nối với đỉnh ngọn đồi nhỏ, rồi lại thong dong đi xuống giữa hai bờ cỏ ba lá rập rờn ong lượn, sau đó băng ngang qua mé đồng cỏ. Tại đây, đường viền của mặt phẳng ấy mờ đi. Chúng tản ra rồi như dừng hẳn lại, bắt đầu những cuộc dã ngoại yên bình theo kiểu bò: chậm rãi nhai cỏ và trầm tư về cái vô hạn. Gặm cỏ xong chúng lại tiếp tục lên đường và cuối cùng cũng đến được khu rừng. Nhưng vừa chạm vào bóng râm dưới những hàng cây đầu tiên, chúng đột nhiên đổi hướng, lượn theo một vòng cung rộng, cứ như thể đây là lần đầu tiên chúng có lý do để suy nghĩ xem mình đang đi đâu, và vượt qua ở bên cạnh.

Bên kia khu rừng, cảm giác nhẹ nhõm vô ưu tan biến. Con đường không thuộc về đàn bò nữa. Thay vào đó, hơi đột ngột, nó biến thành tài sản của con người. Và cùng lúc trời trở nên nóng bức khó chịu, bụi bốc mù ngọt ngào, còn bờ cỏ lơ thơ dọc bên đường có phần xơ xác tiêu điều. Bên trái đường xuất hiện căn nhà đầu tiên, một ngôi nhà thôn dã vuông vắn và vững chãi mang dáng vẻ đùng-đùng-vào-tôi nằm giữa một bãi cỏ bị cắt trụi sát sạt cho nhanh và được bao quanh bởi một hàng rào thép chắc chắn cao đến hơn một mét rõ ràng là muốn nói rằng, “Đi tiếp đi - chúng tôi không muốn bạn ở đây.” Thế là con đường khiêm nhường nép mình đi tiếp, mỗi lúc lại qua thêm nhiều ngôi nhà nhưng càng lúc càng bớt đáng sợ, cứ thế mà dẫn vào làng. Nhưng ngôi làng không có ý nghĩa gì, ngoại trừ nhà giam và cái giá treo cổ. Chỉ có ngôi nhà đầu tiên là quan trọng; ngôi nhà đầu tiên, con đường, và khu rừng.

Khu rừng có cái gì đó thật lạ. Nếu vẻ ngoài của ngôi nhà đầu tiên gợi ý rằng tốt hơn hết ta nên bỏ qua nó, thì cái vẻ của khu rừng cũng vậy, nhưng là vì một lý do hơi khác. Ngôi nhà nom có vẻ tự đắc đến nỗi mỗi bạn chỉ muốn làm náo động âm ỉ lên khi đi ngang qua, hoặc thậm chí choảng cho nó dăm ba cục đá. Nhưng khu rừng thì mang dáng vẻ mơ màng thiếp ngủ, như thuộc về một thế giới khác, đến nỗi bạn chỉ muốn nói thầm thì. Đó ít ra cũng là những gì đàn bò hẳn phải nghĩ: “Để nó yên; chúng ta sẽ không làm phiền nó.”

Khó mà biết được con người có cảm thấy như thế về khu rừng hay không. Có lẽ là có vài người nghĩ vậy thật. Nhưng phần lớn mọi người đều đi theo con đường vòng ra khu rừng bởi vì đó là đường có sẵn. Không có đường xuyên qua rừng. Và dù sao đi nữa, đối với con người, còn có một lý do nữa

khiến họ để cho khu rừng được yên: nó thuộc về gia đình Foster, chủ nhân ngôi nhà đùng-đụng-vào-tôi, và do đó là tài sản cá nhân dù nó có nằm bên ngoài hàng rào và có dễ vào đến đâu đi chăng nữa.

Quyền sở hữu đất là một thứ thật kỳ quặc nếu bạn để tâm nghĩ đến. Sau cùng thì người ta có thể sở hữu đất sâu đến mức độ nào? Nếu một người là chủ mảnh đất, thì người ấy có được sở hữu hoàn toàn cả bên dưới, hiểu theo khía cạnh hẹp nhất, cho tới tận từng mảnh tâm trái đất không? Hay là quyền sở hữu ấy chỉ bao gồm các lớp vỏ mỏng manh mà bên dưới nó mấy chú giun thân thiện chưa từng nghĩ đến chuyện vượt qua?

Dù gì đi chăng nữa thì khu rừng nằm bên trên, dĩ nhiên là ngoại trừ rễ cây, thuộc về gia đình Foster trong ngôi nhà đùng-đụng-vào-tôi đến từng cành cây ngọn cỏ, và nếu họ chưa từng vào đây, chưa từng thả bộ dưới những tán cây, thì đó là chuyện của họ. Winnie, đứa trẻ duy nhất trong nhà, chưa bao giờ đến đây, dù đôi khi cô bé thường đứng bên trong hàng rào, lơ đãng gõ nhịp một cái que lên những thanh hàng rào, và ngắm nhìn khu rừng. Nhưng Winnie chưa từng tò mò về nó. Khi đã thuộc về mình thì mọi thứ xem ra chẳng hề thú vị - chỉ thú vị khi chúng không phải là của mình thôi.

Mà khoảnh rừng cây rộng có vài mẫu này thì có gì thú vị cơ chứ? Đó chỉ là một không gian lơ mờ với những vệt nắng xuyên qua, một lũ sóc và chim, một lớp nệm lá ẩm trên nền đất và tất tật những thứ quen thuộc khác dù chẳng dễ chịu bằng – những thứ như nhện, gai và dòi.

Tuy vậy, nói cho cùng, đàn bò chính là thủ phạm làm cho khu rừng trở nên tách biệt, và đàn bò, bằng đôi chút thông thái mà chúng không đủ khôn ngoan để biết rằng mình sở hữu, thực ra đã rất thông minh. Vì nếu chúng đi xuyên qua rừng thay vì đi đường vòng thì con người chắc đã theo đó mà đi rồi. Người ta hẳn sẽ để ý ngay đến cây tần bì khổng lồ nằm ngay chính giữa khu rừng, và rồi, theo thời gian, họ sẽ để ý thấy cả con suối nhỏ đang sùi bọt trào lên giữa đám rễ cây tần bì bất chấp đồng đá cuội đã được lấp xuống để giấu nó đi. Và sẽ là một thảm họa khủng khiếp nếu quả đất già nua mệch lử này, dù cho có bị sở hữu đến tận phần lõi nóng bỏng của nó hay không, bỗng rung quanh trục như con bọ trên chiếc đỉnh ghim.

Chương 2

Và thế là vào rạng sáng một ngày trong tuần đầu tháng Tám, bà Mae Tuck thức dậy rồi nhưng vẫn nằm thêm một lúc nữa, mỉm cười với đám mạng nhện trên trần nhà. Sau cùng bà nói thật to, “Ngày mai tụi nhỏ về nhà rồi!”

Ông chồng của bà Mae đang nằm ngửa bên cạnh không hề nhúc nhích. Ông hãy còn say ngủ, những nếp nhăn sâu muện hẳn sâu cả ngày trên khuôn mặt chùng xuống và dịu đi. Ông ngáy nhẹ, và trong khoảnh khắc hai khóm miệng ông hơi nhếch lên thành một nụ cười. Ông Tuck hầu như chưa bao giờ cười trừ trong lúc ngủ.

Bà Mae ngồi dậy lên giường, nhìn chồng nhắm nhin rồi lặp lại hơi to tiếng hơn một chút, “Ngày mai tụi nhỏ về nhà rồi.”

Ông Tuck giật mình và nụ cười vụt biến mất. Ông mở mắt. “Bà đánh thức tôi chi vậy?” ông thở dài. “Tôi lại đang mơ giấc mơ đó, giấc mơ tuyệt vời khi chúng ta đã được lên thiên đàng và chưa từng nghe nói đến Treegap.”

Bà Mae ngồi đó cau mày, một phụ nữ mập mạp với khuôn mặt tròn trịa thông minh và đôi mắt nâu trầm tĩnh. “Mơ như vậy chẳng được tích sự gì cả,” bà nói. “Chẳng có gì thay đổi hết.”

“Ngày nào bà cũng nói tôi như vậy,” ông Tuck đáp rồi trở mình nằm xoay lưng lại. “Dù sao đi nữa thì tôi đâu thể ngăn mình mơ cái tôi mơ được.”

“Có thể là không,” bà Mae nói. “Nhưng cũng vậy thôi, đến giờ đáng lẽ ông phải quen với mọi việc rồi mới phải chứ.”

Ông Tuck rên rỉ, “Thôi tôi ngủ lại đây.”

“Tôi thì không,” bà Mae đáp. “Tôi đi lấy ngựa xuống chỗ cánh rừng gặp tụi nhỏ đây.”

“Gặp ai?”

“Tụi nhỏ, ông Tuck à! Mấy thằng con mình. Tôi đi ngựa xuống rừng gặp tụi nó.”

“Tốt hơn hết bà đừng có đi,” ông Tuck nói.

“Tôi biết,” bà Mae đáp, “nhưng tôi chờ gặp chúng hết nôi rồi. Dù sao đi nữa

thì cũng mười năm rồi tôi chưa đến Treegap. Sẽ chẳng có ai nhớ nổi tôi đâu. Khoảng chiều tối tôi mới đến đó, chỉ đến khu rừng thôi. Tôi không vào làng đâu. Nhưng mà, ngay cả khi ai đó thấy tôi đi chãng nữa thì họ cũng chẳng nhớ nổi. Hồi nào tới giờ có ai nhớ đâu, giờ không lẽ họ lại nhớ?”

“Bà thích thì cứ làm đi,” ông Tuck nói, mặt úp xuống gối. “Tôi đi ngủ đây.”

Bà Mae Tuck bò ra khỏi giường và bắt đầu mặc đồ: ba cái váy lót dài, chiếc váy màu nâu đỏ có cái túi to sụ, chiếc áo vest cũ vải bông và cái khăn choàng đan bằng len mà bà choàng quanh ngực và ghim lại bằng cây ghim cài áo kim loại đã xỉn màu. Tiếng sột soạt của quần áo thân quen với Tuck đến nỗi ông có thể nói mà không cần mở mắt ra, “Bà không cần choàng cái khăn đó ngay giữa mùa hè đâu.”

Nhưng bà Mae phớt lờ nhận xét của chồng. Thay vì đáp trả lại, bà nói, “Ông ở nhà một mình có sao không vậy? Chắc phải tới muộn ngày mai tôi mới về đến nhà.”

Ông Tuck xoay người lại và làm mặt trầm nã nhìn vợ. “Cái quỷ quái gì trên đời này có thể gây hại cho tôi cơ chứ?”

“Ừ ha,” bà Mae đáp. “Tôi cứ quên hoài.”

“Tôi thì không,” ông Tuck nói “Đi vui về nhé.” Và liền ngay đó ông lại chìm vào giấc ngủ.

Bà Mae ngồi trên mép giường mang vào chân đôi ủng da ngắn mòn vẹt và mềm rũ vì năm tháng đến nỗi thật lạ là chúng vẫn chưa mất chiếc nào. Rồi bà đứng dậy và lấy từ giá rửa mặt cạnh giường ra một vật nhỏ hình vuông, một chiếc hộp nhạc vẽ hình hoa hồng và hoa lan chuông. Đó là vật xinh xắn duy nhất bà có và bà chưa từng đi đâu mà không mang nó theo. Ngón tay bà vô tình chạm đến chỗ chìa khóa lên dây cót ở đáy hộp nhưng liếc thấy ông Tuck đang say ngủ, bà lắc đầu, vỗ nhẹ lên chiếc hộp rồi thả nó vào túi. Cuối cùng bà chụp xuống quá tai chiếc mũ rơm màu da trời có cái vành rũ rượi mệt mỏi.

Nhưng, trước khi đội mũ lên, bà không quên chải lại mái tóc màu nâu xám và bới thành búi đằng sau gáy. Bà làm việc này nhanh chóng và khéo léo mà không cần liếc vào gương một lần. Mae Tuck chẳng cần gương, dù bà có dựng một chiếc trên giá rửa mặt. Bà biết rõ mình sẽ thấy gì trong đó; đã từ lâu lắm rồi bóng mình trong gương không còn khiến bà quan tâm. Đối với Mae Tuck, với chồng bà và cả hai con trai Jesse và Miles, vẻ ngoài của họ đã

không hề thay đổi trong vòng tám mươi bảy năm qua.

Chương 3

Buổi trưa cùng cái ngày trong tuần đầu tháng Tám ấy, Winnie Foster ngồi trên bãi cỏ lỏm chỏm ngay bên trong hàng rào chuyện trò với con cóc to sụ đang chồm hồm cách đó vài mét bên kia đường. “Dù sao đi nữa thì tao cũng sẽ làm. Rồi mày sẽ thấy. Có lẽ là ngày sáng sớm mai trong lúc cả nhà vẫn còn ngủ.”

Khó mà biết được con cóc đó có lắng nghe lời Winnie nói hay không nữa. Dĩ nhiên, Winnie đã cho nó một lý do chính đáng để phớt lờ cô bé. Cô đã đi đến bên hàng rào, điên tiết, tức muốn bốc khói, trong một ngày cũng nóng muốn bốc khói, và lập tức chú ý đến chú cóc ấy. Nó là vật thể sống duy nhất tồn tại trong tầm nhìn ngoài lũ muỗi mắt vo ve bay loạn xạ thành đám lừng lơ trong làn hơi nóng trên mặt đường. Winnie kiếm được mấy hòn sỏi dưới chân hàng rào và, vì không còn cách nào hơn để xả giận, cô lấy một viên ném vào con cóc. Cú ném trật lất, vì cô đã cố tình nhắm như vậy, nhưng dù gì cô cũng phải biến đó thành trò tiêu khiển: ném sao để hòn sỏi bay xuyên qua đám muỗi mắt đến chỗ con cóc. Tuy vậy, đàn muỗi đang rới rít nhặng xị nên chẳng buồn quan tâm đến sự phá bình này, và vì hòn sỏi nào cũng trật đích cả nên cóc ta vẫn cứ tiếp tục nhẩn nhở ngồi chồm hồm đó, chẳng thêm giật mình hoảng sợ. Có lẽ nó đang quá bức bối. Hoặc cũng có thể nó đang ngủ. Dù thế nào thì nó cũng không thêm liếc Winnie lấy một cái cho tới tận khi cô ném sạch bách đồng sỏi và ngồi xuống kể cho nó nghe mấy câu chuyện phiền muộn của mình.

“Nghe nè, cóc,” cô vừa nói vừa thò tay qua song rào bứt cỏ dại mọc bên ngoài. “Tao nghĩ là tao chịu hết nổi rồi.”

Ngay lúc đó cánh cửa sổ trước nhà bật mở và một giọng nhỏ nhẹ - của bà nội cô - vang lên, “Winnifred! Đừng có ngồi lên bãi cỏ dơ bẩn ấy. Con sẽ làm lấm hết ủng và vớ mất thôi.”

Và một giọng nói khác, kiên quyết hơn - của mẹ cô - chêm vào, “Vào nhà ngay Winnie. Ngay lập tức. Trời nóng như vậy mà ở ngoài là cảm nắng bây giờ. Đồ ăn trưa của con xong rồi đây.”

“Mày thấy chưa?” Winnie nói với chú cóc. “Tao tính kể cho mày nghe như vậy đó. Bà với mẹ lúc nào cũng thế. Nếu mà tao có anh chị em thì đỡ rồi, sẽ có thêm ai đó cho họ trông chừng. Nhưng mà, kiểu nó thế đấy, có mỗi mình tao thôi. Tao chán bị quản thúc mọi lúc mọi nơi rồi. Tao muốn được ở một mình để thay đổi.” Cô tì trán vào song rào rồi im lặng giây lát trước khi nói

bằng cái giọng suy tư. “Mày biết không, tao cũng không rõ là mình sẽ làm gì nữa, nhưng chắc phải làm một cái gì đó thú vị - cái gì đó của riêng tao thôi. Một cái gì đó làm nên sự khác biệt trên thế giới này. Để bắt đầu thì chắc là tao sẽ có tên mới, một cái tên sẽ không bị hư hao vì bị kêu quá nhiều. Rồi thậm chí có khi tao tính nuôi con gì đó nữa. Có thể là một con cóc già to sụ, như mày, con gì đấy tao có thể nuôi trong một cái lồng thật đẹp với quá trời cỏ, và...”

Đến lúc này cóc ta mới chịu động đậy và chớp chớp mắt. Nó gồng mình lên và phi cái thân hình nặng nề như trái banh nặn bằng bùn của mình văng ra xa cô bé thêm chút nữa.

“Mày đúng đó,” Winnie nói. “Nếu làm vậy thì mày sẽ y hệt như tao bây giờ. Sao lại bắt mày cũng phải bị nhốt trong lồng chứ? Tao ước gì được như mày, tự do tự tại thích làm gì thì làm. Mày có biết là họ đâu khi nào để tao ra khỏi cái sân này một mình không? Tao sẽ chẳng bao giờ làm được cái gì trọng đại nếu cứ ở riết đây hoài. Tao nghĩ tốt nhất là tao bỏ trốn.” Nói đến đây cô bé dừng lại và sầm soi lo lắng nhìn con cóc xem nó tiếp nhận cái ý tưởng gây choáng váng này như thế nào, nhưng cóc ta chẳng hề tỏ ra quan tâm chút nào. “Mày nghĩ tao không dám chứ gì?” cô nói với vẻ cáo buộc. “Dù sao đi nữa tao cũng sẽ làm. Rồi mày xem. Có thể là ngay sáng mai trong lúc cả nhà còn đang ngủ.”

“Winnie!” giọng kiên quyết lại vang lên bên cửa sổ.

“Nghe rồi! Con vào đây!” cô la lên, cúi kính, rồi vội nói thêm. “Ý con là, con vào liền đây, thưa mẹ.” Cô đứng dậy, phui mấy mảnh cỏ ngựa bám đầy trên vớ.

Chú cóc, như thể nhận ra buổi trò chuyện giữa họ đã kết thúc, bèn động đậy, thu mình lại và vụng về lóc cóc nhảy vào rùng. Winnie nhìn nó. “Nhảy đi, cóc, “ cô gọi với theo. “Rồi mày xem. Cứ chờ đến sáng mai nhé.”

Chương 4 - 5

Vào lúc hoàng hôn cùng cái ngày dài lê thê ấy, một người lạ mặt xuất hiện, đứng đĩnh từ dưới làng đi lên rồi dừng chân trước cổng nhà Foster. Winnie lại một lần nữa ở trong sân, lần này đang định chơi trò bắt đom đóm, và thoạt tiên cô bé không để ý thấy gã. Nhưng sau một hồi quan sát cô bé, gã lên tiếng, “Chào con!”

Gã rất cao và khăng khiu, cái người lạ đang đứng đó ấy. Chiếc cầm dài của gã mờ dần đi dưới mớ râu lúa thừa gọi là có, nhưng bộ đồ của gã thì vàng chói đến gần như hơi rục lên trong nắng nhạt. Một tay gã treo toong teng chiếc mũ đen, và khi Winnie tiến lại, gã đưa tay kia lên vuốt lại mái tóc khô xám cho mượt. “Chà,” gã nói bằng giọng nhỏ nhẹ. “Con đang bắt đom đóm đấy à?”

“Dạ,” Winnie đáp.

“Bắt đom đóm vào một buổi chiều hè như thế này thật là đáng yêu,” người lạ tán dương. “Một trò chơi dễ thương làm sao. Hồi bác bằng tuổi con bác cũng thường chơi như vậy lắm. Nhưng tất nhiên là lâu lắm rồi.” Gã vừa cười vừa đưa mấy ngón tay mảnh khảnh lên che miệng. Thân hình lênh khênh của gã động đậy liên tục; một chân gõ nhịp, một bên vai giật giật. Nó chuyển động xiên xẹo, khá nhát gừng. Nhưng đồng thời ở gã có một kiểu duyên dáng, như một con rối được điều khiển khéo léo. Quả thực nom gã gần như lơ lửng ở đó trong bóng chiều nhá nhem. Nhưng Winnie, dù đã gần như mê mẩn, bỗng giật mình sực nhớ đến mấy dải băng đen lạnh lùng trên cửa nhà từ hồi đám tang ông nội. Cô bé cau mày rồi nhìn người lạ kỹ hơn. Nhưng nụ cười của gã trông vẫn hết sức tự nhiên, dễ mến và thân thiện.

“Đây là nhà con phải không?” người đàn ông hỏi, hai tay giờ đã khoanh lại và tựa mình vào cổng.

“Dạ phải.” Winnie đáp. “Bác có muốn vào gặp ba con không ạ?”

“Có lẽ có. Một chút thôi,” gã nói. “Nhưng bác muốn nói chuyện với con trước. Con và cả nhà ở đây lâu chưa?”

“Dạ lâu rồi” Winnie trả lời. “Con và cả nhà đã sống ở đây từ ngày xưa ngày xưa.”

“Từ ngày xưa ngày xưa,” người đàn ông trầm ngâm lặp lại.

Đó không phải là một câu hỏi, nhưng Winnie lại quyết định dù sao cũng phải giải thích.

“À, tất nhiên không phải là từ ngày xưa ngày xưa, nhưng cũng phải từ khi có người sống ở đây. Bà nội con sinh ra ở đây. Bà nói có thời ở đây toàn cây không à, khắp quanh đây chỉ là một cánh rừng lớn, nhưng mà giờ người ta chặt gần hết rồi. Còn có mỗi khu rừng kia thôi.”

“Bác biết rồi,” gã vừa nói vừa ngắt râu. “Vậy là chắc con quen hết mọi người, và biết hết mọi chuyện xảy ra quanh đây phải không?”

“Dạ cũng không hẳn,” Winnie nói, “Ít nhất thì con không biết. Nhưng mà sao ạ?”

Người lạ nhướn mày. “À, bác đang kiếm một người, một gia đình.”

“Con không biết nhiều người lắm,” Winnie vừa đáp vừa khẽ nhún vai. “Nhưng mà chắc ba con quen. Bác hỏi ba con thử xem.”

“Phải hỏi chứ,” gã nói. “Bác chắc là phải hỏi rồi.”

Ngay lúc ấy cánh cửa nhà xích mở, và bà của Winnie xuất hiện trong ánh đèn hắt lên bãi cỏ. “Winnifred, đang nói chuyện với ai đó con?”

“Bà ơi có một ông,” Winnie đáp với lại. “Ông ấy nói là đang kiếm người.”

“Cái gì?” bà cụ nói. Bà nhắc váy lên rồi bước xuống lối đi ra cổng. “Con nói ông này muốn gì?”

Lúc này người đàn ông đứng bên ngoài hàng rào khẽ cúi đầu. “Chào bà ạ,” gã nói. “Thật vui khi thấy bà vẫn khỏe mạnh.”

“Vì lý do gì mà tôi lại không khỏe cơ chứ?” bà đập lại, chăm soi nhìn người lạ qua làn ánh sáng lờ mờ. Bộ đồ màu vàng của gã hình như khiến bà ngạc nhiên, và bà nheo mắt ngờ vực. “Tôi nhớ chưa gặp ông bao giờ. Ông là ai? Ông đang tìm ai?”

Người đàn ông không trả lời câu nào. Thay vì vậy gã nói, “Quý cô trẻ tuổi này cho tôi hay là bà sống ở đây lâu lắm rồi cho nên tôi nghĩ chắc là bà biết hết những người đến và chuyển đi ở đây.”

Bà cụ lắc đầu. “Tôi không quen hết mọi người,” bà nói, “mà tôi cũng không

muôn biết. Và tôi không đứng ngoài trời tôi nói tới nói lui ba cái chuyện này với người lạ. Winnie cũng vậy. Nên là...”

Nói đến đây bà đột nhiên ngừng lại. Vì, xuyên qua tiếng đé buổi chiều và tiếng hàng cây thở dài, một điệu nhạc kỳ lạ, mơ hồ văng vẳng đến chỗ họ, và cả ba người đều ngoái đầu về phía nó phát ra, về phía khu rừng. Đó là một giai điệu nhẹ nhàng pha lẫn những tiếng leng keng, vang lên vài phút rồi dừng lại.

“Trời đất quỷ thần ơi!” bà nội Winnie thốt lên, tròn xoe mắt. “Chắc là nó quay trở lại rồi, qua bao nhiêu năm trời!” Bà ấn mạnh hai bàn tay nhấn nheo vào nhau, quên khuấy đi mất người đàn ông mặc bộ đồ màu vàng. “Con có nghe thấy không, Winnifred? Nó đó! Khúc nhạc yêu tinh mà bà kể cho con nghe đó. Sao vậy trời, phải lâu lắm rồi bà mới được nghe lại. Còn con mới nghe lần đầu phải không? Đợi đó để kể cho ba con nghe mới được!” Nói rồi bà túm lấy tay Winnie quay vào trong nhà.

“Xin chờ chút!” người đứng ở cổng nói. Gã đã ngậy cả người, và giọng nói thì thật hào hứng. “Bà nói là trước đây từng nghe bản nhạc đó rồi phải không ạ?”

Nhưng trước khi gã kịp nhận câu trả lời thì điệu nhạc ấy lại cất lên và tất cả họ đều dừng sững lại lắng nghe. Lần này tiếng leng keng mơ hồ vang lên trong giai điệu nhẹ nhàng ba lần rồi lụi tắt.

“Nghe giống như phát ra từ hộp nhạc ấy,” Winnie nói sau khi nhạc đã tắt.

“Vớ vẩn. Là yêu tinh đấy!” bà của cô kích động reo lên. Rồi bà quay qua nói với người lạ vẫn đứng ở cổng, “Còn giờ thì xin phép ông nhé.” Nói xong bà cài cái then cửa lại ngay trước mũi gã, xem đã khóa kỹ chưa rồi vừa nắm tay Winnie vừa rầm rập đi vào nhà, đóng sập cửa sau lưng.

Nhưng người đàn ông trong bộ đồ vàng vẫn đứng đó một mình rất lâu sau đó, chân nhিপ trên đường, nhìn về phía khu rừng. Gã vẫn đứng đó khi những vệt nắng cuối cùng của buổi hoàng hôn đã tan biến, và ánh tà dương cũng đã tắt lịm, dù tàn dư của nó vẫn lưu luyến vương trên mọi thứ nhạt màu - những viên đá sỏi, con đường lấm bụi, và thân hình của gã đàn ông - biến chúng thành màu thiên thanh mờ ảo.

Sau đó trăng lên. Người đàn ông sực tỉnh và thở dài. Vẻ mặt gã hết sức hài lòng. Gã đội mũ lên, và dưới ánh trăng sáng mấy ngón tay dài của gã trở nên thanh mảnh, trắng bệch. Rồi gã quay người đi khuất xuống con đường tối,

lúc đi gã còn huyết sáo, rất khẽ, theo cái điệu nhạc nhẹ nhàng leng keng phát ra từ khu rừng ấy.

Chương 5

Sáng hôm sau Winnie thức dậy thật sớm. Mặt trời chỉ mới vừa hé mắt nơi đường chân trời phía Đông và ngôi nhà vẫn im phăng phắc. Nhưng cô bé nhớ ra là suốt đêm qua đôi lúc cô đã quyết định: hôm nay sẽ không bỏ trốn nữa. “Rốt cuộc rồi mình sẽ đi đâu cơ chứ?” cô tự nhủ. “Đâu có chỗ nào khác mình thật sự muốn đi đâu.” Nhưng tại một phần khác trong đầu cô bé, cái phần tăm tối nơi những nỗi sợ hãi xa xưa nhất của cô trú ngụ, cô biết rằng còn có một lý do nữa khiến cô muốn ở lại: cô sợ phải đi xa một mình.

Mong muốn được ở một mình, được làm những việc trọng đại là một chuyện, còn có gan làm chuyện đó khi có cơ hội hay không lại là chuyện khác. Nhân vật trong những câu chuyện cô đọc đều rũ áo ra đi mà không cần suy tính hay vướng bận, nhưng ngoài đời thì... ừm, thế giới bên ngoài đây rầy hiểm nguy. Mọi người luôn nói với cô như vậy. Cô sẽ chẳng thể nào xoay sở nếu không được che chở bao bọc. Họ cũng luôn nói với cô điều đó nữa. Chẳng ai chịu nói rõ cho cô biết những chuyện cô không thể tự mình xoay sở là chuyện gì. Nhưng Winnie cũng chẳng cần hỏi. Tự mình cô bé đã tưởng tượng ra biết bao nhiêu điều kinh khủng rồi.

Dù vậy, thật là bực mình khi phải thú nhận rằng mình sợ. Rồi cô cảm thấy còn nản lòng hơn nữa khi nghĩ đến con cóc. Nếu ngày hôm nay nó lại đến bên hàng rào nữa thì sao? Nếu nó âm thầm cười nhạo và cho rằng cô nhát gan thì sao chứ?

Thôi được, kiêu gì thì ít nhất mình cũng có thể vù ra ngoài, ngay bay giờ, cô quyết định, và đi vào rừng. Để xem cô có thể khám phá ra cái gì thật sự phát ra điệu nhạc tối hôm qua không. Chắc phải có cái gì đó chứ. Cô không cho phép mình xem xét cái ý tưởng muốn làm nên đôi chút khác biệt trên thế giới thì cần phải liều lĩnh mạo hiểm. Cô chỉ đơn giản tự an ủi bản thân rằng, “Dĩ nhiên, lúc ở trong rừng nếu mình quyết định không bao giờ quay trở lại nữa thì mới phải mạo hiểm thế.” Cô tin được điều đó vì cô cần như vậy; và, niềm tin ấy lại một lần nữa trở thành người bạn đường chân thật, đây hứa hẹn.

Lại là một buổi sáng nặng nề nữa, chưa gì đã nóng bức và ngột ngạt rồi, nhưng không khí trong rừng thì mát mẻ hơn và có vẻ ẩm ướt khó chịu. Winnie mới rụt rè đi dưới những cành lá đan xen chưa đầy hai phút thì đã tự hỏi sao trước kia mình chưa từng vào đây bao giờ. “Tại sao vậy nhỉ, ở đây dễ

chịu quá mà!” cô kinh ngạc nghĩ.

Cả khu rừng ngập tràn ánh nắng, khác xa thứ ánh nắng mà cô từng biết. Nó có màu xanh lá và vàng hổ phách, sống động, rung rinh từng vệt lấp lánh trên đất mềm, luồn vào khe hở giữa những thân cây khỏe khoắn. Đây là những bông hoa bé nhỏ cô chẳng biết tên, màu trắng và phớt xanh; kia là hàng hà sa số dây leo xoắn xuýt; và đây đó lại có một cành cây gãy đã mục nát phân nửa nhưng mềm mại với hàng mảng rêu nhung xanh mượt mượt mà.

Và ở đó chỗ nào cũng có sinh vật. Những hoạt động lúc tinh mơ của chúng khiến bầu không khí trong rừng chộn rộn hẳn lên: bọ hung, chim chóc, sóc, kiến, và còn vô vàn những sinh vật khác không nhìn thấy được, tất cả chúng đều hiền lành, cắm cúi vào việc của mình và chẳng hề đáng sợ chút nào cả. Ở đó thậm chí còn có, cô sung sướng khi trông thấy, chú cóc đó. Nó đang ngồi chễm chệ trên một gốc cây cụt và đáng lẽ cô đã không nhận ra, vì trông giống cây nấm hơn là một sinh vật sống đang ngồi đó. Tuy nhiên, khi cô đi đến bên nó, cóc ta liền chớp mắt và cử động đó khiến cô trông thấy nó.

“Mày thấy chưa?” cô reo lên. “Tao đã nói với mày là ngay sáng nay tao sẽ đến đây mà.”

Chú cóc lại chớp mắt và gật đầu. Hoặc cũng có thể chẳng qua nó đang nuốt một con ruồi. Nhưng chú ta bỗng lùi dần ra ngoài gốc cây và mất dạng trong tầng cây thấp.

“Chắc là nó chờ mình này giờ đây, “ Winnie tự nhủ, trong lòng cảm thấy hết sức vui.

Cô bé đi vờ vẩn loanh quanh một lúc lâu, nhìn ngắm mọi thứ, lắng nghe mọi thứ, tự hào vì đã quên được cái thế giới chật chội bị tia tót ở bên ngoài, miệng khe khẽ ư ử theo trí nhớ điệu nhạc hồi tối. Và rồi, ngay trước mắt, ở một chỗ nơi ánh sáng dường như rực rỡ hơn và mặt đất dường như thoáng đãng hơn, có cái gì đó đang động đậy.

Winnie dừng ngay lại và thụp người xuống. “Nếu đó là yêu tinh thật,” cô nghĩ, “thì mình có thể xem chúng.” Thế là, dù bản năng mách bảo hãy quay lui và bỏ chạy, cô hài lòng nhận ra trí tò mò của mình còn mạnh hơn cả nỗi sợ hãi. Cô bắt đầu rón rén tiến lên phía trước. Sẽ chỉ đến gần vừa đủ nhìn thôi, cô tự nhủ. Chỉ đến gần vừa đủ trông thấy thôi. Và sau đó cô sẽ quay lại và chạy. Nhưng rồi khi đã đến gần, núp sau một thân cây, và hé mắt nhìn ra, miệng cô há hộc kinh ngạc còn mọi ý nghĩ chạy trốn đều tan biến đi đâu mất.

Một khoảng rừng quang trải ra trước mắt cô, chính giữa là một cây cổ thụ khổng lồ, đám rễ mập mạp của nó làm nhàu mặt đất xung quanh đến gần ba mét về mọi hướng. Đang ngồi thư thả đó, lưng tựa vào thân cây là một cậu con trai, gần như đã là một người đàn ông. Và Winnie thấy cậu ta tuần tú đến nỗi cô bé phải lòng ngay lập tức.

Cậu trông gầy và rám nắng, cái chàng trai tuyệt vời ấy, với mái tóc nâu quăn bù xù rậm rạp. Cậu mặc cái quần cũ kỹ hơi tả tơi và chiếc áo sơ mi cáu bẩn, rộng thùng thình nhưng dáng vẻ thì trông tự tin thoải mái như thể đang mặc đồ bằng lụa hay xa tanh vậy. Dây đeo quần màu xanh của cậu ta, để trang trí hơn là để xài, là phụ kiện cuối cùng trên bộ trang phục, vì chân cậu không mang giày, và giữa các ngón chân thò lên một màu cànch. Cậu ngồi đó lơ đãng phe phẩy nhánh cây, mặt ngửa lên dăm dăm nhìn tán lá trên cao. Nắng sớm vàng óng như rực sáng xung quanh cậu, và khi cành lá trên đầu cậu rung rinh, bóng nắng rơi xuống đậu lên đôi bàn tay nâu rần rỏi, lên mái tóc và khuôn mặt cậu.

Cậu lơ đãng xoa xoa tai, ngáp, và vươn vai. Khi dịch chuyển vị trí, cậu để ý thấy một đống đá cuội nhỏ kê bên. Trong khi Winnie vẫn nhìn đến nín cả thở, cậu ta cẩn thận dời đống đá sang bên, từng viên từng viên một. Bên dưới đống đá, nền đất lộ ra ướt loáng. Cậu nhấc viên đá cuối cùng lên và Winnie trông thấy một dòng nước trào ra, tuôn vòng lên rồi trở lại thấm ngược vào trong lòng đất, giống như một đài phun nước vậy. Cậu cúi xuống, ghé môi vào dòng nước, lặng lẽ uống, rồi ngồi dậy đưa ống tay áo lên quẹt ngang miệng. Khi làm thế, cậu day mặt về phía Winnie – và mắt họ gặp nhau.

Họ im lặng nhìn nhau một hồi lâu, tay cậu ta vẫn đang đưa lên miệng. Không ai nhúc nhích. Sau cùng cậu bỏ tay xuống. “Em ra ngoài đây được rồi đây,” cậu nói, cau mày.

Winnie đứng dậy, xấu hổ, và vì xấu hổ nên bực bội ra mặt. “Em không cố ý nhìn anh đâu,” cô quả quyết nói khi bước ra khoảng rừng trống. “Em không biết là lại có người ở đây.”

Cậu lom lom nhìn cô bước tới. “Em làm gì ở đây vậy?” cậu lạnh lùng hỏi.

“Đây là rừng nhà em.” Winnie đáp ngạc nhiên vì câu hỏi. “Em có thể vào đây bất cứ khi nào em muốn. Trước đây em chưa đến đây bao giờ, nhưng đáng lẽ em phải vào rồi mới phải, lúc nào mà chẳng được.”

“À,” cậu nói, nghe thoải mái hơn một chút. “Vậy em là con nhà Foster.”

“Em tên là Winnie,” cô nói. “Còn anh là ai?”

“Anh là Jesse Tuck,” cậu nói. “Chào em.” Rồi cậu chìa tay ra.

Winnie bắt bàn tay ấy và nhìn cậu chăm chăm. Nhìn gần trông cậu còn đẹp trai hơn nữa.

“Anh sống gần đây à?” sau cùng cô mới nặn ra một câu, miễn cưỡng buông tay cậu. “Trước đây em chưa từng gặp anh. Anh có thường đến đây không? Nhưng mà đâu có ai được phép vào đây. Đây là rừng nhà em mà.” Rồi cô thêm vào thật nhanh, “Nhưng anh đến đây thì không sao. Ý em là với em thì không sao.”

Cậu cười toe toét. “Không, anh không sống gần đây và cũng không đến đây thường xuyên. Anh chỉ đi qua đây thôi. Và cảm ơn em, anh mừng là với em thì không sao.”

“Tuyệt lắm,” Winnie nói, không ăn nhập lắm. Cô lùi lại và đoan trang ngồi xuống cách xa cậu một chút. “Mà anh bao nhiêu tuổi vậy?” cô hỏi, nheo mắt nhìn cậu.

Yên lặng một chút. Sau cùng cậu lên tiếng, “Tại sao em muốn biết vậy?”

“Em chỉ băn khoăn thế thôi,” Winnie nói.

“Được rồi, anh một trăm lẻ bốn tuổi,” cậu nghiêm trang đáp.

“Không phải, ý em là tuổi thật của anh kìa,” cô khẳng khẳng.

“Vậy thì,” cậu nói, “nếu em cứ khẳng khẳng muốn biết, anh mười bảy tuổi.”

“Mười bảy à?”

“Đúng rồi.”

“Ôi,” Winnie thất vọng nói. “Mười bảy tuổi. Già thật.”

“Em không tưởng tượng nổi đâu,” cậu gật đầu đồng ý.

Winnie có cảm giác là cậu đang cười nhạo mình, nhưng rồi cô lại tự cho rằng đó là một kiểu cười nhạo thật đáng yêu. “Anh lấy ai chưa vậy?” cô hỏi tiếp.

Lần này thì cậu cười phá lên. “Chưa, anh chưa. Còn em?”

Giờ đến lượt Winnie bật cười. “Dĩ nhiên là chưa rồi,” cô nói. “Em mới mười tuổi. Nhưng sẽ lên mười một sớm thôi.”

“Sau đó em sẽ lấy chồng,” cậu gợi ý.

Winnie lại cười nữa, đầu cô nghiêng sang một bên, ngưỡng mộ nhìn cậu. Rồi cô chỉ vào dòng nước. “Cái đó uống có ngon không vậy anh?” cô hỏi. “Em khát.”

Khuôn mặt của Jesse Tuck đột nhiên nghiêm trang. “Ồ, nước đó hả? Không, không, không ngon đâu,” cậu nói thật nhanh. “Em không được uống nước đó. Phun thẳng từ dưới đất lên. Chắc là dơ lắm.” Và cậu bắt đầu lấp đá lên che lại.

“Nhưng anh uống nó mà,” Winnie nhắc.

“Ồ, em thấy rồi à? “ Cậu nhìn cô lo lắng. “À, anh thì cái gì cũng uống được hết. Ý anh là anh quen rồi nhưng mà nó không tốt cho em đâu.”

“Sao lại không?” Winnie nói. Cô đứng bật dậy. “Dù sao đi nữa, nước đó là của em, nếu nó ở trong rừng. Em muốn uống. Em khát khô cả cổ rồi nè.” Và cô đi đến chỗ cậu ngồi, quỳ xuống bên đồng đá cuội.

“Tin anh đi mà Winnie Foster,” Jesse nói, “em mà uống một chút xíu nước này thôi là kinh khủng cho em lắm. Kinh khủng thật mà. Anh không để em uống đâu.”

“Nhưng mà em không hiểu sao lại không được,” Winnie rầu rĩ nói. “Càng lúc em càng khát. Nếu anh uống được thì em cũng uống được. Ba em mà có ở đây thì ba sẽ cho em uống ngay.”

“Em sẽ không kể cho ba em biết chứ?” Jesse nói. Mặt cậu tái nhợt đi dưới lớp da rám nắng. Cậu đứng dậy và kiên quyết đặt một bàn chân trần lên đồng đá. “Mình biết việc này sớm muộn gì cũng xảy ra mà. Giờ mình phải làm gì đây?”

Cậu nói đến đây thì một tiếng âm vang lên giữa những hàng cây và có tiếng gọi, “Jesse à?”

“Nhờ trời!” Jesse nói, thở phào nhẹ nhõm “Mẹ và anh Miles tới rồi. Họ sẽ biết phải làm gì.”

Ngay lúc đó một người phụ nữ to lớn nhưng trông có vẻ dễ chịu xuất hiện, dẫn theo sau một con ngựa già mập mạp, bên cạnh bà cũng là một thanh niên cũng tuấn tú như Jesse. Đó là bà Mae Tuck và đứa con trai còn lại, anh trai của Jesse. Vừa nhắc thấy bóng hai người, Jesse đang đứng đạp chân lên đồng đá còn Winnie thì quỳ gối bên cạnh, bà đã lập tức hiểu ra ngay. Cánh tay bà vung lên ngực giữ chặt chiếc ghim cài áo cũ kỹ trên tấm khăn choàng còn khuôn mặt trở nên u ám.” Mấy đứa à,” bà nói, “nó đây rồi. Điều tồi tệ nhất cuối cùng đã đến.”

Chương 6 - 7

Sau này, cứ mỗi lần hồi tưởng lại, Winnie thấy những gì diễn ra mấy phút sau đó dường như chỉ còn là một khoảng mờ. Đầu tiên cô nhớ mình đang quỳ trên đất, khăng khăng đòi uống dòng nước ấy, và điều tiếp theo cô biết là cô bị ai đó túm lấy và ném đi, trong khi vẫn đang há hốc mồm kinh ngạc, rồi thấy mình đang ngồi trên cái lưng nhấp nhô của con ngựa già béo ú đó. Miles và Jesse lóc cóc chạy theo hai bên, còn bà Mae thì hần hển nắm dây cương chạy đằng trước.

Trước đó Winnie thường bị ám ảnh với những giấc mơ cô bị bắt cóc. Nhưng chưa từng có giấc mơ nào giống như thế này, khi mà những kẻ bắt cóc trông cũng hãi hùng không khác gì cô cả. Cô lúc nào cũng tưởng tượng ra cảnh một đoàn gồm toàn gã đàn ông lực lưỡng để ria mép dài đen nhánh cuốn cô vào một cái chăn rồi vác đi như vác một bao khoai tây trong khi cô van xin cầu tha mạng. Nhưng thay vì thế, người cầu xin đây lại chính là họ, bà Mae Tuck, Miles và Jesse.

“Làm ơn, con... cung, cung à... đừng sợ.” Đó là tiếng bà Mae vừa chạy vừa ngoái đầu gọi với ra sau. “Chúng ta... sẽ không làm hại con đâu... dù có đổi cả thế giới này cũng vậy.”

“Nếu em... gào lên hay làm gì đó” tiếng Jesse “Ai đó sẽ nghe thấy và... nguy hiểm lắm.”

Và Miles nói, “Tụi anh sẽ giải thích cho em biết... nhưng phải đi xa đã.”

Winnie không nói nổi nên lời. Cô bé bám chặt vào yên ngựa kinh ngạc nhận ra rằng dù tim mình đang đập thành thịch còn sống lưng thì cứng đờ và lạnh toát như một cái ống đầy nước đang chảy, tâm trí cô vẫn bình tĩnh phát sợ. Những suy nghĩ rời rạc lần lượt nối đuôi nhau xuất hiện, cứ như này giờ chúng vẫn đang xếp hàng chờ đến phiên mình vậy. “Thì ra cưới ngựa là như vậy - đằng nào thì mình cũng định bỏ nhà đi hôm nay - cả nhà sẽ nói gì khi thấy mình không xuống ăn sáng nhỉ - mình ước gì con cóc đó thấy mình lúc này - bà ấy đang lo lắng cho mình - Miles còn cao hơn cả Jesse - mình cúi xuống thì hơn nếu không muốn bị cành cây kia quật ngã.”

Lúc này họ đã đến được bìa rừng, nhưng không có vẻ gì là sẽ đi chậm lại cả. Con đường, đoạn nó bẻ góc cắt qua đồng cỏ, đã ở ngay trước mặt, sáng lóa mắt trong ánh nắng tràn trề, Và đứng đó, ngay trên đường, là gã đàn ông tối hôm trước, người mặc đồ vàng chóa, đội mũ đen.

Nhác trông thấy gã, thấy vẻ ngạc nhiên trên khuôn mặt gã và lập tức được đặt trước sự chọn lựa, tâm trí cô lại đột nhiên trống rỗng một cách ngang ngạnh. Đáng lẽ phải kêu gào cầu cứu thì cô bé chỉ cứ giương mắt nhìn khi họ đi ngang qua chỗ gã đang đứng. Mỗi mình bà Mae Tuck lên tiếng, và cái có khá nhất bà có thể bịa ra là: “Dạy con gái út... cách cưỡi ngựa!” Chỉ sau đó Winnie mới nghĩ ra mình phải la lên, vẫy tay, hay làm một cái gì đó. Nhưng lúc bấy giờ gã đàn ông đã biến mất sau lưng rồi, và cô bé sợ phải buông yên ngựa ra, sợ quay người lại sẽ bị ngã. Lại một lát nữa trôi qua, quá trễ rồi. Họ đã tăng tốc lên đồi rồi xuống đến mé sườn bên kia, cơ hội đã vụt đi mất.

Vài phút sau, con đường dẫn họ đến một nơi mé trái có con suối nông quanh co chảy gần kề, xung quanh là bóng liễu rủ và những bụi cây rậm rạp um tùm. “Dừng lại!” bà Mae la lên. “Mình dừng lại ở đây!” Miles và Jesse vội chộp lấy dây cương khi con ngựa đột ngột lông lên suýt chút nữa là hất Winnie lộn nhào qua cổ nó. “Mang đứa trẻ tội nghiệp xuống đây,” bà Mae thở hổn hển, ngực bà phập phồng. “Mình lại chỗ con suối ngồi nghỉ lấy hơi và nói cho rõ mọi chuyện trước khi đi tiếp.”

Thế nhưng lời giải thích, khi họ loạng choạng tới bên bờ suối, không đến dễ dàng. Bà Mae có vẻ bối rối, còn Miles và Jesse thì bồn chồn không yên liếc nhìn mẹ. Chẳng ai biết phải bắt đầu thế nào. Về phần mình, giờ đây khi cuộc trốn chạy đã kết thúc, Winnie mới mừng tượng được việc gì đang diễn ra, và việc hiểu ra điều này khiến cổ họng cô thít chặt còn miệng khô khốc. Đây không phải là giấc mơ. Đây là chuyện thật. Những người lạ mặt này đã bắt cóc cô; họ có thể làm bất cứ điều gì; có thể cô sẽ không bao giờ được nhìn thấy mẹ nữa. Nghĩ đến mẹ, cô thấy mình mới nhỏ bé, yếu ớt và vô dụng làm sao, thế là cô bé chột òa lên khóc nức nở, nửa buồn bực nửa choáng váng đến tuyệt vọng.

Khuôn mặt tròn trịa của bà Mae Tuck nhăn nhó khổ sở. “Chúa ơi, xin con đừng khóc! Làm ơn xin đừng khóc mà cưng!” bà nài nỉ. “Chúng ta không phải là người xấu, chắc chắn không phải. Chúng ta buộc phải mang con đi - con sẽ hiểu tại sao ngay thôi mà - và chúng ta sẽ đưa con về ngay khi có thể. Ngày mai. Bác hứa đấy.”

Vừa nghe bà Mae nói, “Ngày mai,” Winnie càng thôn thức to hơn nữa. Ngày mai! Tiếng đó nghe như thể cô sẽ bị bắt đi mãi mãi vậy. Cô muốn về nhà, ngay bây giờ, muốn được lao trở vào khoảng an toàn bên trong cái hàng rào ấy và nghe giọng nói của mẹ vọng ra từ cửa sổ. Bà Mae dang tay về phía cô, nhưng cô quay ngoắt đi, hai tay che mặt, và cô lại nấc lên nức nở.

“Kinh khủng quá!” Jesse nói. “Mẹ không thể làm gì sao? Tội nghiệp con bé.”

“Đáng lẽ mình phải nghĩ ra cái cách nào khác hơn cách này rồi mới phải chứ,” Miles nói.

“Đúng vậy,” bà Mae nói trong vô vọng. “Chúa biết rằng chúng ta có quá đủ thời gian nghĩ ra cách giải quyết vì chuyện này chẳng chóng thì chầy cũng xảy ra. Trước giờ chưa có là phúc đức lắm rồi. Nhưng mẹ chưa từng nghĩ đó là một đứa trẻ.” Nói rồi bà lơ đãng thò tay vào túi váy lấy ra chiếc hộp nhạc, rồi không cần suy nghĩ bà vặn dây cốt bằng mấy ngón tay run rẩy.

Khi cái giai điệu ấy lạnh canh nhẹ nhàng ấy vang lên, tiếng nức nở của Winnie chợt dịu đi. Cô bé đứng bên con suối, mặt vẫn úp vào hai bàn tay, và lắng nghe. Đúng rồi, đó chính là bản nhạc mà cô nghe thấy tối hôm trước. Bằng cách nào đó nó khiến cô bình tĩnh trở lại. Nó giống như một dải băng vô hình ràng buộc cô với những thứ thân thương. Cô nghĩ, “Về nhà mình sẽ kể cho bà biết đó chẳng phải là nhạc yêu tinh gì cả.” Rồi cô lấy hai bàn tay ướt mềm chùi mặt cho thật sạch và quay về phía bà Mae. “Đó là điệu nhạc con nghe tối qua,” cô cố nói nên lời giữa những tiếng sụt sịt trước khi nín khóc hẳn. “Lúc con ở trong vườn. Bà nội nói đó là yêu tinh.”

“Cưng à, không phải đâu,” bà Mae nói, chăm chú nhìn cô bé đầy hy vọng. “Chỉ là cái hộp nhạc của bác ấy mà. Bác không biết là có người lại nghe thấy.” Rồi bà đưa nó cho Winnie. “Con muốn xem thử không?”

“Đẹp quá,” Winnie nói, tay cầm lấy hộp nhạc và lật nó lên. Chìa khóa lên dây cốt vẫn xoay tròn, nhưng càng lúc càng chậm lại. Giai điệu lụi tàn dần. Vài nốt nhạc nữa vang lên cách quãng rất xa, rồi tắt.

“Con thích thì cứ vặn nó lên,” bà Mae nói. “Theo chiều kim đồng hồ.”

Winnie vặn chìa khóa. Nó khẽ kêu lách cách. Và rồi, sau vài lần vặn như thế nữa, nhạc lại cất lên, rộn rã vì mới được lên dây cốt, và tươi vui. Chẳng ai sở hữu một vật như thế này lại đáng ghét cả. Winnie vừa nghĩ vừa ngắm nghía hình vẽ hoa hồng và hoa lan chuông, rồi bất giác mỉm cười. “Nó đẹp quá,” cô lặp lại, trả nó cho bà Mae.

Chiếc hộp nhạc ấy đã khiến tất cả mọi người nhẹ nhõm. Miles lấy từ túi sau ra chiếc khăn tay lau mặt, còn bà Mae thì nặng nhọc ngồi phịch xuống một tảng đá, giật chiếc mũ rơm xanh trên đầu xuống làm quạt mát.

“Nhìn đây, Winnie Foster,” Jesse lên tiếng. “Chúng ta là bạn, thật sự là như vậy. Nhưng em phải giúp bọn anh. Lại đây ngồi xuống đi, và bọn anh sẽ giải thích cho em hiểu tại sao.”

Chương 7

Đó là câu chuyện lạ kỳ nhất mà Winnie từng nghe. Cô nhanh chóng ngờ rằng họ chưa kể chuyện này cho ai nghe ngoại trừ trò chuyện với nhau - có nghĩa cô chính là vị thính giả thật sự đầu tiên của họ; vì họ quây quần quanh cô như trẻ con bu quanh gối mẹ, người nào cũng cố làm cô chú ý, đôi khi cả ba còn nói cùng một lúc, cướp lời nhau một cách hào hứng.

Tám mươi bảy năm về trước, gia đình nhà Tuck đã đi một quãng đường dài tới miền Đông để tìm nơi định cư. Ngày ấy khu rừng không như bây giờ, nó là một cánh rừng rộng lớn như lời bà nội kể vậy: trải dài xa tít mù tắp. Họ tính sẽ dựng một nông trại ngay khi đến chỗ cánh rừng kết thúc. Nhưng cây cối chẳng có vẻ gì là sẽ hết cả. Lúc đến được chỗ khu rừng ngày nay và rời khỏi đường mòn đi tìm nơi cắm trại, họ vô tình đứng trên dòng suối ngầm ấy.

“Nơi đó đẹp lắm,” Jesse nói cùng tiếng thở dài, “Trông giống hệt như bây giờ. Một khoảng rừng trống, ngập tràn ánh nắng, với cái cây to có những đọt rể sần sùi ấy. Cả nhà dừng lại đó và mọi người cùng uống nước suối, cả con ngựa nữa.”

“Không hẳn,” bà Mae lên tiếng. “Con mèo không uống nước. Chuyện này quan trọng lắm đấy.”

“Đúng vậy,” Miles nói, “đừng bỏ đi chi tiết đó. Tất cả chúng ta đều uống, trừ con mèo.”

“Được rồi, dù sao đi nữa,” Jesse tiếp tục, “nước đó có vị hơi lạ. Nhưng bọn anh vẫn cắm trại qua đêm ở đó. Rồi ba anh khắc một chữ T lên thân cây để đánh dấu chỗ đã đến. Rồi cả nhà anh tiếp tục lên đường.”

Sau cùng họ cũng ra được khỏi cánh rừng và cách đó hàng dặm về phía Tây, họ tìm thấy một thung lũng vắng người và bắt tay vào dựng nông trại. “Bọn anh dựng một căn nhà cho ba mẹ,” Miles kể, “và một căn lều gỗ cho Jesse và anh. Tụi anh đã nghĩ đến chuyện sớm lập gia đình nên cần phải có nhà riêng.”

“Lần đầu tiên mọi người nhận ra có điều gì đó bất thường,” bà Mae nói, “là

lúc Jesse bị té khi trèo cây...”

“Anh đang trèo lên đến khoảng giữa,” Jesse xen vào, “cố gắng cưa đứt mấy cành cây lớn trước khi chặt cả cây thì bị mất thăng bằng và anh té...”

“Nó rớt xuống u một cục trên đầu,” bà Mae vừa nói vừa rùng mình. “Chúng ta chắc là nó gãy cổ rồi. Nhưng lại xem mới thấy là nó chẳng bị sây sát tẹo nào.”

“Không lâu sau đó,” Miles tiếp tục, “có mấy người thợ săn đi ngang qua nhà lúc sẩm tối. Con ngựa này đang gặm cỏ dưới mấy gốc cây thì họ bắn nó. Nhầm nó là nai, họ nói vậy. Em tin nổi không chú? Nhưng vấn đề là họ không giết được nó. Viên đạn xuyên qua mình nó mà không để lại một vết xước.”

“Rồi ba bị rắn cắn...”

“Và Jesse ăn phải nấm độc...”

“Rồi mẹ bị đứt tay nữa chứ,” bà Mae nói “Nhớ không? Lúc cắt bánh mì ấy.”

Nhưng thời gian trôi qua mới chính là yếu tố khiến gia đình Tuck lo lắng hơn cả. Họ đã dựng nên nông trại, định cư ở đó và kết bạn với mọi người xung quanh. Nhưng mười năm, rồi hai mươi năm, họ buộc phải đối diện với sự thật rằng đã có điều gì đó cực kỳ không ổn đã xảy ra. Chẳng ai trong gia đình họ già đi cả.

“Lúc đó anh đáng lẽ ngoài bốn mươi rồi,” Miles buồn rầu nói, “Anh đã lấy vợ, có hai con. Nhưng bề ngoài thì trông vẫn như hai mươi hai. Vợ anh cuối cùng cũng cho rằng anh đã bán linh hồn cho quỷ. Cô ấy bỏ anh đi. Cô ấy bỏ đi mang theo cả hai con.”

“Anh mừng là mình chưa từng lấy vợ,” Jesse chêm vào.

“Bạn bè nhà bác cũng vậy,” bà Mae tiếp lời. “Họ xa lánh gia đình bác. Có tin đồn về trò phù thủy. Phép thuật hắc ám. Thật ra cũng không trách họ được, nhưng cuối cùng rồi thì nhà bác cũng phải rời bỏ nông trại. Cả nhà không biết phải đi đâu về đâu nên đành trở lại con đường đã đến, chỉ đi lang thang vô định thế thôi. Giống như là dân Digan vậy đó. Lúc đến được tận đây thì mọi thứ đã thay đổi, dĩ nhiên. Cây cối bị chặt gần hết. Có người dọn đến ở và cả một ngôi làng mới xuất hiện - đó là Treegap. Con đường vẫn còn đây nhưng ngày trước nó chỉ là lối mòn do bò tạo ra mà thôi. Cả nhà đi vào khu

rừng nhỏ còn sót lại để cắm trại, rồi khi đến chỗ khoảng rừng trống có cái cây và con suối đó, gia đình bác nhớ lại hết mọi chuyện.”

“Nó chẳng thay đổi gì cả. cũng giống như bọn anh vậy,” Miles nói. “Và cũng nhờ đó mà bọn anh khám phá ra mọi chuyện. Ba anh đã khắc một chữ T lên thân cây, nhớ chứ, hai mươi năm về trước, nhưng chữ T đó vẫn nằm ngay vị trí mà ba anh đã khắc. Cái cây đó chẳng cao thêm được chút xíu nào trong suốt quãng thời gian dài. Trông nó vẫn y hệt như vậy. Còn chữ T thì mới nguyên như thể chỉ vừa mới được khắc lên đó .”

Rồi họ nhớ lại chuyện đã uống nước. Cả nhà họ - và con ngựa. Còn con mèo thì không. Con mèo sống thật lâu và hạnh phúc ở nông trại, nhưng đã chết khoảng mười năm trước rồi. Thế là sau cùng họ nhất trí rằng con suối chính là nguồn gốc mọi sự trẻ mãi không già của họ.

“Khi chúng ta rút ra kết luận này,” bà Mae tiếp tục. “Ông Tuck - chồng bác, Angus Tuck - nói ông muốn biết chắc một lần cho dứt khoát. Ông lấy ra khẩu súng ngắn và nhắm thẳng vào mình, và trước khi mọi người kịp can ngăn, ông bóp cò.” Bà Mae dừng lại một lúc lâu, mấy ngón tay đặt trên lòng đan vào nhau, xoắn chặt cùng sự tập trung căng thẳng vì cố nhớ. Sau cùng bà lên tiếng, “Phát đạn vật ông ngã xuống. Xuyên qua tim. Nhất định phải thế vì ông cố tình nhắm như vậy mà. Rồi viên đạn bay xuyên qua người ông. Nó thậm chí chẳng để lại một vết xước. Giống như là - con biết đấy - như viên đạn vô nước. Và trông ông không hề suy suyễn, như thể ông chưa từng bắn mình vậy .”

“Sau chuyện đó nhà anh giống như phát điên lên vậy,” Jesse vừa nói vừa cười toe toét nhớ lại. “Quý quái thật, chúng ta sẽ sống bất tử. Em có hình dung ra nỗi bọn anh cảm thấy như thế nào khi khám phá ra chuyện đó không?”

“Nhưng rồi tụi anh lai ngồi xuống và bàn bạc...” Jesse lại chêm vào.

“Và chúng ta nhận ra mọi chuyện rồi sẽ tệ hại vô cùng nếu mọi người biết về con suối đó,” bà Mae nói “Chúng ta bắt đầu thấy trước thế nghĩa là sao.” Bà nhìn Winnie dò hỏi “Con hiểu không cưng? Thứ nước đó - nó làm cho con ngưng lại ngay tại chỗ. Nếu con mà uống nó ngày hôm nay thì con sẽ mãi mãi là một cô bé gái. Con sẽ không bao giờ lớn lên được, không bao giờ.”

“Bọn anh không hiểu nổi nó hoạt động như thế nào, hay thậm chí tại sao lại như vậy,” Miles tiếp.

“Ba anh nghĩ đó là thứ còn sót lại - ừm, từ một kế hoạch khác về cách thế giới này nên trở thành,” Jesse nói “Một kế hoạch đem lại kết quả không mấy tốt đẹp. Và thế là mọi thứ đều bị thay đổi. Chỉ có điều con suối đó đã bị bỏ quên. Có lẽ là ông đúng. Anh cũng không biết nữa nhưng mà em thấy đó, Winnie Foster, lúc mà anh nói với em anh một trăm lẻ bốn tuổi là nói thật đó. Nhưng nhìn anh thật sự chỉ mới mười bảy và theo chỗ anh biết thì chắc anh sẽ mười bảy tuổi cho đến ngày tận thế.”

Chương 8 - 9

Winnie không tin vào cô tích. Cô bé chưa từng khao khát có được cây đu đủ thần, không hề ao ước sánh duyên cùng hoàng tử, và còn coi thường - hầu như lúc nào cũng vậy - những con yêu tinh của bà nội. Vì thế mà giờ cô ngồi đây, miệng há hốc, mắt mở to, không biết bình phẩm gì về câu chuyện hoang đường này. Chuyện này không thể nào - một chút cũng không - là sự thật.

“Thật dễ chịu khi kể được với ai đó!” Jesse reo lên. “Nghĩ mà xem, Winnie Foster, em là người duy nhất trên đời này ngoài bọn anh ra, biết được chuyện này!”

“Từ từ đã nào,” Miles thận trọng nói. “Cũng có thể không phải thế. Có thể có cả đồng người khác nữa, có thể thế lắm, từng lang thang qua đây giống tụi mình.”

“Có thể. Nhưng mình đâu biết họ đâu,” Jesse chỉ ra. “Tụi mình chưa từng biết ai ngoài chính tụi mình mà kể chuyện này cho nghe. Winnie - em thấy chuyện này có kỳ quặc không? Và tuyệt vời nữa chứ? Hãy nghĩ đến tất cả những thứ bọn anh từng nhìn thấy trên thế giới này! Cả những thứ mà mình sắp được thấy nữa chứ!”

“Em nói kiểu đó sẽ khiến cô bé muốn quay ngay trở lại để uống cả thùng thứ nước đó đấy,” Miles cảnh báo. “Em biết đấy, có nhiều thứ nảy sinh từ đó hơn là mấy lúc vui vẻ của Jesse Tuck.”

“Ôi giờ, lại ba cái chuyện đó nữa,” Jesse vừa nói vừa nhún vai. “Đã không thay đổi được gì thì cứ vui sống đi. Anh đừng có lúc nào cũng như cha đạo nữa.”

“Anh chẳng phải cha đạo gì cả,” Miles nói “Anh chỉ cho rằng em nên nghiêm túc hơn thôi.”

“Thôi được rồi, mấy thằng này,” bà Mae nói. Lúc này bà đang quỳ gối bên cạnh con suối, té nước mát lên rửa mặt và tay. “Úi chà! Thời tiết gì vậy trời!” bà la lên, lại ngồi xồm xuống. Bà mở đồ cài áo ra, tháo khăn choàng lau khuôn mặt tong tong nước. “Thế đấy, cưng à,” bà vừa nói với Winnie vừa đứng dậy. “Giờ con đã biết bí mật của nhà bác rồi đó. Một bí mật lớn và nguy hiểm. Chúng ta cần con giúp giữ bí mật này. Con chắc là còn nhiều chuyện cần phải hỏi lắm, nhưng mình không thể ở lại đây lâu hơn được nữa.” Nói rồi bà cột chiếc khăn choàng quanh thắt lưng, và thở dài. “Nghĩ

đến ba mẹ con phải lo lắng thế nào mà đau lòng, nhưng thiệt tình không còn cách nào khác. Phải đưa con về nhà chúng ta thôi. Kế hoạch là như vậy. Ông Tuck - ông chắc là sẽ muốn nói cho con rõ để con hiểu tại sao mà không được kể chuyện này cho ai biết hết. Nhưng ngày mai chúng ta sẽ đưa con về. Được không?” Và cả ba người họ nhìn cô tràn trề hy vọng.

“Dạ được,” Winnie đồng ý. Vì cô biết rằng mình chẳng còn chọn lựa nào khác cả. Cô phải đi theo họ thôi. Và lại họ cũng có thể bắt cô theo, bất kể cô nói gì. Nhưng cô cảm thấy chẳng có gì đáng sợ, thật là như vậy. Bởi họ trông có vẻ hiền lành. Hiền lành và - theo một cách kỳ lạ - thật trẻ con. Họ làm cô cảm thấy mình lớn bổng lên. Và cái cách họ trò chuyện cùng cô, cách họ nhìn cô, làm cô bé thấy mình thật đặc biệt. Quan trọng. Đó là một cảm giác âm áp và lan tỏa, hoàn toàn mới lạ. Cô thích cái cảm giác đó và dù có tin hay không vào câu chuyện ấy thì cô vẫn thấy thích họ, đặc biệt là Jesse.

Nhưng Miles mới là người nắm lấy tay cô và nói, “Thật tuyệt khi có em bên cạnh, dù chỉ một hay hai ngày thôi cũng được.”

Lúc này Jesse chột reo to lên một tiếng rồi nhảy ùm xuống suối, tạt nước bắn tung tóe cả lên. “Mẹ đem đồ ăn sáng gì vậy?” cậu la lên “Mình ăn trên đường đi được không? Con sắp chết đói rồi nè!”

Thế là giờ khi mặt trời đã lên cao trên bầu trời, họ lại khởi hành, vừa đi vừa ăn bánh mì với pho mát, làm não động cả không gian tĩnh lặng thánng Tám. Jesse hát âm ỉ mấy bài hát xưa vui nhộn và còn đu như khi trên mấy cành cây, khoe mẽ không biết ngượng trước mặt Winnie, gọi với theo cô, “Ê, Winnie Foster, xem anh nè!” và “Xem anh làm được gì này!”

Và Winnie, khi cười trước trò đó, đã xóa tan nỗi sợ hãi sau cùng của mình. Họ là bạn, bạn của cô. Cuối cùng cô cũng đã bỏ nhà ra đi, nhưng không hề cô đơn. Khi đóng sập cánh cửa ngăn những nỗi sợ hãi xa xưa nhất như vẫn đóng công hàng rào, cô đã khám phá ra đôi cánh mà mình hằng ao ước. Và ngay lập tức lòng cô ngập tràn vui sướng. Đâu rồi những điều kinh khủng mà người ta bảo cô sẽ gặp phải? Cô chẳng nhận ra bóng dáng chúng ở đâu cả. Mặt đất đầy hương thơm cỏ ngọt trải rộng bốn phương trời trước mắt cô như cánh một bông hoa đang chờ bàn tay người hái, tất cả lung linh đầy ánh sáng và cơ hội làm cô choáng váng. Giọng nói của mẹ, cảm xúc về mái ấm gia đình, trong phút chốc bỗng lùi xa, và suy nghĩ của cô hướng về phía trước. Tại sao lại không nhỉ, cả cô nữa cũng có thể bắt tử trong cái thế giới tuyệt vời mà cô chỉ vừa mới khám phá ra chứ! Câu chuyện về con suối - có thể là sự thật! Vì thế mà khi cô không còn ngồi lắc lư trên mình con ngựa già béo

ấy nữa - lần này là do tự nguyện - cô vừa chạy vừa hét vang trên đường, hai cánh tay vung lên, ồn ào hơn hết thảy.

Thật là tuyệt. Tuyệt thật đấy chứ vì trong suốt thời gian đó, chẳng ai trong số họ để ý thấy người đàn ông họ đã gặp trên đường, người mặc đồ màu vàng, đã rón rén nấp vào mấy bụi cây bên bờ suối và nghe thấy hết, toàn bộ câu chuyện hoang đường này. Cũng chẳng ai trông thấy gã giờ đây đang bám theo họ, bên lề đường tí phía sau, cái miệng trên bộ râu xám mỏng khẽ nhếch thành một nụ cười.

Chương 9

Mặt trời tháng Tám leo lên treo mình ở chính giữa bầu trời suốt một giờ chói lóa, nhưng cuối cùng lại lặn bán vế phương Tây trước khi cuộc hành trình của họ kết thúc. Winnie thì đã kiệt sức từ trước đó lâu rồi. Miles bế cô đi được một đoạn. Hai má cô bé ửng hồng vì cháy nắng, mũi cô đỏ au trông đến buồn cười, nhưng cô đã thoát khỏi cơn nắng như đổ lửa ấy nhờ chiếc mũ rơm xanh mà bà Mae cứ khăng khăng bắt cô phải đội. Chiếc mũ phủ qua tai làm cô giống như một chú hề, nhưng bóng râm tỏa ra từ vành mũ mời gọi đến độ Winnie gạt tính tự cao sang một bên và thiếp ngủ thật biết ơn trong vòng tay mạnh mẽ của Miles, hai tay cô bé choàng qua cổ anh.

Những đồng cỏ, cánh đồng và những lùm cây rậm rạp mà họ đi qua tung bừng dập diu ong lượn, lũ dế búng tanh tách trước họ như thể cứ mỗi bước nhảy lại nhả một lò xò ra và hát chúng lên như những hòn sỏi. Nhưng mọi thứ khác tĩnh lặng, khô rang như sắp sửa bốc cháy đen nơi, dè sẻn nguồn dự trữ nhựa sống cuối cùng, cố cầm cự đến khi cơn mưa trở lại, và những đóa hoa cà rốt dai phủ bụi nằm trên đồng cỏ như đám bọt tung trắng xóa trong một bức

tranh cảnh biển.

Sau đó thì, thật kinh ngạc khi leo lên một quả đồi chạy dài, nhìn thấy phía trước lại một ngọn đồi nữa, xa xa tiếp đó là màu xanh thẫm của khoảng rừng thông thưa thớt, và khi lên cao nữa sẽ cảm thấy không khí thanh khiết và dịu mát đi. Winnie như được hồi sinh, khụt khịt mũi và lại có thể cười ngửa, vắt vẻo ngay sau lưng bà Mae. Và sau câu hỏi liên miên của cô bé, “Chúng ta sắp tới chưa ạ?” câu trả lời mong đợi rốt cuộc vẫn là, “Chỉ còn vài phút nữa thôi.”

Một vạt lớn rừng thông xanh thẫm vươn lên cao, hiện ra mỗi lúc một gần, và

thình lình Jesse hô to, “Đến nhà rồi! Nhà bọn anh đây nè, Winnie Foster!” Nói xong cậu và Miles phóng đi và biến mất giữa những hàng cây. Con ngựa chạy theo sau, ngoặt vào lối nhỏ hằn vết bánh xe và lùm xùm rễ cây, và cô cảm tưởng như họ đã lạc bước vào một chiếc rây khổng lồ. Nắng chiều vàng rực chỉ xuyên xuống tán mát vài tia, và vạn vật đều tĩnh lặng và hoang sơ, mặt đất êm ái cuộn mình trong tấm mền rêu và lá thông rơi, những nhánh thông duyên dáng vươn xa đầy che chở về tất cả mọi hướng. Không khí dịu dịu, mát mẻ và xanh tươi dễ chịu vô cùng. Chú ngựa thận trọng nhích từng bước một, sau đó lối đi trước mặt đổ xuống một đường đê dốc: và xa xa kia, Winnie, ló mặt từ sau thân hình to lớn của bà Mae quan sát, trông thấy một chớp màu và một tia lửa lấp lánh chói lọi. Họ lắc lư đi hết con đường đê dốc, và kia rồi, một ngôi nhà nhỏ bé đơn sơ màu đỏ xuất hiện, và bên dưới nó lóe lên chớp nắng muộn trên một mặt hồ nhỏ lăn tăn gợn sóng.

“Ôi, trông kìa!” Winnie reo lên. “Nước!”

Cùng lúc đó họ nghe thấy hai tiếng ùm thật lớn vang lên cùng hai tiếng hét vui sướng.

“Chúng không thể chờ thêm phút nào nữa để được nhảy xuống hồ,” bà Mae nói, cười tươi. “Cũng chả trách, trời nóng như vậy mà. Con muốn thì cũng xuống đi.”

Rồi thì họ cũng đến trước cửa ngôi nhà nhỏ, ông Tuck đang đứng đợi ở đó. “Đứa nhỏ đâu rồi?” ông gặng hỏi, không nhận ra vì Winnie lúc này đang nấp sau lưng bà Mae “Hai đứa kia nói bà đưa về đây một đứa nhỏ bằng xương bằng thịt, bình thường và thật thà!”

“Đúng vậy,” bà Mae nói, tụt xuống khỏi mình ngựa. “Con bé đây nè.”

Sự nhút nhát của Winnie bỗng chốc trở lại khi cô nhìn thấy người đàn ông to lớn có khuôn mặt buồn rầu mặc chiếc quần tây rộng thùng thình ấy, nhưng khi ông chăm chăm nhìn cô thì cảm giác ấm áp dễ chịu lại một lần nữa lan toả khắp người cô. Đầu ông Tuck ngoẹo sang một bên, đôi mắt ông trở nên thật dịu dàng và nụ cười dễ mến nhất trần đời dường xóa nhòa những nếp nhăn muộn phiền nơi hai gò má. Ông bước tới đỡ cô bé trên lưng ngựa xuống và nói, “Không lời nào có thể tả xiết nỗi vui mừng của bác khi được gặp con. Đây là điều tuyệt vời nhất từng xảy ra trong vòng...” Ông đột ngột tự ngắt lời, đặt Winnie xuống, và quay qua bà Mae. “Nó có biết không vậy?”

“Dĩ nhiên là biết rồi,” bà Mae đáp, “Thế nên tôi mới mang nó về nhà.

Winnie, đây là chồng bác, Angus Tuck. Anh Tuck, làm quen với Winnie Foster đi.”

“Chào con, Winnie Foster,” ông Tuck nói, bắt tay Winnie hơi trịnh trọng một chút. “Được rồi!” Ông đứng thẳng dậy và chăm chú nhìn cô, còn Winnie, khi nhìn lại mặt ông, bỗng trông thấy một vẻ khiến cô có cảm giác mình giống như một món quà bất ngờ, bọc trong giấy đẹp có buộc ruy băng, dù lúc này chiếc mũ xanh của bà Mae vẫn còn trùm kín đầu cô. “Được rồi,” ông Tuck lặp lại, “biết là con biết rồi, bác sẽ nói tiếp câu lúc này, rằng đây là điều tuyệt vời nhất xảy ra trong vòng - ừm - ít nhất là tám mươi năm qua.”

Chương 10 - 11

Winnie từ nhỏ đã lớn lên trong trật tự và ngăn nắp. Cô bé đã quen sống như vậy rồi. Trước những nỗ lực không thương tiếc của bà và mẹ gộp lại, ngôi nhà nơi cô sống dành miễn cưỡng chào thua để bị quét dọn, lau chùi, chà rửa luôn luôn đến khi sạch bóng mới thôi. Nơi ấy không có chỗ cho tính bất cẩn hay bê tha trì hoãn công việc. Phụ nữ gia đình Foster đã dựng nên cả một pháo đài từ những bồn phận. Sống trong đó, họ trở nên bất khả chiến bại. Và Winnie cũng được huấn luyện để trở nên như vậy.

Thế nên cô chưa từng được chuẩn bị để sống trong ngôi nhà nhỏ đơn sơ bên bờ hồ ấy, chưa hề sẵn sàng đối mặt với bụi bặm theo gió thổi tốc lên từng cơn nhẹ, với mạng nhện trắng xóa giăng đầy nhà, với chú chuột - được chào đón! - cư ngụ trong ngăn kéo bàn. Nhà chỉ có ba phòng. Đầu tiên là bếp, với chiếc tủ chén mở toang nơi chén đĩa chất đầy thành những ngọn tháp ngất nghều bất chấp kích cỡ lớn bé lộn xộn của chúng. Có cả một bếp lò to đùng đen sì, một bồn rửa bằng kim loại, và trên mọi mặt phẳng, mọi bức tường đều chất chồng hay vương vãi hay lủng lẳng treo đủ mọi thứ trên đời mà bạn có thể tưởng tượng ra, từ củ hành tây đến lòng đèn, từ muỗng gỗ đến chậu giặt đồ. Và kia bị bỏ trong xó bếp là khẩu súng ngắn ngày nào của ông Tuck.

Kế đến là phòng khách, nơi bàn ghế, lung lay và xiêu vẹo vì năm tháng, bày biện tán loạn vô trật tự. Chiếc sofa cỡ lớn màu xanh nhung bơ vơ lẻ loi ở giữa phòng, trông giống một cành cây rụng rêu phong nữa, đối diện với cái lò sưởi bám đầy bồ hóng vẫn còn ngập ngựa trong đóng tro từ mùa đông năm ngoái. Chiếc bàn có cái ngăn kéo nơi trú ngụ của chú chuột bị kéo ra, cũng nằm chơ vơ ở tuốt một góc xa, còn ba cái ghế bành và chiếc xích đu già cỗi thì thờ thẩn mỗi cái một góc, như những kẻ xa lạ trong một buổi tiệc, chẳng thèm ngó ngang gì đến nhau.

Qua phòng khách là đến phòng ngủ, ở đó chiếc giường lớn bằng đồng hơi liêu xiêu độc chiếm phần lớn không gian, nhưng vẫn chừa chỗ bên cạnh cho chiếc giá rửa mặt cùng cái gương cô đơn, đối diện là tủ quần áo bằng gỗ sồi lớn thoang thoang mùi long não. Phía trên những bậc thang hẹp và dốc là cái gác xép đầy bụi bặm - “Đó là chỗ mấy thằng nhỏ ngủ lúc tụi nó ở nhà,” bà Mae giải thích - và tất cả chỉ có vậy.

Mà không, không hẳn chỉ có vậy. Vì chỗ nào trong nhà cũng đầy những dấu ấn về những hoạt động thường ngày của bà Mae và ông Tuck. Đồ may vá của bà: miếng vá và vải vụn sáng màu; chăn bông và thảm tét mới hoàn

thành được một nửa; một túi bông đang thả những làn bông trắng như tuyết trôi vào các vết nứt và góc nhà; chiếc ghế sofa chằng đầy kim chỉ và ghim đầy kim nguy hiểm. Đồ chạm gỗ của ông: vỏ bào quần tít chất nghẽn cả sàn nhà; đây đó những đồng nhỏ những mảnh vụn và dăm gỗ; mùn cưa phủ mờ trên mọi thứ; rải rác tay chân chưa lấp vào của mấy con búp bê và lính gỗ; mô hình một chiếc tàu đang nằm chờ khô keo dán dựng trên cái bàn có chú chuột; và cả một chõng chén gỗ được bào nhẵn thín, trong chiếc chén trên cùng là đồng muông nĩa bự bằng cũng bằng gỗ như những khúc xương khô đã ngả màu.

“Hai bác làm đồ để bán,” bà Mae vừa nói vừa nhìn quanh đồng lộn xộn trước mặt vẻ hài lòng.

Thế cũng vẫn chưa hết. Vì, trên trần nhà cũ kỹ của phòng khách, còn có những vệt nắng đang ngụp lặn, nhảy múa và lả lướt như một ảo ảnh rực rỡ, phản chiếu mặt hồ trần ngập ánh nắng qua cửa sổ. Những chậu cúc được đặt ở khắp nơi, màu trắng sáng và vàng. Và bao trùm lên tất cả là hương thơm ngọt ngào, trong lành của hồ nước và cỏ dại, tiếng quang quác chói tai của chim bói cá bỏ xuống sân mồi, tiếng vang rền ríu rít của hàng chục loài chim, và đôi khi chen vào một nốt trầm đột ngột của chú ếch điềm nhiên đang thư thả đầu đó dọc bờ hồ lầy lội.

Cô bé Winnie lạc giữa cảnh ấy, mắt mở to đầy kinh ngạc. Chuyện người ta có thể sống trong mớ hỗn độn như thế này là điều hoàn toàn mới lạ nhưng cũng thật thú vị đối với cô. Mọi thứ thật là dễ chịu. Vừa theo bà Mae leo lên gác xép cô vừa nghĩ thầm: “Có lẽ vì họ sẽ còn cả thời gian vĩnh cửu phía trước để dọn dẹp nhà cửa.” Và liền sau đó là một ý nghĩ mới, tiến bộ hơn nhiều: “Hay có lẽ là họ chẳng thèm quan tâm!”

“Mấy thằng nhỏ không mấy khi ở nhà,” bà Mae nói khi họ đã ở trên căn gác tối tối ấy. “Nhưng mỗi khi về nhà là tụi nó ngủ ở đây. Còn nhiều chỗ lắm.” Căn gác xép cũng chằng đầy đồ đạc lặt vặt, nhưng còn có thêm hai tấm nệm đã trải sẵn trên sàn, trên mỗi cái là mền và ga trải giường sạch sẽ gấp khá ngay ngắn, chờ được giở ra.

“Rời khỏi nhà mấy anh đi đâu vậy hả bác?” Winnie hỏi. “Mấy anh làm gì vậy?”

“À,” bà Mae nói, “tụi nó đi nhiều nơi lắm, làm nhiều việc nữa. Việc nào tìm được thì tụi nó làm, ráng kiếm ít tiền mang về nhà. Thằng Miles nó biết nghề mộc, nghề rèn nó làm cũng khá lắm. Còn thằng Jesse thì đến giờ cũng chưa

ổn định nữa. Cũng phải thôi, nó còn trẻ mà.” Nói đến đây bà dừng lại và mỉm cười. “Nghe hơi kỳ cục phải không? Nhưng mà vẫn đúng. Cho nên hiện thằng Jesse nó làm những việc mà nó thích như là làm đồng hay là phục vụ trong quán bar, những việc đại loại như vậy đó, bất cứ việc gì nó gặp. Nhưng mà con biết đó, tụi nó không thể ở lâu hoài một chỗ được. Cả nhà bác đều như vậy. Ở lâu hàng xóm láng giềng lại thắc mắc.” Bà thở dài. “Nhà bác ở trong căn nhà này đến chừng nào hết đám nữa thì thôi, cũng được hai mươi năm rồi. Ở đây cũng dễ chịu lắm. Ông Tuck ông thực sự gắn bó với nơi này. Mà nó cũng thuận tiện nữa, trong hồ có nhiều cá, lại không xa làng mạc chung quanh. Mỗi khi cần mua đồ thì mình lúc đi chỗ này lúc đi chỗ khác, nên người ta cũng không để ý lắm. Và chỗ nào được thì hai bác cũng bán đồ nữa. Nhưng mà nhà bác chắc là sẽ dọn đi nữa, một ngày nào đó gần đây thôi. Cũng gần đến lúc rồi đó.”

Với Winnie, chuyện không bao giờ được gắn bó với bất kỳ nơi nào nghe buồn làm sao. “Tệ quá ha bác,” cô nói, rụt rè liếc nhìn bà Mae. “Lúc nào cũng phải đi lang thang và chẳng bao giờ có bạn bè hay là gì cả.”

Nhưng bà Mae gạt phăng lời bình luận này. “Bác trai và bác có nhau,” bà nói. “Vậy là nhiều rồi. Còn mấy thằng con trai thì giờ tụi nó đã có con đường riêng. Hai đứa nó hơi khác tính nhau nên cũng không được hòa thuận cho lắm. Nhưng khi nào thích là tụi nó về nhà, và cứ mười năm một lần, vào tuần đầu tiên của tháng Tám, tụi nó hẹn nhau ở con suối đó rồi cùng nhau về nhà đoàn tụ gia đình trong một thời gian ngắn. Vì vậy mà sáng nay chúng ta mới ở đó. Dù gì thì đến giờ vẫn tốt.” Bà khoanh tay lại rồi tự gạt đầu, với chính mình hơn là với Winnie. “Đời là phải sống thôi dù dài hay là ngắn,” bà bình thản nói. “Phải đón nhận những điều sẽ đến. Nhà bác cũng sống như mọi người vậy thôi, qua ngày nào biết ngày đó. Cũng lạ thật - nhà bác chẳng thấy mình có gì khác biệt. Ít nhất thì riêng bác thấy thế. Có lúc bác quên luôn những việc xảy ra với nhà mình, quên hết luôn. Rồi lại có lúc những chuyện đó chợt tràn về và lại tự hỏi sao nó lại xảy đến với nhà bác. Cả nhà bác ai cũng bình thường thôi, nên chắc không xứng đáng được ân trên ban phước - nếu coi đó là ân phước. Mà bác cũng không thấy mình đáng bị nguyên rủa - nếu đó là bất hạnh. Nhưng cũng chẳng tích sự gì khi cố tìm hiểu tại sao sự việc lại như vậy. Việc xảy ra thì cũng xảy ra rồi, có làm âm lên cũng chẳng thay đổi được gì. Còn bác trai giờ đã suy nghĩ khác, nhưng bác mong là ông sẽ kể cho con nghe. Kia! Mấy thằng ở dưới hồ lên rồi.”

Lúc này Winnie nghe thấy tiếng nói âm ỉ dưới cầu thang và loáng một cái Miles và Jesse đã sắp sửa leo lên đến gác.

“Nè, con,” bà Mae vội nói. “Nhắm mắt lại đi. Còn hai thằng bây? Tụi bây có phải người đàn ông hoàng không vậy? Tụi bây mặc đồ gì để bơi? Winnie ở trên này nè, hai đứa có nghe mẹ nói không?”

“Vi Chúa, mẹ à,” Jesse nói, thò đầu lên khỏi cầu thang. “Bộ mẹ nghĩ có Winnie trong nhà thì tụi con lại không mặc đồ đi điểu vòng vòng hả?”

Và Miles, đằng sau lưng Jesse, nói, “Tụi con mặc nguyên đồ nhảy xuống hồ luôn mà. Nóng và mệt quá hết lột nổi đồ luôn.”

Đúng là vậy thật. Hai người họ đứng cạnh nhau, quần áo ướt nhem dán chặt vào người, nước đọng lại thành vũng nhỏ dưới chân.

“Thế chứ!” bà Mae nói, thở phào nhẹ nhõm. “Được rồi, kiểm đồ khô mặc vào đi. Ba tụi bây làm bữa tối xong rồi kìa.” Nói rồi bà giục Winnie mau bước xuống những bậc cầu thang hẹp ấy.

Chương 11

Đó là một bữa tối thật ngon miệng, gồm có bánh rán, thịt muối, bánh mì và xốt táo, chỉ có điều họ ngồi mỗi người một chỗ trong phòng khách chứ không phải quây quần quanh bàn ăn. Winnie trước giờ chưa từng dùng bữa kiểu như vậy nên lúc đầu cô bé cứ phải chăm chú quan sát mọi người xem có quy tắc nào mà mình chưa biết không. Thế nhưng có vẻ như chẳng có luật lệ gì cả. Jesse ngồi bệt trên sàn và lấy ghế làm bàn, còn những người khác thì đặt đĩa trên lòng. Không có cả khăn ăn nữa. Nhưng kể ra được nhắm nháp xirô thích trên mấy ngón tay cũng thích thật đấy chứ. Trước giờ ở nhà Winnie đâu có được phép làm như vậy, nhưng cô luôn nghĩ đó là cách dễ dàng nhất. Và chính nhờ vậy mà bỗng chốc cô cảm thấy bữa ăn mới hoành tráng làm sao.

Tuy vậy, vài phút sau Winnie cũng thấy rõ rằng ít nhất cũng có một quy tắc: chưa ăn hết đồ thì không được nói chuyện. Cả bốn người nhà Tuck đều dán mắt và tập trung mọi sự chú ý vào bữa ăn trước mặt. Giữa yên lặng và có nhiều thời gian để nghĩ ngợi hơn, Winnie chợt cảm thấy niềm phấn chấn và hào hứng vô tư của mình bây giờ bỗng chốc lung lay và sụp đổ. Khi họ còn ở bên ngoài thì khác, đó là nơi mà cả đất trời vạn vật đều là của chung và chẳng thuộc về một ai cả. Còn ở đây thì mọi thứ đều là của gia đình họ và vận hành theo cách của họ. Giờ đây cô nhận ra rằng ăn uống là việc rất riêng tư, không thể chia sẻ với người xa lạ ở nơi lạ lẫm này. Nhai cũng là việc riêng tư. Vậy mà cô lại đang ở đây, nhai đồ ăn bữa tối cùng những người xa

lạ ở nơi lạ lẫm này. Cô chột hơi rùng mình và cau mày nhìn mọi người xung quanh. Câu chuyện mà họ đã kể cho cô nghe ấy - trời ạ, họ điên thật rồi, cô khát khe nghĩ, và là tội phạm nữa! Họ đã bắt cóc cô ngay giữa khu rừng nhà cô, và giờ đây cô sắp phải ngủ - cả đêm - tại ngôi nhà bán thiu và kỳ dị này. Trong đời cô chưa từng ngủ trên chiếc giường nào khác ngoài giường của mình. Tất cả những suy nghĩ này cùng lúc tuôn ra từ một góc tối trong tâm trí cô. Thế là cô đặt nĩa của mình xuống và nói, hơi mất bình tĩnh, “Con muốn về nhà.”

Cả gia đình nhà Tuck ngừng ăn ngay tức thì và nhìn cô vẻ ngạc nhiên. Bà Mae dịu dàng dỗ dành, “Sao vậy con, dĩ nhiên là con muốn về nhà rồi. Chuyện đó tự nhiên thôi. Bác sẽ đưa con về nhà. Bác hứa mà, ngay sau khi nhà bác giải thích rõ sao con lại phải hứa là sẽ không bao giờ kể cho ai nghe về con suốt đó hết. Vì có mỗi chuyện ấy mà bác mới mang con về đây đó chứ. Để làm cho con hiểu rõ thôi.”

Đến lượt Miles nói, vui vẻ và bất chột thông cảm, “Có một chiếc thuyền cũ nhưng còn tốt lắm, Ăn xong anh chèo thuyền chở em đi chơi nhé.”

“Không, em đi,” Jesse nói. “Để em. Em tìm ra cô bé trước mà, phải không, Winnie

Foster? Nghe nè, anh sẽ chỉ cho em chỗ mấy con ếch và...”

“Suyt,” ông Tuck ngắt ngang. “Mấy đứa im hết đi. Ba sẽ dẫn Winnie đi chèo thuyền trên hồ. Còn nhiều thứ phải nói lắm và ba nghĩ là mình phải nói ngay thôi. Ba có cảm giác là không còn nhiều thời gian nữa.”

Nghe vậy Jesse liền cười phá lên và đưa một bàn tay lên sục vào mớ tóc xoắn. “Mắc cười quá ba ơi. Con thấy hình như thời gian là thứ duy nhất mình có thừa mà.”

Nhưng bà Mae thì lại cau mày. “Ông lo lắng hả Tuck? Chuyện gì mà ông nghĩ tới lui vậy? Trên đường về đâu có ai thấy tui tui đâu. Á khoan đã, giờ nhắc mới nhớ ra, có người thấy. Một người đàn ông ở trên đường, lúc vừa ra khỏi Treegap. Nhưng mà không thấy ông nói gì hết.”

“Nhưng mà ông có biết con,” Winnie nói. Cô bé cũng đã quên băng đi gã đàn ông mặc đồ vàng ấy và giờ đây nghĩ đến lòng cô trào dâng niềm nhẹ nhõm. “Ông ấy chắc sẽ nói cho ba con biết là đã thấy con.”

“Ông biết con hả?” bà Mae nói, vết nhú mày càng sâu hơn. “Nhưng mà con

đâu có kêu ông đâu. Tại sao vậy?”

“Con sợ quá nên hết làm gì nổi luôn,” Winnie thật thà đáp.

Ông Tuck lắc đầu. “Bác chưa từng nghĩ nhà bác lại đến cái mức làm cho trẻ con sợ,” ông nói. “Bác nghĩ là không gì có thể bù đắp cho con được, Winnie à, nhưng bác chắc là hầu hết những chuyện kinh khủng đều xảy ra như thế. Cái ông mà con gặp đó là ai vậy?”

“Con không biết tên ông ấy,” Winnie nói. “Nhưng đoán chắc ông cũng tốt.” Thực tế là người đàn ông ấy có vẻ hết sức dễ chịu với cô vào lúc này, giống như một vị cứu tinh vậy. Rồi cô thêm vào, “Tôi qua ông ấy đến nhà con nhưng không vào nhà.”

“Vậy thì, nghe cũng không đến nỗi nghiêm trọng lắm ha ba,” Miles nói. “Chỉ là người lạ nào đó đi ngang qua nhà ấy mà.”

“Cũng thế cả, bác phải đưa con về nhà thôi Winnie,” ông Tuck nói rồi đứng dậy thật quả quyết. “Phải đưa con về nhà càng nhanh càng tốt. Bác có cảm giác cả chuyện này rồi sẽ bở rẹt ra như bánh mì ươn vậy. Nhưng trước tiên mình phải nói chuyện cái đã và cái hồ là chỗ tốt nhất. Cái hồ chứa đựng câu trả lời. Đến đây nào, con. Đi ra hồ thôi.”

Chương 12 - 13

Trời chiều cháy rực loang lổ sắc đỏ, hồng, cam, và ánh phản chiếu của nó lay động trên mặt hồ như vệt loang ra từ một hộp màu vẽ. Vàng dương đang hạ xuống nhanh chóng, đỏ mướt tựa lòng đỏ trứng gà, và phương Đông đã thẫm dần thành tím rịm tự lúc nào. Dũng cảm hơn nhờ ý nghĩ sẽ được giải cứu, cô bé Winnie mạnh dạn trèo lên thuyền. Gót cứng của đôi bốt cài khuy cô đi gõ đánh thành trên mặt ván gỗ ẩm ướt, đánh động cả không gian yên tĩnh nóng nực và ngọt ngào. Bên kia bờ hồ một chú ếch thót lên nốt nhạc trầm cảnh báo. Ông Tuck cũng trèo vào, đẩy thuyền đi và cố định mái chèo vào chốt, rồi bằng động tác kéo thật mạnh nhấn chúng xuống đáy bùn. Con thuyền trượt khỏi bờ hồ rồi lạng lẽ lướt đi, đám cỏ nước cao nghệu khẽ lao xao hai bên mạn, buông tay khỏi nó.

Rải rác đó đây mặt hồ gợn sóng tĩnh lặng, những vòng tròn lóng lánh lan tỏa lạng lẽ rồi tan biến. “Thời điểm kiếm mồi,” ông Tuck khe khẽ nói. Winnie chột nhìn xuống và thấy vô vàn những loài côn trùng bé xíu đang bay là là và lướt trên mặt hồ. “Thời điểm tốt nhất để câu cá,” ông nói, “là khi tụi nó bơi lên để bắt mồi.”

Ông khua mái chèo. Con thuyền chậm lại rồi lững lờ trôi đến điểm xa nhất cuối hồ. Không gian tĩnh lặng đến nỗi Winnie suýt chút nữa là giật nảy người khi chú ếch đó lại kêu vang lần nữa. Thế rồi đâu đó giữa những hàng thông và cây bu lô cao lớn bao quanh hồ, một chú sáo rừng hót vang. Những nốt nhạc trong trẻo ấy mới thuần khiết, dễ nghe và đáng yêu làm sao.

“Winnie, con biết đó là gì không, mọi thứ ở quanh ta ấy?” ông Tuck nói bằng giọng thật trầm. “Cuộc sống. Chuyển động, lớn lên và thay đổi, chẳng bao giờ có hai phút trôi qua mà lại giống hệt nhau. Mặt nước này, sáng nào con cũng nhìn thấy và cho rằng nó trông như cũ nhưng thật ra thì không phải vậy. Suốt cả đêm dài nó đã di chuyển, từ dòng suối đằng Tây kia chảy vào rồi lại đổ ra đằng Đông ở đây, luôn luôn lạng lẽ, luôn luôn đổi mới, cứ thế mà tiếp tục. Con đâu thể nào thấy dòng chảy của nó phải không? Có lúc gió thổi qua làm nó trông giống như đang chảy về hướng khác. Nhưng nó vẫn luôn ở đó, dòng nước cứ chảy miết, rồi đến một ngày nào đó, sau một quãng thời gian dài, sẽ đổ ra biển cả.”

Thuyền họ trôi đi trong yên lặng một lát. Chú ếch lại kêu vang lần nữa, và đâu đó đằng sau lưng, giữa nơi ẩn trú bí mật um tùm lau sậy, một chú ếch khác đáp lại. Trong ánh chiều chập choạng, hàng cây ven hồ mất dần chiều sâu của chúng, xếp xuống thành những hình cắt hai chiều bằng giấy đen dán

chặt lên nền trời bằng bạc. Giọng một chú ếch khác, khàn hơn nhưng cao hơn ộp oạp vọng sang từ bờ hồ gần nhất.

“Rồi con biết chuyện gì xảy ra sau đó không?” ông Tuck tiếp tục. “Với dòng nước ấy? Mặt trời hút một phần của nó từ dưới biển lên và mang đi trong những đám mây, rồi mưa xuống, nước mưa rơi vào lòng suối và suối lại tiếp tục chảy đi đổ ra biển cả, cứ thế mà lặp lại. Đó chính là một vòng xoay, Winnie à. Mọi thứ đều là một vòng xoay, xoay mãi xoay mãi, không bao giờ ngừng. Những con ếch này là một phần của nó, cả bọ, cá và sáo rừng cũng vậy. Cả con người nữa. Luôn đổi mới, luôn phát triển và thay đổi, và luôn chuyển động đi tới. Đó là cách mọi thứ nên diễn ra. Đó mới gọi là sống.”

Cuối cùng rồi con thuyền cũng trôi được đến cuối hồ nhưng mũi thuyền lại đâm sầm vào những cánh tay mục nát của một thân cây đổ gục đang thọc các ngón rậm rạp xuống nước. Và dù dòng nước có cố giạt ra và kéo đuôi thuyền sang bên thì con thuyền không thể theo đó mà thoát ra được. Dòng nước cứ thế chảy vượt nó, luồn qua đám lau sậy và bụi gai, phát ra tiếng ùng ục xuống tận đáy hồ hẹp, tràn trên bãi sỏi và đá cuội, hơi sủi bọt, rồi ào ào chảy đi sau hành trình chậm rãi của nó giữa đôi bờ hồ rộng. Và, xa xa ở dưới kia, Winnie nhìn thấy dòng nước vội vã lượn thành một khúc cong, quanh một góc liễu nghiêng nghiêng, rồi biến mất.

“Nó tiếp tục như vậy,” ông Tuck lặp lại, “ra đến biển. Nhưng con thuyền lại bị mắc kẹt tại đây. Nếu chúng ta không tự mình gỡ ra thì nó sẽ mãi mãi như vậy, cố vùng vẫy thoát ra nhưng vẫn mắc lại. Cả nhà bác cũng như vậy đó, Winnie. Mắc kẹt nên không thể tiếp tục đi được nữa. Chúng ta giờ đây không còn là một phần của vòng xoay đó nữa. Bị hất khỏi nó, Winnie à. Bị bỏ lại. Và ở mọi nơi quanh chúng ta, vạn vật đều đang vận động, phát triển và đổi thay. Như con chẳng hạn. Giờ là một đứa trẻ nhưng ngày nào đó sẽ trở thành phụ nữ. Rồi sau đó lại tiếp tục tiến lên để dành chỗ cho một đứa trẻ mới.”

Winnie chớp mắt và tâm trí cô chột chìm đắm khi hiểu ra những điều ông Tuck vừa nói. Vì cô - phải rồi, cả cô nữa - dù muốn dù không một ngày nào đó rồi cũng phải rời bỏ thế gian này. Vụt tắt như ánh nến, có phản kháng cũng chẳng ích gì. Đó là điều tất yếu. Cô có thể gắng hết sức để không nghĩ đến chuyện này, nhưng đôi lúc, như lúc này chẳng hạn, cô buộc phải chấp nhận. Cô dữ dội chống lại nó, bất lực và bị tổn thương, rồi sau cùng bật ra thành tiếng, “Con không muốn chết.”

“Không phải,” ông Tuck bình thản nói. “Không phải là bây giờ. Giờ con đâu

thể chết được. Nhưng chết đi chính là một vòng xoay thời gian, ngay liền kề sự sinh. Con không thể cứ chọn những phần mình thích mà vứt bỏ cái còn lại được. Được trở thành một vòng xoay, đó là hạnh phúc. Nhưng nó lại lướt qua chúng ta, nhà họ Tuck này. Sống là điều nặng nhọc, nhưng mặt khác, như nhà bác bây giờ, sống còn là vô ích nữa. Chẳng có nghĩa lý gì cả. Giá mà bác biết được làm cách nào để quay trở lại cái vòng xoay đó thì bác sẽ làm ngay. Con không thể sống mà không chết. Không thể gọi đó là sống được, cái mà nhà bác hiện có bây giờ ấy. Gia đình bác chỉ hiện hữu, chỉ tồn tại, như những hòn đá bên vệ đường.”

Giọng nói của ông Tuck gần lại khó nghe, và Winnie ngồi đó, đờ cả người vì kinh ngạc. Trước giờ chưa từng có ai nói với cô về những chuyện như vậy. “Bác muốn mình lại già đi,” ông nói thật quyết liệt “và thay đổi. Và nếu điều đó có nghĩa là phải tiếp tục đi đến tận cùng quá trình đó đi nữa thì bác cũng vẫn muốn được như thế. Nghe nè, Winnie, đó là điều mà mãi sau con mới hiểu mình thấy thế nào. Nếu người ta mà biết chuyện về con suối ở Tregap thì tất cả bọn họ sẽ đổ về đó như ruồi bu đĩa mật. Họ sẽ giẫm đạp lên nhau, cố lấy cho bằng được thứ nước đó. Như vậy đã là tệ hại lắm rồi nhưng sau này - chuyện gì sẽ xảy ra con có tưởng tượng nổi không? Đứa nhỏ thì nhỏ hoài còn già thì già mãi. Con hình dung ra nổi điều đó nghĩa là gì không? Vĩnh viễn? Vòng xoay sẽ vẫn tiếp tục quay tròn, nước vẫn cứ đổ ra đại dương, nhưng con người thì không gì khác hơn những hòn đá bên vệ đường. Vì mãi sau này họ mới hiểu ra và như vậy đã quá muộn.” Dứt lời ông chăm chú nhìn Winnie và cô trông thấy gương mặt ông mệt mỏi và nhợt nhạt vì nỗ lực giải thích cho cô hiểu. “Giờ thì thấy chưa hả con? Con có hiểu không vậy? Ô, Chúa ơi, bác chỉ muốn giải thích cho con hiểu mà thôi!”

Họ chìm trong yên lặng một lúc lâu, thật lâu sau đó. Winnie đang phải vật lộn chống lại sự khổ não của tất cả những điều này, chỉ có thể lặng người ngồi co ro, tiếng nước vỗ ì oạp bên tai cô. Trời lúc này đã tối và dịu dịu; nước vỗ vào hai bên mạn thuyền và vội vã vòng qua họ để hòa mình vào dòng chảy.

Và rồi, bên kia bờ hồ bỗng vang lên một giọng nói. Đó là Miles và mỗi lời anh nói băng qua mặt hồ đập vào tai họ rõ mồn mồn. “Ba ơi! Ba về mau! Có chuyện rồi ba ơi. Con ngựa đâu mất rồi. Ba nghe con nói không vậy? Ai chôm mắt con ngựa rồi.”

Chương 13

Một lúc lâu sau đó, gã đàn ông mặc bộ đồ vàng trượt xuống khỏi yên ngựa

và cột con ngựa già nhà Tuck vào song rào nhà Foster. Gã thử mở cánh cổng. Nó không khóa. Rồi gã đẩy cổng vào và sải bước về phía cửa nhà. Mặc dù giờ đã khuya lắm, gần nửa đêm rồi nhưng cửa sổ nhà vẫn còn rục rục sáng ánh đèn vàng: cả nhà chưa đi ngủ. Người mặc đồ vàng gỡ mũ ra và vuốt lại mái tóc bằng mấy ngón tay dài trắng bệch. Rồi gã gõ cửa. Ngay lập tức cửa mở toang ra, và trước khi bà của Winnie kịp lên tiếng, gã đã vội liên thối, “A! Chào bà! Tôi vào nhà được không ạ? Có tin tốt lành cho cả nhà đây. Tôi biết bọn chúng đã mang cô bé đi đâu.”

Chương 14 - 15

Gia đình Tuck chẳng còn việc gì khác phải làm ngoài chuyện đi ngủ. Trời tối quá không thể xông qua ra ngoài tìm tên trộm ngựa, vả lại dù sao đi nữa, họ cũng chẳng biết hẳn đã lấy ngựa vào lúc nào và trốn đi đâu.

“Mà cũng giỏi thiệt ba ha,” Jesse nói, “đến nhà người ta còn chôm ngựa ngay trước mũi họ!”

“Cũng phải,” ông Tuck nói. “Nhưng vấn đề là đây chỉ là một tên trộm bình thường hay ai đó có lý do đặc biệt nào khác? Ba chẳng thích ý tưởng này chút nào. Ba có linh cảm xấu về toàn bộ chuyện này.”

“Thôi mà ông,” bà Mae nói. Lúc này bà đang trải tấm mền bông lên chiếc ghế sofa cũ kỹ, làm thành giường ngủ cho Winnie. “Ông lo lắng quá rồi đó. Giờ mình cũng đâu làm gì được, chẳng nên nặng xị lên làm gì. Dù sao cũng đâu có lý do gì mà ông cho là bất bình thường cơ chứ. Thôi mà, cả nhà mình đi ngủ một giấc thật ngon, sáng mai tỉnh táo rồi mới bàn tiếp đi nha. Mấy thằng bây, lên gác đi, mà không được nói chuyện đâu đấy - nói chuyện là tội bây làm ba mẹ mất ngủ cho coi. Winnie, đi ngủ đi con. Con sẽ ngủ ở chỗ thượng hạng trên cái ghế sofa này nè.”

Thế nhưng Winnie chẳng thể nào ngủ nổi lâu thật là lâu sau đó. Nệm ghế sofa gồ lên lổn nhổn và có mùi như báo cũ; còn miếng đệm ghế bà Mae đưa cho cô làm gối thì mỏng và cứng, thô ráp dưới má cô bé. Nhưng tệ hơn nữa là cô vẫn còn mặc nguyên quần áo ban ngày vì đã dứt khoát từ chối lời đề nghị mặc chiếc váy ngủ dự phòng của bà Mae, cái váy như một đồng vải bông bạc phếch. Cô chỉ thích mặc đồ ngủ của mình và ngủ theo giờ giấc thường ngày; không có hai thứ ấy cô cảm thấy nhớ nhà kinh khủng. Niềm vui trên đường buổi sáng hôm nay đã hoàn toàn biến mất; thế giới rộng lớn dường như thu hẹp lại và những nỗi sợ hãi xa xưa nhất lại tràn ra tung tăng khắp tâm trí cô. Thật không thể tin được rằng cô lại phải ở nơi này; thật phẫn nộ. Nhưng cô bất lực vì không thể làm gì được, không thể kiểm soát được những chuyện đã xảy ra và kiệt sức vì buổi chuyện trò trên thuyền nữa.

Chuyện đó có thật không nhỉ? Có thật là họ không bao giờ chết không, gia đình Tuck ấy? Rõ ràng họ chưa từng cho rằng cô không tin tưởng họ. Họ chỉ quan tâm đến việc cô phải giữ bí mật thôi. Thật ra cô chẳng hề tin chuyện đó. Đúng là vớ vẩn. Phải không? Chà, phải không vậy ta?

Đầu óc Winnie quay cuồng. Nhớ đến người mặc đồ vàng là điều duy nhất

giúp cô khỏi trào nước mắt. “Chắc giờ ông ấy đã kể cho nhà mình biết rồi,” cô nghĩ, lẩm bẩm trong đầu. “Mọi người chắc đã tìm mình nhiều giờ rồi. Nhưng biết ở đâu mà tìm cơ chứ! Mà không. Ông ấy biết phương hướng tụi mình đi mà. Thế nào ba cũng tìm được mình cho xem. Chắc giờ này cả nhà đang lên đường kiếm mình đây.”

Cuộn mình trong tấm mền bông, cô cứ diễn đi diễn lại cảnh đó trong đầu, trong khi mặt trăng ngoài kia lên cao dần biến mặt nước hồ thành màu bạc. Trời đã mát hơn và có chút sương mù phảng phất, lũ ếch thành thoi tán gẫu. Chẳng mấy chốc mấy chú dế cũng nhập cuộc bằng khúc ca nhịp nhàng lạnh lót. Trong ngăn kéo bàn, chú chuột khế sột soạt, thưởng thức bữa khuya gồm mấy mẫu vụn bánh rán bà Mae cho vào cho nó. Và cuối cùng tai Winnie nghe thấy những âm thanh này rõ hơn cả tiếng nói của chính suy nghĩ trong đầu cô. Cô bắt đầu thư giãn và lắng tai nghe không gian thanh vắng ngập tràn âm thanh ấy. Rồi, ngay khi cô sắp sửa chìm vào giấc ngủ, cô nghe tiếng bước chân nhẹ nhẹ, và bà Mae xuất hiện ngay bên cạnh. “Năm có thoải mái không vậy con?” bà thăm thì.

“Dạ con ổn mà, cảm ơn bác,” Winnie đáp.

“Bác xin lỗi con về mọi chuyện,” bà Mae nói. “Chỉ vì bác không còn cách nào khác ngoài việc mang con về đây. Bác biết là phải ở lại đây con không được vui cho lắm, nhưng ... ừm ... mà con nói chuyện với bác Tuck hay không vậy?”

“Cũng bình thường ạ,” Winnie nói.

“Vậy tốt rồi. Thôi, bác đi ngủ đây. Ngủ ngon nhé con.”

“Dạ,” Winnie đáp.

Nhưng bà Mae vẫn còn nán lại đó. “Cả nhà bác đã sống cô độc từ lâu lắm rồi,” cuối cùng bà lên tiếng, “nên chắc là cũng không biết cách đối đãi khách khứa sao cho phải. Nhưng phải nói là ai cũng vui vì có con ở đây. Bác ước chi con là... người nhà bác.” Nói rồi bà đưa tay ngượng nghịu vuốt mái tóc của Winnie. “Thôi,” bà nói, “chúc con ngủ ngon”

“Bác cũng ngủ ngon nha,” Winnie nói.

Và rồi một lát sau đến lượt ông Tuck đến, lo lắng nhìn xuống cô đăm đăm. Ông mặc một chiếc áo ngủ trắng dài còn tóc tai thì rối bù. “Ồ!” ông nói. “Còn thức hả con? Mọi thứ tốt chứ?”

“Dạ tốt,” Winnie đáp.

“Bác không cố ý làm phiền con,” ông nói. “Nhưng bác cứ nằm trong kia nghĩ hoài là phải ra ngoài đây với con cho đến khi con ngủ.”

“Không cần phải vậy đâu bác,” Winnie nói, vừa ngạc nhiên lại vừa cảm động. “Con không sao mà.”

Trông ông không yên tâm lắm. “Ừ... nhưng mà nếu cần gì thì con cứ la lớn lên nhé? Bác ở ngay phòng bên - bác phóng qua đây liền à.” Rồi ông nói tiếp, giọng thật trầm, “Đã lâu lắm rồi trong nhà bác mới lại có một đứa trẻ đang lớn bình thường...” Giọng ông nhỏ dần. “Thôi. Ráng mà ngủ nha con. Cái ghế sofa này chắc là con không quen lắm đâu nhỉ.”

“Dạ được mà bác,” Winnie nói.

“Cái giường cũng chẳng khá hơn mấy, nếu không bác đã đổi chỗ cho con rồi,” ông nói. Có vẻ như ông chẳng biết làm cách nào kết thúc câu chuyện. Nhưng rồi ông cúi xuống hôn vội lên má cô rồi rút lui.

Winnie nằm đó với đôi mắt mở to. Cô cảm nhận được sự ân cần quan tâm và cả - ngỡ ngàng nữa. Và rồi cô bắt giác tự hỏi điều gì sẽ xảy đến với gia đình Tuck nếu ba cô đến. Ba sẽ làm gì cả nhà họ? Cô sẽ không bao giờ có thể giải thích nổi làm sao mà họ lại ở cùng cô và họ đã khiến cô cảm thấy thế nào. Cô cảm thấy thật tội lỗi khi nhớ lại rằng trong bữa tối mình đã kết tội họ là tội phạm. Quả thật, đúng là như vậy. Nhưng mặt khác thì...

Và nữa vị khách cuối cùng đến khiến cô càng bối rối hơn bao giờ hết. Có tiếng cọt kẹt vang lên trên gác xép và rồi Jesse đang đứng đó nhìn cô, tuần tú và hào hứng làm sao dưới ánh trăng xanh nhạt. “Này, Winnie Foster,” cậu thì thầm. “Em ngủ chưa vậy?”

Lần này thì cô ngồi dậy, kéo mền đắp phủ quanh mình, đột nhiên trở nên ngỡ ngàng, và đáp, “Không, em chưa ngủ.”

“Vậy à, nghe anh nói nè.” Cậu quỳ xuống cạnh cô, mấy lọn tóc xoăn rũ xuống và đôi mắt mở to. “Anh nghĩ kỹ rồi. Ba đúng về chuyện bảo em phải giữ bí mật. Cũng chẳng khó hiểu mấy. Nhưng chuyện là, em đã biết về thứ nước đó mà lại sống ngay cạnh nó nữa nên em đến đó lúc nào mà chẳng được, vậy thì, nghe nè, sẽ như thế nào nếu em chờ cho đến năm em mười bảy tuổi, bằng tuổi anh bây giờ đó - trời ạ, chỉ còn sáu năm nữa thôi - rồi em uống thứ nước đó và rồi bỏ trốn cùng anh! Hai đứa mình thậm chí còn có thể

cười nhau nữa. Như vậy tuyệt quá phải không nào! Mình sẽ có biết bao nhiêu thời gian cùng nhau đi khắp thế gian, ngắm nhìn mọi thứ. Nghe này, ba mẹ anh và anh Miles, họ chẳng biết cách tận hưởng những gì mình đang có. Tại sao phải như vậy, hả Winnie, đời là phải vui sống đúng không nào? Nếu không thì nó còn ý nghĩa gì nữa? Đó là những điều anh muốn nói. Rồi em và anh, chúng mình sẽ sống hạnh phúc mãi mãi, không bao giờ cạn. Như thế chẳng hay sao?”

Lại lần nữa Winnie ngưỡng mộ cậu, quỳ gối nơi đây bên cạnh cô dưới ánh trăng này. Cậu không điên. Làm sao mà điên được cơ chứ? Chỉ là - quá tuyệt vời mà thôi. Thế nhưng cô đã bị làm cho tê liệt. Cô chẳng biết làm gì khác ngoài nhìn cậu trân trân.

“Em cứ nghĩ kỹ đi, Winnie Foster,” Jesse thềm thì vẻ chân thành. “Tiếp tục nghĩ về điều đó một chút nha, coi có được không. Dù sao thì , hẹn gặp lại em sáng mai. Được chứ?”

“Dạ được,” cô gắng lắm cô mới thì thềm đáp lại. Cậu đi rồi, trở lên những bậc thang kêu cọt két, nhưng Winnie vẫn còn ngồi đó, tỉnh như sáo, hai má nóng bừng. Chẳng biết làm thế nào với lời đề nghị bất ngờ này, chẳng thể “tiếp tục nghĩ về điều đó” được. Vì cô còn chẳng biết nên tin vào chuyện gì nữa. Sau cùng cô lại nằm xuống, đăm đăm nhìn ánh trăng thêm nửa tiếng trước khi chìm vào giấc ngủ.

Chương 15

Tại làng Treegap, cũng vẫn là ánh trăng ấy phủ màu trắng bạc trên mái ngôi nhà dừng-đụng-vào-tôi, nhưng bên trong nhà thì đèn vẫn còn thấp.

“Đúng vậy”, người mặc đồ màu vàng nói. “Tôi biết con nhỏ ở đâu.” Lúc này gã đang ngồi tựa lưng trên chiếc ghế tại nhà khách bóng lộn nhà Foster, đôi chân thon dài bắt chéo và chân trên bắt đầu khẽ rung theo nhịp. Gã móc cái mũ vào đầu gối và cười, đôi mắt nheo lại. “Tôi đi theo chúng, thế đấy. Giờ này con bé đang ở chỗ bọn chúng, ngay khi thấy được hang ổ chúng là tôi quay lại đây liền. Tôi nghĩ thế nào cả nhà ta cũng thức cho mà coi. Bà và anh chị đây đã tìm con bé cả ngày nay rồi, chắc chắn là vậy mà, chắc là lo phải biết.”

Rồi gã giơ một bàn tay lên, lờ đi những tiếng cảm thán của mọi người, và bắt đầu vuốt chòm râu mỏng. “Cả nhà mình biết đấy” gã nói vẻ trầm tư, “tôi đã đi cả một quãng đường dài để kiểm một khu rừng y chang khu rừng kế bên

nhà của bà và anh chị đây. Được sở hữu một nơi như vậy thật là một điều có ý nghĩa lớn lao đối với tôi. Mà có được hàng xóm như nhà ta đây mới thích chứ! Và xin hiểu cho, tôi sẽ chẳng đốn mấy cây đâu. Mọi người thấy đó, tôi đâu phải loại người mọi rợ. Không chặt nhiều, chỉ vài cây thôi. Nhà ta sẽ thấy chẳng hề đổi khác, thật đấy” Gã làm điệu bộ bằng mấy ngón tay dài thông trắng bệch và cười, khuôn mặt nhả ra chiều thân mật. “Tôi nghĩ mình sẽ là bạn tốt. Mà con bé và tôi, tụi tôi đã là bạn rồi. Thật là nhẹ nhõm nếu được thấy nó trở về nhà bình an, chẳng phải vậy sao?” Gã tắc lưỡi và nhíu mày. “Kinh khủng thật, bắt cóc cơ đấy. Cũng may là có tôi chứng kiến! Trời ạ, nếu mà không có tôi thì nhà mình chắc chẳng bao giờ còn nghe được tin tức gì của con bé nữa hết. chúng là một bọn nhà quê thô lỗ, bọn bắt cóc đấy. Ai mà biết được lũ vô học đó có thể làm những gì, Đúng đó,” Đến đây gã thở dài, nhướn đôi mày lên rồi lại mỉm cười, “hình như tôi là người duy nhất trên đời này biết phải tìm cô bé ở đâu.”

Nói rồi gã đàn ông mặc đồ vàng rướn người về phía trước. Bộ mặt dài ngoẵng đành lại. “Giờ thì, tôi chắc là không cần phải nói huỵch toẹt ra với những người như bà và anh chị đây. Có một số loại người ta đã gặp dường như chẳng thể nào hiểu nhanh được bất cứ vấn đề gì, và như thế thực sự khiến mọi sự khó khăn. Nhưng như nhà mình thì tôi không cần phải giải thích nhiều. Tôi có thứ mọi người muốn và mọi người có thứ tôi muốn. Dĩ nhiên là nhà ta có thể tự tìm được con nhỏ mà không cần tôi nhưng... có khi tìm ra rồi thì đã quá trễ. Cho nên: tôi muốn khu rừng đó còn nhà mình thì muốn đứa trẻ. Một vụ làm ăn đơn giản và sòng phẳng.”

Nói rồi gã nhìn quanh ba khuôn mặt sững sờ ấy và như chẳng thấy gì khác ngoài vẻ bình thản tán thành, gã tươi cười mãn nguyện và xoa xoa hai bàn tay vào nhau. “Xong rồi nha,” gã nói. “Tôi biết ngay mà, tôi còn tự nói với mình, ‘Đây là những người thông minh và sáng suốt!’ Tôi ít khi nào đánh giá tính cách người ta sai lắm. Ít khi phải thất vọng. Thế nhé! Việc còn lại là viết lên giấy trắng mực đen, cho tôi cánh rừng đó rồi ký tên vào. Tốt nhất, mọi người đồng ý chứ, là làm cho mọi việc thật rõ ràng và hợp pháp. Mấy chuyện còn lại thì dễ dàng thôi. Không phải lo gì cả. Nhờ anh đến báo cho viên cảnh sát khu vực biết, rồi tôi sẽ cùng ông ấy đi mang đứa nhỏ về và bắt bọn tội phạm đó. Không - ồ, không đâu, anh Foster à - tôi biết là anh rất lo lắng nhưng mà anh không được đi theo. Bọn tôi sẽ làm việc này theo cách của mình. Cứ vậy đi! Chuyện không may ấy gần như là đã giải quyết xong cả rồi phải không nào? Thật mừng là tôi có mặt ở đây để giúp mọi người!”

Chương 16 - 17

Viên cảnh sát khu vực to béo đang ngái ngủ. Ông thở khò khè khi nói chuyện. Mà ông nói đến là nhiều chứ, tức là hai người bọn họ: ông và gã đàn ông mặc đồ vàng - lên đường đi đến giờ. “Đầu tiên là họ dựng đầu tôi dậy ngay lúc nửa đêm, sau khi tôi đã bôn ba từ sáng sớm đi tìm đứa nhỏ đó, rồi bây giờ lại đến lượt anh bạn bắt tôi đi theo cả quãng đường này” ông chua chát nói “Phải nói cho anh biết là con ngựa này của tôi không phải loại khỏe mạnh gì hết. Nói chung nó vẫn chưa làm sao vì thường thì tôi đâu phải hỏi nó làm chi. Nhưng dù gì đi nữa tôi nghĩ mình nên chờ đến lúc mặt trời mọc mới đi thì hơn.”

Người đàn ông mặc đồ vàng ấy vẫn lịch sự như thường lệ. “Cả nhà Foster đợi suốt từ sáng hôm qua đến giờ,” gã chỉ rõ “Chuyện họ buồn bực lo lắng là lẽ tự nhiên thôi. Chúng ta đến được đó sớm chừng nào thì đứa nhỏ được về với họ nhanh chừng đó.”

“Mà sao anh bạn lại quan tâm đến chuyện này thế?” viên cảnh sát nghi ngờ hỏi. “Rủi anh thông đồng với tụi bắt cóc đó thì sao, làm sao mà tôi biết được? Đáng lẽ anh phải đi trình báo ngay từ lúc thấy con nhỏ bị bắt chứ”

Người mặc đồ vàng thở dài. “Nhưng dĩ nhiên là tôi phải xem bọn chúng đem con bé đó đến đâu chứ,” gã kiên nhẫn giải thích. “Đến đó rồi là tôi quay về liền. Mà gia đình Foster là bạn của tôi, họ - ừm - đã bán cho tôi khu rừng của họ.”

Viên cảnh sát tròn xoe mắt. “Trời đất” ông nói. “Anh nói thật đó hả! Tôi không tin nổi là nhà đó lại làm một chuyện như vậy, với bạn hay không bạn cũng vậy. Anh biết rồi đấy, họ là gia đình đầu tiên ở đây. Tự cao tự đại, như một bầy công vậy, cả nhà đó. Tự hào về dòng dõi, về đất đai nữa. Thế nên họ bán đất cho anh đó hả? Chà chà.” Và ông huýt gió vì kinh ngạc.

Họ cười ngựa đi cạnh nhau trong yên lặng được một lúc, vòng qua khu rừng và băng ngang qua đồng cỏ tràn ánh sao. Viên cảnh sát ngáp thật sâu và nói, “Anh nói cho tôi biết mình còn phải đi bao lâu nữa được chưa vậy? Bao xa nữa mới tới đó?”

“Hai mươi dặm về hướng Bắc,” Người mặc đồ vàng đáp

Viên cảnh sát rên rỉ, “Những hai mươi dặm!” Ông chuyển chỗ khẩu súng săn đang nằm vắt ngang qua mình ngựa rồi lại rên lên, “Thẳng tới chỗ chân đồi

kia hả? Đường cũng khá bằng phẳng, thôi được rồi.”

Nhưng người mặc đồ vàng chẳng thèm đáp lại. Viên cảnh sát miết mấy ngón tay dọc theo cái nòng bóng loáng của khẩu súng săn. Rồi ông nhún vai và thụp người xuống một chút trên yên ngựa. “Cũng có thể nghỉ một chút,” ông thở khò khè, rồi đột nhiên trở nên thật là thân thiện. “Chắc mình còn phải đi ba, bốn tiếng nữa.”

Vẫn không một tiếng ừ hử.

“Này, quý anh,” viên cảnh sát nói gặng thêm lần nữa. “Trong vùng đây thì vụ này mới thật

đó chứ, bắt cóc cơ đấy. Theo tôi biết thì trước giờ chưa từng có vụ nào giống như vậy, mà tôi đã phụ trách ở đây suốt mười lăm năm rồi.”

Ông chờ đợi.

“Thật vậy à,” sau cùng người bạn đồng hành cũng chịu lên tiếng.

“Ừa, thật đấy chứ,” viên cảnh sát nói, nhẹ nhõm thấy rõ. Có lẽ từ giờ sẽ có vài mẩu chuyện trò nữa! “Ừa, mười lăm năm rồi. Thấy cả đống chuyện rắc rối trong từng ấy năm, nhưng chẳng có vụ nào giống như vụ này hết. Mà dĩ nhiên là chuyện gì thì cũng phải có lần đầu cả, như người ta nói đó. Chúng tôi có cả nhà giam mới toanh rồi, anh thấy chưa vậy? Nghe nè, nó bảnh lắm đấy! Cho mấy tên đó ngủ chỗ sạch sẽ.” Ông tặc lưỡi. “Dĩ nhiên là bọn chúng sẽ không ở đó lâu đâu. Tuần tới thẩm phán của hạt sẽ đến. Ông sẽ cho chuyển chúng đến Charleyville, nhiều khả năng nhất là thế, tới nhà tù của hạt thôi. Trọng tội là phải bị như vậy. Dĩ nhiên là ở đây chúng tôi cũng có giá treo cổ riêng, cần dùng thì có. Nhưng để mà răn đe thôi, tôi thì tôi nghĩ vậy. Hồi nào đến giờ có phải xài đến nó đâu. Mà cũng vì mấy vụ trọng tội đã phải chuyển đến Charleyville hết rồi, như hồi này tôi đã nói đó.”

Viên cảnh sát ngưng lại một chút để châm điếu xì gà, rồi vui vẻ nói tiếp: “Anh bạn tính làm gì với miếng đất nhà Foster vậy? Tính đốn hết cây hả? Xây nhà hay là cửa hàng?”

“Không,” người mặc đồ vàng đáp.

Ông cảnh sát tiếp tục chờ gã nói thêm nhưng mãi chẳng thấy câu nào. Thế là quay lại trạng thái gắt gỏng ban đầu, ông nhú mày rồi vẩy tàn khỏi điếu xì gà. “Ê, nói gì đi chứ,” ông nói. “Bộ anh bạn bị dán miệng rồi hả?”

Người mặc đồ vàng nheo mắt lại. Cái miệng trên bộ râu xám mỏng giật giật vì khó chịu. “Nghe tôi nói đây,” gã gằn giọng nói, “Phiền ông để tôi đi trước được không? Tôi lo cho đứa nhỏ đó lắm. Tôi sẽ chỉ đường cho ông rồi tôi đi trước canh chừng nha.”

“Ừm,” viên cảnh sát miễn cưỡng nói, “cũng được, nếu mà anh đang vội cuống cuồng đến vậy. Nhưng đừng có làm gì hết cho đến khi tôi đến. Bọn chúng có thể nguy hiểm đấy. Tôi sẽ cố bám theo, nhưng mà con ngựa này của tôi, nó yếu xìu à. Ngay cả khi ráng mấy tôi cũng chịu, không biết làm sao cho nó chịu phi nước đại nữa.”

“Đúng vậy,” người mặc đồ vàng nói. “Vậy tôi sẽ đi lên trước, rồi chờ bên ngoài ngôi nhà cho đến khi ông đến.”

Gã chỉ đường cặn kẽ cho viên cảnh sát, rồi thúc chân vào hai bẹ sườn con ngựa béo già, phóng nước kiệu vào màn đêm đen thẫm chỉ thấy một ánh bình minh le lói trên đỉnh dãy đồi xa xa trước mặt.

Ngài cảnh sát nhai nhai đầu điều xì gà. “Hừm,” ông nói với con ngựa. “Mày có thấy bộ đồ đó không vậy? Ừm, đúng là phải có người này người nọ mới làm nên thế giới này.” Nói rồi ông chậm rãi theo sau, vừa đi vừa ngáp, khoảng cách giữa ông và người đi trước cứ mỗi lúc một dài thêm ra.

Chương 17

Đó là sáng thứ hai liên tiếp của cô bé Winnie Foster thức dậy sớm. Ngoài trời, trên hàng cây ven hồ, chim chóc đang đón chào ngày mới bằng khúc hoan ca như của cả một ban kèn đồng. Winnie chui mình ra khỏi tấm mền bông cuộn chặt và bước đến bên cửa sổ. Sương mù lũng lờ phủ trên mặt nước, ánh ban mai hãy còn yếu ớt. Trông thật hư ảo, và Winnie cảm thấy chính mình nữa cũng hư ảo, thức dậy nơi đây với đầu tóc rối bù và quần áo nhăn nhúm. Cô dụi mắt. Đâu đó trong đám cỏ dại ướt đẫm sương đêm bên dưới bậc cửa sổ, một chú cóc thành linh nhảy ra và Winnie háo hức nhìn nó. Nhưng không - dĩ nhiên không phải là con cóc đó rồi. Và khi nhớ về chú cóc kia - chú cóc của mình, cô triu mến nghĩ - cô có cảm giác như đã xa nhà hàng mấy tuần liền. Rồi cô nghe thấy tiếng bước chân trên cầu thang gác xép và nghĩ, “Anh Jesse!” Ngay lập tức hai má cô nóng bừng.

Nhưng đó là Miles. Anh bước vào phòng khách và thấy cô đã dậy rồi, anh liền mỉm cười và thì thầm nói. “Giỏi quá ta! Em dậy rồi đấy à. Đến đây nào - em giúp anh bắt vài con cá cho bữa sáng nhé.”

Lần này, Winnie cẩn thận để không gây ra tiếng động nào khi bước lên thuyền. Cô loạng choạng tiến đến chỗ ngồi ở đuôi thuyền, và Miles đưa cho cô hai cái cần câu cũ - “Cẩn thận mấy cái lưỡi câu đấy!” anh cảnh báo - và một hũ mồi: mỡ heo cắt thành miếng nhỏ. Một chú bướm đêm màu nâu vỗ cánh bay ra từ dưới mái chèo dựng cạnh chỗ cô ngồi rồi chấp chới biến đi đâu mất giữa không gian thom ngát. Và từ bờ hồ, có cái gì đó vừa rơi tòm xuống nước. Một chú ếch! Winnie chỉ kịp thoáng thấy bóng chú ta từ bờ hồ bơi ra. Mặt trước trong vắt đến độ nhìn thấy cả mấy con cá nâu bé xíu tung tăng hết theo hướng này lại vọt sang hướng khác gần dưới đáy hồ.

Miles đẩy thuyền ra khỏi bờ rồi nhảy vào, và chẳng mấy chốc thuyền họ đã lướt gần đến cuối hồ, nơi nước từ suối đổ tràn vào. Chốt mái chèo kêu cọt kẹt mỗi khi mái chèo ngụp xuống rồi vung lên, nhưng Miles là một tay chèo cừ khôi. Anh lái mà chẳng hề làm bắn nước. Những giọt nước rỏ xuống từ mái chèo mỗi lần chúng được nhấc lên tạo thành những vòng tròn gỏi lên nhau lặng lẽ tỏa sóng sau lưng họ. Không gian thật là yên bình. “Hôm nay họ sẽ đưa mình về nhà đây,” Winnie nghĩ. Không hiểu sao cô chắc chắn là thế, và bắt đầu phẩn chấn lên. Cô đã bị bắt cóc nhưng chẳng có việc gì xấu xảy ra cả và mọi chuyện sắp kết thúc rồi. Giờ hồi tưởng lại những cuộc viếng thăm đêm qua, cô bất giác mỉm cười - và nhận ra rằng mình mới yêu họ làm sao, cái gia đình vô cùng kỳ lạ này. Rốt cuộc họ là bạn của cô. Chỉ mình cô thôi.

“Ngủ ngon không vậy em?” Miles hỏi.

“Dạ ngon,” cô đáp.

“Tốt. Anh mừng là em ngủ được. Trước giờ em có từng câu cá chưa vậy?”

“Dạ chưa,” cô nói với anh.

“Rồi em sẽ thích cho mà xem. Vui lắm.” Và anh cười với cô.

Lúc này, khi mặt trời ló dạng trên những hàng cây, sương mù tan và mặt hồ lấp lánh. Miles chèo thuyền đến nơi có những chiếc lá súng trông như hình lòng bàn tay đặt ngửa trên mặt nước. “Mình dừng ở đây để thuyền tự trôi một lát,” anh nói “Dưới mấy bụi cỏ dại và thân cây kia có cá hồi đấy. Đây - đưa cho anh mấy cái cần câu để anh gắn mồi vào.”

Winnie ngồi đó ngắm anh làm. Khuôn mặt anh trông như Jesse, nhưng cũng không phải là giống lắm. Nó gầy hơn vì thiếu hẳn đôi má bầu bĩnh của Jesse, và tái hơn nữa chứ, tóc anh thì thẳng và cắt tỉa gọn gàng bên dưới vành tai. Cả đôi bàn tay cũng khác, ngón tay anh mập mạp hơn và trông như được cọ

rửa sạch sẽ, nhưng trên đốt và dưới móng tay lại có vết đen. Và Winnie nhớ ra có lúc anh cũng làm thợ rèn nữa, mà đúng như vậy thật vì bên dưới làn vải sơ mi mòn xơ cả chỉ gồ lên đôi vai rộng và vạm vỡ. Trông anh rắn chắc như một mái chèo còn anh Jesse thì - ừm, theo cô nghĩ, Jesse giống như là nước: mảnh mai và nhanh nhẹn.

Có vẻ như Miles biết cô đang quan sát mình. Anh ngẩng lên khỏi hũ mồi câu và ánh mắt đáp nhìn của cô thật dịu dàng. “Còn nhớ anh kể cho em là anh đã có hai đứa con chứ?” anh hỏi. “Ừm, một đứa là con gái. Anh cũng từng dẫn nó đi câu cá.” Đến đây khuôn mặt anh bỗng đượm vẻ u buồn, rồi anh lắc đầu nói. “Nó tên là Anna. Chúa ơi, nó mới dễ thương làm sao. Mà nghĩ cũng kỳ thật, giờ này chắc nó tầm tám mươi rồi, nếu nó còn sống. Con trai anh - nó cũng phải tầm tám mươi hai tuổi rồi.”

Winnie nhìn khuôn mặt trẻ trung, mạnh mẽ ấy, và lát sau cô hỏi, “Sao anh không dắt vợ con anh lại con suối và cho họ uống nước đó?”

“À, dĩ nhiên là hồi còn ở nông trại bọn anh đâu biết chuyện về con suối đó,” Miles đáp. “Sau này anh cũng từng tính đi tìm họ. Cũng muốn làm vậy, có trời chứng giám. Nhưng Winnie à, nếu thế thì chuyện gì sẽ xảy ra nào? Lúc đó vợ anh cũng gần bốn mươi rồi. Còn tụi nhỏ thì - ừm, được tích sự gì cơ chứ? Tụi nó cũng lớn gần hết rồi và có một người cha trạc tuổi mình. Không, mọi chuyện rồi sẽ kỳ quặc và rối rắm lắm, chẳng ích gì đâu. Cả ba anh cũng cực lực phản đối chuyện này. Càng ít người biết về con suối chừng nào, ba nói, càng ít phải kể đâu đuôi chuyện đó chừng ấy. Đây - cần câu của em đây. Chỉ cần buông lưỡi câu xuống nước. Chừng nào cá cắn câu là biết liền à.”

Winnie nắm chặt cần câu, ngồi về một bên ở cuối thuyền và nhìn lưỡi câu đã gắn mồi từ từ từ chìm xuống nước. Một con chuồn chuồn như viên ngọc lam sáng chói từ đâu lao tới, đậu lại một chốc trên mấy chiếc lá súng rồi lại nhún mình bay đi mất. Tiếng chú ếch nào đó kêu vang từ một bờ hồ gần nhất.

“Ồ quanh đây có nhiều ếch lắm thì phải,” Winnie nhìn quanh nói.

“Đúng vậy,” Miles nói. “Chúng sẽ còn đến nhiều nữa, miễn là bọn rùa không có ở đây. Giờ thì có cá hanh, chúng mà nhìn thấy ếch là đớp liền”.

Winnie nghĩ đến mối hiểm họa đang rình rập mấy chú ếch và thở dài. “Sẽ tốt biết bao,” cô nói, “nếu không có cái gì phải chết đi cả.”

“Ừm, giờ anh cũng chẳng biết nữa,” Miles nói. “Nhưng nghĩ kỹ lại em sẽ thấy rằng nếu như vậy thì sẽ có biết bao nhiêu sinh vật, tính luôn cả con

người nữa, chẳng mấy chốc tất cả sẽ phải chen chúc nhau mà sống.”

Winnie nheo mắt nhìn sợi dây câu, trong đầu cố hình dung ra cái thế giới chật chội đông đúc ấy. “Ừmm,” cô nói, “phải đấy, chắc là anh đúng.”

Thình lình chiếc cần câu trên tay cô giật mạnh và cong oằn xuống, đầu nó trĩu xuống tận gần mặt nước. Winnie giữ cần câu thật chặt, hai mắt cô bé mở to.

“Hê!” Miles la to “Nhìn kìa! Cá em cắn câu rồi. Cá hồi tươi cho bữa sáng đây, Winnie.”

Thế rồi cũng đột ngột như thế, chiếc cần câu thẳng trở lại và sợi dây câu chùng xuống.

“Chẹp, tiếc quá.” Miles nói. “Nó thoát rồi.”

“VẬY em càng mừng,” Winnie thú thật, bàn tay cầm cần câu cứng ngắc nói lỏng ra một tí.

“Anh câu đi, anh Miles. Em không chắc mình có muốn câu cá không nữa.”

Và họ lại trôi đi thêm một lát. Bầu trời lúc này xanh biếc và chói chang, vệt sương mù cuối cùng đã tan biến, và mặt trời nhô cao phía trên những hàng cây, rọi xuống lưng Winnie nóng bỏng. Tuần đầu tiên của tháng Tám lại đỉnh đạc lộ diện sau một đêm ngon giấc. Hứa hẹn sẽ là một ngày gay gắt nữa.

Một con muỗi xuất hiện đậu trên đầu gối Winnie. Vừa lơ đãng đập nó cô vừa nghĩ về điều Miles vừa nói. Nếu loài muỗi là bắt tử - và chúng cứ tiếp tục sinh sôi nảy nở hoài! - thì thật là khủng khiếp. Gia đình Tuck nói đúng đấy. Tốt nhất là không có ai biết về con suối đó, kể cả bọn muỗi. Phải giữ bí mật này thôi. Rồi cô nhìn Miles và hỏi, “Anh làm gì khi có nhiều thời gian như vậy?”

“Một ngày nào đó,” Miles nói, “Anh sẽ tìm cách làm một việc gì đó trọng đại.”

Winnie gật đầu. Đó cũng chính là điều mà cô muốn làm.

“Theo anh thì,” Miles tiếp tục, “Ăn mình là không tốt, như ba anh và nhiều người khác ấy. Mà chỉ lo nghĩ đến vui thú của bản thân mình thì cũng không

hay. Người ta ai cũng phải làm một việc gì đó thật sự có ích nếu họ tồn tại trên thế gian này.”

“Nhưng mà anh tính làm gì vậy?” Winnie khăng khăng hỏi.

“Anh cũng chưa biết nữa,” Miles nói. “Anh thì chẳng được học hành gì nhiều và như vậy thì sẽ khó khăn hơn.” Rồi anh nghiêm mặt và nói thêm, “Dù gì anh sẽ tìm ra cách. Anh sẽ xác định làm một cái gì đó.”

Winnie gật đầu. Cô đưa tay ra chạm vào chiếc lá súng nằm trên mặt nước bên cạnh thuyền. Nó ẩm và khô rang, như một tờ bìa thấm, nhưng gần chính giữa chiếc lá lại có một giọt nước chỉ lặn đi một chút rồi lại tròn xoe như cũ.

Cuối cùng rồi Miles cũng bắt được cá. Nó rơi phịch ở đó, trên sàn thuyền, hàm ngáp ngáp, mang quạt quạt liên hồi. Winnie ngồi thu chân lại và nhìn con cá. Nó mới đẹp làm sao và cũng kinh khủng nữa, với bộ váy lấp lánh bảy sắc cầu vồng và con mắt như một hòn đá cẩm thạch đang mờ dần khi cô nhìn nó. Lưỡi câu mắc vào môi trên nó và bỗng dưng Winnie muốn khóc. “Thả nó ra đi, anh Miles,” cô nói, giọng khô và đanh lại. “Thả nó ra ngay đi.”

Miles sắp sửa phản đối, nhưng rồi, nhìn mặt cô, anh nhặt con cá lên và nhẹ nhàng gỡ lưỡi câu sắc lẹm ra. “Được rồi, Winnie,” anh nói. Anh thả con cá qua mạn thuyền. Nó quẫy đuôi lần đi mất dưới đám lá súng.

“Nó sẽ ổn chứ?” Winnie hỏi, cảm thấy vừa ngốc nghếch lại vừa vui sướng.

“Sẽ ổn thôi,” Miles trấn an cô. Và rồi anh nói, “Người ta đôi khi cũng phải ăn thịt. Điều đó là tự nhiên thôi. Và như vậy cũng có nghĩa là phải sát sinh.”

“Em biết,” Winnie nói thật yếu ớt. “Nhưng mà...”

“Phải” Miles nói. “Anh hiểu.”

Chương 18 - 19

Và thế là bữa sáng họ lại ăn bánh rán tiếp, nhưng có vẻ như chẳng ai nề hà chuyện đó cả.

“Không con nào cắn câu à?” Bà Mae hỏi.

“Dạ không,” Miles nói. “Bọn con chả muốn bắt con nào cả.”

Dù sao thì nói như vậy cũng đúng. Nhưng Winnie đỏ mặt khi nghe anh nói thế, cô thật biết ơn vì anh chẳng hề giải thích gì thêm.

“Thôi không sao,” bà Mae nói. “Chắc là lâu rồi con không câu nên quên ấy mà. Có lẽ ngày mai sẽ câu được thôi.”

“Chắc thế ạ,” Miles nói. “Ngày mai vậy.”

Thế nhưng chính ý nghĩ sắp được nhìn thấy Jesse nữa mới làm cho ruột gan Winnie cồn cào lên. Sau cùng cậu cũng chịu xuống, miệng ngáp và yêu cầu, tay vò mái tóc xoắn, đứng ngay lúc bà Mae đang bày bánh rán lên đĩa. “Chà, con sâu ngủ,” bà trù mền bảo cậu. “Con suýt nữa bỏ lỡ bữa sáng đó. Miles với Winnie dậy được mấy tiếng rồi, đi câu cá xong rồi về đây nè.”

“Ừa?” Jesse nói, mắt nhìn Miles. “Vậy thì cá đâu? Sao mà mình ăn toàn bánh rán vậy nè?”

“Bữa nay xui,” bà Mae đáp. “Hổng biết sao mà cá không cắn câu nữa.”

“Tại anh Miles không biết câu cá thì có.” Jesse nói, cười toe toét với Winnie làm cho cô bé phải liếc nhìn xuống, tim đập thình thịch.

“Cũng chẳng sao,” bà Mae nói “Mình còn cả khối đồ ăn. Đến lấy suất của mình đi nào, cả nhà.”

Họ lại ngồi mỗi người một góc trong phòng khách, giống như đêm hôm trước. Trần nhà loang loáng những bóng phản chiếu rục rờ và ánh nắng tràn qua nền nhà bụi bặm đầy vỏ bào. Bà Mae nhìn quanh rồi thở phào hài lòng. “Thật là hay quá,” bà nói, đặt nĩa nằm ngang thẳng bằng trên đĩa. “Cả nhà mình tụ tập ở đây. Và còn có cả Winnie nữa - giống như là ăn tiệc vậy.”

“Đúng đó ạ,” Jesse và Miles lên tiếng cùng một lúc, và Winnie cảm thấy hạnh phúc chột ào đến.

“Nhưng mình vẫn còn nhiều thứ phải bàn lắm,” ông Tuck nhắc mọi người. “Chuyện con ngựa bị chôn nè. Và còn phải đưa Winnie về nhà nữa chứ. Làm sao mình làm được nếu không có ngựa ở đây?”

“Đề ăn xong đã, ông Tuck” bà Mae nói chắc nịch. “Đừng nói nhiều làm hỏng bữa ăn ngon. Mình sẽ bàn tới đó liền thôi mà.”

Thế là mọi người quay lại ngồi ăn trong yên lặng và lần này Winnie liếm láp xirô thích trên mấy ngón tay mà chẳng cần dừng lại nghĩ ngợi gì trước cả. Giờ đây đối với cô những nỗi sợ hãi vào bữa tối hôm qua dường như mới ngốc nghếch làm sao. Có thể họ thật điên rồ, nhưng không phải là tội phạm. Cô yêu họ và cảm thấy họ như người thân của mình.

Chợt ông Tuck lên tiếng, “Ngủ có ngon không vậy con?”

“Dạ ngon,” cô trả lời và trong khoảnh khắc ấy cô đã ước chỉ mình có có thể ở lại đây, mãi mãi cùng với họ, trong căn nhà nhỏ bé, bẽ bộn, ngập tràn ánh nắng bên bờ hồ ấy. Lớn lên cùng với họ và có lẽ, nếu chuyện về con suối là sự thật - thì có lẽ khi cô mười bảy tuổi... Cô liếc nhìn Jesse, cậu đang ngồi bệt trên sàn nhà, mái tóc xoắn rũ xuống trên đĩa thức ăn. Rồi cô nhìn sang Miles. Và ánh mắt cô chạm vào ông Tuck, nán lại trên khuôn mặt nhăn nheo sần muộn của ông. Cô chợt nhận ra rằng trong cả gia đình Tuck ông chính là người thân thương nhất đối với cô, dù chẳng thể lý giải được vì sao cô lại cảm thấy như vậy.

Tuy nhiên, chẳng còn thời gian để nghĩ ngợi nữa vì vào chính lúc ấy có tiếng gõ cửa vang

lên. Đó chính là một âm thanh xa lạ, quá đột ngột và bất ngờ đến độ bà Mae làm rơi cả nĩa, còn mọi người thì ngược nhìn lên, hoảng hốt.

“Ai thế nhỉ?” ông Tuck nói.

“Không thể tưởng tượng nổi,” bà Mae thì thầm. “Nhà mình chưa từng có ai gọi cửa trong suốt những năm sống ở đây.”

Winnie nhận ra giọng nói ấy liền tức thì. Đó là một giọng nói trầm và dễ chịu. Chính là gã đàn ông mặc đồ vàng. Và lúc này đây gã đang cất tiếng, “Chào buổi sáng thưa bà Tuck. Bà là bà Tuck phải không ạ. Tôi vào nhà được chứ?”

Người mặc đồ vàng bước vào gian phòng khách ngập tràn ánh nắng. Gã đứng đó một lúc, nhìn một lượt xung quanh, từ bà Mae, Miles, Jesse, ông Tuck và cả Winnie nữa. Khuôn mặt chẳng biểu lộ cảm xúc gì, nhưng có vẻ gì đó khó chịu ẩn đằng sau nó mà Winnie cảm nhận được ngay, cái gì ấy khiến cô lập tức nghi ngờ. Tuy vậy giọng nói vẫn thật dịu dàng khi gã cất lời, “Giờ con được an toàn rồi, Winnifred. Bác đến đây để đón con về nhà.”

“Tự tui tôi cũng đang tính mang cô bé về nhà ngay đây,” Ông Tuck nói, chậm rãi đứng dậy. “Nó không gặp nguy hiểm gì đâu.”

“Tôi đoán ông chắc là ông Tuck?” người mặc đồ vàng nói.

“Phải, là tôi đây,” ông Tuck trịnh trọng nói, lưng thẳng hơn bình thường.

“Vậy thì ông cũng nên ngồi xuống như cũ đi. Cả bà nữa, bà Tuck. Tôi có nhiều thứ cần phải nói lắm nhưng lại chẳng còn nhiều thời gian nữa.”

Bà Mae ngồi xuống trên mép chiếc ghế đu, ông Tuck cũng vậy nhưng hai mắt ông thì nheo cả lại.

Jesse nói, không thoải mái lắm, “Ông nghĩ mình là cái quỷ gì mà...”

Nhưng ông Tuck ngắt ngang lời cậu. “Yên nào, con. Để ông đây nói đi.”

“Vậy là khôn ngoan đó,” người mặc đồ vàng nói. “Tôi sẽ nói ngắn gọn hết sức.” Nói rồi gã bỏ mũ ra, đặt lên bệ lò sưởi và đứng nhíp chân trước nền lò sưởi bệ bộn, đối diện họ. Khuôn mặt trông thật là tro tráo và vô cảm. “Tôi sinh ra ở phía Tây nơi này,” gã bắt đầu, “và trong suốt thời thơ ấu, bà tôi hay kể chuyện cho tôi nghe. Đó là những chuyện kỳ lạ và hoang đường nhưng tôi tin chúng. Chúng kể về một người bạn thân của bà, người đã lấy phải người trong một gia đình hết sức kỳ quặc. Lấy người anh cả trong hai anh em, và họ có với nhau hai đứa con. Nhưng sau khi sinh con rồi bà ta mới bắt đầu nhận ra gia đình đó kỳ quặc như thế nào. Người bạn của bà tôi đã sống với chồng được hai mươi năm nhưng điều lạ là ông chồng ấy chẳng hề già đi chút nào. Bà ta thì già đi còn ông ta thì không. Cả mẹ, cha và em trai ông ta cũng vậy nốt. Người ta bắt đầu đặt dấu hỏi về gia đình ấy, còn bạn của bà tôi thì sau cùng đã kết luận rằng họ là phù thủy, hay tệ hơn nữa. Bà bỏ chồng, mang theo hai đứa con đến sống ở nhà bà tôi một thời gian ngắn. Rồi bà đi về miền Tây. Tôi không biết sau đó bà ta thế nào nữa. Nhưng mẹ tôi thì vẫn còn nhớ chuyện đã từng chơi với đám trẻ con nhà ấy. Họ trạc tuổi nhau, một đứa con trai và một người con gái.”

“Là Anna!” Miles thì thào.

Bà Mae òa lên, “Không ai khiến ông đến đây mang đau khổ cho chúng tôi!”

Và ông Tuck chêm vào, giọng đanh cả lại, “Ông có điều cần nói, tốt hơn hết là ông đi thẳng vào vấn đề đó đi.”

“Đây, đây, giờ đến rồi đây,” người mặc đồ vàng nói, xòe mấy ngón tay dài trắng bệch ra hiệu hãy bình tĩnh. “Nghe tôi nói hết đã nào. Như tôi đã nói đó, mấy câu chuyện của bà tôi đặc biệt cuốn hút tôi. Những con người bất lão! Thật là tuyệt. Nó chiếm hữu cả tâm hồn tôi. Tôi quyết định mình sẽ dành trọn cả đời này tìm hiểu chuyện đó có thật hay không, và nếu có thì bằng cách nào và tại sao như vậy. Tôi đi học, tôi vào đại học, tôi học triết học, siêu hình học và cả một chút y khoa nữa. Nhưng chẳng thứ gì giúp ích cho tôi cả. À, cũng có vài truyền thuyết xa xưa, nhưng chỉ thế thôi. Tôi gần như đã bỏ cuộc. Việc đó bắt đầu trở nên lố bịch và mất thời gian. Tôi trở về nhà, lúc này bà tôi đã già lắm rồi. Ngày nọ tôi tặng bà một món quà, đó là một chiếc hộp nhạc. Và khi tôi đưa nó cho bà, nó làm bà nhớ lại một thứ: người đàn bà, người mẹ trong cái gia đình không bao giờ già đi đó, bà ta có một cái hộp nhạc.”

Bàn tay bà Mae luồn vào túi chiếc váy đang mặc. Miệng bà há hốc rồi ngậm lại ngay.

“Cái hộp nhạc đó có một giai điệu rất đặc biệt,” người mặc đồ vàng tiếp tục. “Người bạn của bà tôi và con của bà ta - Anna? Đó là tên người con gái phải không nhỉ? - họ nghe nhiều đến nỗi thuộc lòng. Họ dạy lại cho mẹ tôi trong thời gian ngắn sống tại nhà. Chúng tôi cứ nói chuyện đó mãi, qua bao nhiêu năm trời, mẹ tôi, bà và tôi nữa. Sau mẹ tôi cũng nhớ ra giai điệu đó. Mẹ dạy lại cho tôi. Đến giờ cũng gần được hai mươi năm rồi nhưng tôi vẫn luôn nhớ như in trong đầu. Đó chính là một manh mối.”

Người mặc đồ vàng khoanh tay lại và khẽ lắc lư người. Giọng gã dễ chịu, gần như là thân thiện. “Suốt hai mươi năm nay,” gã nói, “tôi đã làm biết bao nhiêu việc khác. Nhưng không thể nào quên cái giai điệu đó cũng như gia đình bất lão nọ. Chúng ám ảnh tôi cả trong những giấc mơ. Thế là mấy tháng trước đây tôi bỏ nhà ra đi và bắt đầu tìm kiếm họ, đi theo con đường mà họ đã đi sau khi rời khỏi trang trại. Chẳng có người nào tôi hỏi suốt dọc đường biết gì cả. Chẳng ai nghe nói về họ, chẳng ai nhận ra tên họ. Nhưng vào cái buổi chiều tối cách đây hai ngày ấy, tôi đã nghe được âm thanh từ chiếc hộp nhạc ấy, chính là giai điệu đó, và nó phát ra từ khu rừng nhà Foster. Và ngay

sáng sớm vào ngày hôm sau, cuối cùng thì tôi cũng gặp được gia đình ấy, lúc họ mang Winnifred đi. Tôi đã đi theo họ và nghe toàn bộ câu chuyện, từng chữ một.”

Khuôn mặt bà Mae cắt không còn hột máu. Miệng bà há hốc ra. Và ông Tuck nói giọng khàn đặc, “Ông định sẽ làm gì?”

Người mặc đồ vàng mỉm cười. “Gia đình Foster đã trao cho tôi khu rừng của họ,” gã nói. “Đề đổi lại việc tôi mang Winnifred trở về nhà. Ông thấy đó, tôi là người duy nhất biết chỗ con bé mà lại. Cho nên nó là một vụ trao đổi. Đúng đó, tôi đã đi theo bà, thưa bà Tuck, và tôi đã lấy con ngựa của bà rồi quay trở lại ngay.”

Bầu không khí trong phòng lúc này căng thẳng tột cùng. Winnie cảm thấy mình không thể thở nổi nữa. Đó là thật sao! Hay là người đó cũng điên rồi?

“Đồ trộm ngựa!” ông Tuck quát lên. “Đi thẳng vào vấn đề đi! Mà tính làm gì?”

“Đơn giản thôi,” người mặc đồ vàng đáp. Và khi nói ra điều này, vẻ tro tráo trên khuôn

mặt gã hơi dãn ra một tí. Con phần khích màu đỏ nhạt trườn lên tận cổ và cao giọng hơn một chút, gã nói. “Như những điều tuyệt diệu khác cũng vậy thôi, rất chi là đơn giản. Khu rừng - và con suối - giờ đã thuộc về tôi” Gã vỗ vỗ túi ngực áo. “Tôi có giấy tờ đây, đã ký tên hợp lệ để làm bằng. Như ông thấy đó, tôi dự định sẽ bán thứ nước ấy.”

“Mày không được làm vậy!” ông Tuck gầm lên. “Bộ mày mất trí rồi hả!”

Người mặc đồ vàng nhú mày. “Nhưng mà đâu phải ai tôi cũng bán chứ,” gã cãi lại. “Chỉ một số người nhất định thôi, những ai xứng đáng. Và nó sẽ rất, rất là mắc. Nhưng để được trường sinh bất tử thì ai chẳng bỏ ra cả gia tài cơ chứ?”

“Tao thì không,” ông Tuck nói dứt khoát.

“Chính xác,” người mặc đồ vàng nói. Đôi mắt gã lóe sáng. “Bọn ngu dốt như mi thì chẳng bao giờ có cơ hội đó. Nước đó chỉ dành cho... một số người đặc biệt. Và cho cả ta nữa. Tuy nhiên, vì đã quá trễ để loại mi ra rồi nên cho bọn mi tham dự vào chuyện ta sắp làm cũng được. Chỉ cho ta chỗ con suối và giúp ta quảng cáo. Chúng ta sẽ tổ chức những cuộc trình diễn. Mi biết đó

- đại loại như những thứ mà có thể làm chết người khác nhưng lại chẳng mấy may ảnh hưởng gì tới bọn mi. Dĩ nhiên là ta sẽ trả công rồi. Cũng chẳng phải quảng bá gì lâu la lắm đâu. Và rồi mi có thể đi đường mi. Vậy đó, mi nghĩ sao nào?”

Jesse nói yếu ớt, “Những kẻ quái dị. Ông muốn biến chúng tôi thành một lũ quái dị. Trong một buổi trình diễn bán thuốc.”

Người mặc đồ vàng nhướn mày lên và vẻ bực tức căng thẳng len lõi vào giọng nói, “Dĩ nhiên, nếu bọn mi không thích ý tưởng này,” gã nói, chớp mắt liên hồi, “thì không cần phải tham gia. Ta có thể tìm ra con suối đó và xoay xở tốt mà không cần bọn mi. Nhưng có vẻ như là một quý ông lịch thiệp thì phải đưa ra lời đề nghị như vậy đây. Rốt cuộc thì,” gã nói thêm, sau khi đã nhìn quanh căn phòng bừa bộn, “điều đó sẽ giúp bọn mi đủ tiền sống cho giống người trở lại thay vì làm heo.”

Và đó chính là lúc sự căng thẳng bùng nổ. Cả bốn người nhà Tuck bật dậy ngay lập tức, còn Winnie, sợ hãi tột cùng, co rúm người trên ghế của cô. Ông Tuck la lên, “Mày là thằng điên! Thằng khùng! Mày không được cho ai biết về thứ nước đó hết. Mày không thấy chuyện gì sẽ xảy ra à?”

“Ta đã cho bọn mi cơ hội rồi,” người mặc đồ vàng rít lên, “và bọn mi từ chối nó.” Nói rồi gã thô bạo giật lấy tay Winnie lôi cô bé ra khỏi ghế. “Ta sẽ đưa con bé này đi và bắt đầu chuyện làm ăn của ta.”

Lúc này ông Tuck bắt đầu nổi xung, khuôn mặt căng lên vì kinh hãi. “Đồ điên!” ông thét. Và Miles và Jesse cũng bắt đầu thét lên theo. Họ tùm tùm theo sau khi người mặc đồ vàng lôi Winnie xềnh xệch qua tuốt nhà bếp đến bên cánh cửa.

“Không!” cô gào lên, sau cùng cũng thấy được rằng mình ghét gã. “Tôi không muốn đi với ông! Không muốn!”

Nhưng gã đã mở cửa ra rồi đẩy cô ra ngoài. Đôi mắt gã như hai đốm lửa chói lòa, khuôn mặt gã méo mó.

Chợt tiếng la hét đằng sau lưng đột nhiên im bật, và bầu không khí im lặng chết người ấy vang lên tiếng bà Mae, đều đều và lạnh tanh “Mày để yên con nhỏ đó.”

Winnie nhìn trân trân. Bà Mae đang đứng ngay bên ngoài ngưỡng cửa. Tay bà đang nắm nòng khẩu súng săn bị-lãng-quên-đã-lâu của ông Tuck, như

cầm một cây gậy.

Gã mặc đồ vàng nhếch một nụ cười rung rợn. “Tao thật không thể hiểu nổi tại sao bọn mày lại phải buồn khổ như vậy. Bộ tội bây thật sự tin là có thể giữ thứ nước đó cho riêng mình được sao? Sự ích kỷ của bọn bây thật ngoài sức tưởng tượng, mà còn tệ hơn nữa, bọn bây là một lũ ngu. Đáng lẽ tội bây phải làm cái điều mà tao sắp làm từ khuya rồi mới phải chớ. Còn giờ thì muộn rồi. Khi mà tao cho Winnifred uống nước đó xong, nó sẽ quảng bá cho tao cũng tốt chẳng thua gì tội bây. Thậm chí còn tốt hơn ấy chứ. Dù sao thì trẻ con vẫn hấp dẫn hơn. Vậy tốt hơn hết là tội bây cứ thoải mái đi vì tội bây chẳng thể làm gì để ngăn được tao đâu.”

Nhưng gã đã làm rồi. Bà Mae nâng khẩu súng lên. Sau lưng bà, tiếng Miles thở gấp, “Mẹ! Đừng!”

Nhưng bà Mae đang đỏ mặt tía tai. “Không phải là Winnie!” bà rít lên giữa hai hàm răng khép chặt. “Mày không được làm chuyện như vậy đối với Winnie. Và mày không được nói ra bí mật này.” Đôi cánh tay mạnh mẽ của bà vung khẩu súng vòng quanh đầu để lấy đà, giống như một vòng xoay vậy. Gã mặc đồ vàng giật mình bỏ chạy nhưng đã quá muộn. Với một tiếng rắc nhỏ, báng súng phang thẳng vào đằng sau hộp sọ gã. Gã đổ vật xuống như một cái cây, khuôn mặt hãy còn vẻ sững sờ, mắt trợn ngược. Và cũng chính ngay giây phút ấy, viên cảnh sát Treega xuất hiện, cưỡi ngựa vượt qua những hàng thông vừa đúng lúc chứng kiến toàn bộ cảnh trên.

Chương 20 - 21

Winnie đứng đó, má áp vào ngực ông Tuck, cánh tay ôm chặt lấy người ông. Cô run rẩy, hai mắt nhắm tịt. Cô có thể cảm thấy hơi thở gấp gáp của ông. Bầu không khí lúc này yên lặng đến rợn người.

Viên cảnh sát Treega quỳ bên cạnh thân thể sóng soài của người mặc đồ vàng và rồi nói, “Anh ta còn sống. Tôi thiếu thì vẫn chưa chết.”

Winnie hé mắt ra một chút. Cô bé nhìn thấy khẩu súng vẫn nằm trên mặt cỏ ngay chỗ bà Mae đã quăng nó xuống. Cô cũng thấy đôi tay của bà nữa, buông thõng, nắm chặt lại rồi lại buông thõng ra. Trời nóng như đổ lửa và bên tai cô một chú muỗi đang vo ve.

Viên cảnh sát đứng dậy. “Tại sao bà bắn anh ta vậy?” ông nói, khò khè bực dọc.

“Ông ta bắt đứa nhỏ đi,” bà Mae nói. Giọng nghe yếu ớt và kiệt quệ.

“Ông ta bắt nó đi, ngược lại ý muốn của nó”

Đến đây thì viên cảnh sát bắt đầu bùng nổ. “Cái gì, bà kia, bà đang nói gì vậy? Bắt đứa nhỏ đi ngược lại ý muốn của nó hả? Chính bà làm vậy thì có. Bà bắt cóc nó mà.”

Lúc này Winnie liền buông ông Tuck ra và quay người lại. Cô đã hết run.

“Họ không bắt cóc con” cô nói. “Con đến đây vì con muốn vậy.”

Sau lưng cô, ông Tuck hít vào thật mạnh.

“Con muốn vậy à?” viên cảnh sát lặp lại, trở mắt nghi ngờ. “Con *muốn* à?”

“Dạ đúng,” Winnie nói không hề nao núng. “Họ là bạn của con.”

Viên cảnh sát nhìn cô chằm chằm. Cặp chân mày nhướng cao, ông gãi gãi cằm và buông

khẩu súng của mình xuống đất. Rồi ông nhún vai và nhìn xuống người đàn ông mặc đồ vàng đang nằm bất động trên cỏ, ánh mặt trời chói chang làm khuôn mặt và đôi tay gã trắng lóa. Mắt gã đang nhắm, nhưng ngoại trừ chi tiết ấy, trông gã giống một con rối hơn bao giờ hết, con rối bị quăng vào xô một cách bất cẩn, tay chân mỗi cái một phương mắc giữa đám dây nhợ rối như tơ vò.

Chỉ một cái liếc qua đó cũng đã đủ gắn chặt chặt hình hài của người đàn ông ấy trong tâm trí Winnie. Cô vội đưa mắt đi chỗ khác, nhìn sang ông Tuck cho nhẹ nhõm. Nhưng ông lại không nhìn cô mà đang nhìn chăm chăm vào cái thân thể đang nằm trên mặt đất ấy, người hơi cúi về trước, lông mày sụp xuống, miệng khê há ra. Trông ông như đang bị mê hoặc và còn - thật vậy, ghen tị nữa - giống như một kẻ đói khát đang thèm thuồng nhìn bữa yến tiệc qua cửa sổ. Winnie không thể chịu nổi phải nhìn thấy ông như vậy. Cô bé đưa tay ra chạm vào ông và như có phép màu đập tan câu thần chú. Ông chớp mắt và nắm lấy tay cô, siết lại.

“Thôi, dù sao thì,” sau cùng viên cảnh sát cũng lên tiếng, đổi giọng câu chuyện, “tôi cũng phải chịu trách nhiệm ở đây. Mang tay này vào nhà trước khi gã chết khô. Giờ tôi nói cho các người biết đây: nếu anh ta mà không qua khỏi thì các người gặp rắc rối to đấy. Giờ thì, việc chúng ta phải làm là đây. Bà,” ông nói, tay chỉ vào bà Mae, “bà phải đi với tôi, bà và con bé này. Bà phải bị tổng giam ngay; còn con bé thì, tôi phải đưa nó về nhà. Còn mấy người các anh, ở lại đây với gã này. Trông nom hẩn. Tôi sẽ đưa bác sĩ đến đây sớm nhất có thể. Đáng lẽ phải dẫn theo một cảnh sát nữa nhưng tôi đâu lường trước được chuyện như thế này sẽ xảy ra.

Thôi, giờ trễ quá rồi đây. Được rồi, lên đường đi thôi.”

Tiếng Miles nói thật khẽ, “Mẹ. Tụi con sẽ đưa mẹ ra ngay thôi.”

“Đừng lo nhé, mẹ,” Jesse nói.

“Đừng lo lắng gì cho mẹ cả,” bà Mae nói, vẫn bằng cái giọng kiệt sức ấy.

“Mẹ sẽ ổn thôi.”

“Ổn à?” viên cảnh sát kêu lên. “Mấy người các người giỏi quá ha. Nếu gã đó mà chết, bà sẽ có giá treo cổ. Đó là thứ bà sẽ nhận được, nếu bà cho rằng đó là ổn.”

Khuôn mặt ông Tuck nhăn nheo cả lại. “Giá treo cổ?” ông thều thào.

“Treo cổ à?”

“Đúng vậy,” viên cảnh sát nói. “Đó là luật. giờ thì lên đường thôi.”

Miles và Jesse nâng người mặc đồ vàng lên và cẩn thận mang gã vào nhà, nhưng ông Tuck vẫn còn đứng đó nhìn nhìn trừng trừng, và Winnie có thể đoán được ông đang nghĩ đến điều gì. Viên cảnh sát đỡ cô lên ngựa của ông và dẫn bà Mae về phía con ngựa của bà. Nhưng Winnie không rời mắt khỏi ông Tuck. Khuôn mặt ông tái nhợt, những nếp nhăn hằn sâu hơn bao giờ hết, còn đôi mắt thì trống rỗng và trũng xuống. Cô nghe thấy

ông thì thảo lần nữa, “Giá treo cổ!”

Và rồi Winnie nói một điều trước đây cô chưa từng nói, nhưng là những lời đôi khi cô đã từng nghe và luôn mong chờ được nghe thấy. Chúng nghe thật lạ trên đôi môi của chính cô và khiến cô ngồi thẳng người lên.

“Bác Tuck,” cô nói, “đừng lo lắng. Mọi việc rồi sẽ ổn thôi mà.”

Viên cảnh sát ngược nhìn lên và lắc đầu. Rồi nắm chặt khẩu súng của mình, ông leo lên ngòi phía sau lưng Winnie và quay ngựa về hướng con đường mòn. “Bà đi trước đi,” ông quát bà Mae. “Tôi phải canh chừng bà. Còn ông,” ông gằn giọng nói với ông Tuck, “ông lo mà cầu nguyện cho gã đó đừng có chết đi. Tôi sẽ ráng quay lại sớm nhất có thể.”

“Mọi việc rồi sẽ ổn,” ông Tuck lặp lại chậm rãi.

Bà Mae, ngồi phịch xuống lưng con ngựa già mập mạp, chẳng đáp lời nào. Nhưng Winnie thì ngoái cổ qua người viên cảnh sát và quay lại nhìn ông Tuck. “Rồi bác sẽ thấy,” cô nói. Và rồi cô quay về phía trước, lưng ngồi thật thẳng. Cô đang trên đường trở về nhà, nhưng ý nghĩ ấy thật xa vời trong tâm trí. Cô nhìn phía sau con ngựa đang đi trước mặt, chòm lông đuôi bụi bặm và khô queo phát phơ. Và cô nhìn cái lưng còng xuống, lắc lư của người đàn bà đang cưỡi nó.

Họ đi xuyên qua những rặng thông mờ ảo, viên cảnh sát thở khò khè bên tai cô, và hiện ra giữa không gian mát dịu phủ màu xanh mướt, Winnie lại nhìn thấy thế giới rộng lớn trải ra trước mắt, lấp lánh ánh sáng và triển vọng. Nhưng những triển vọng đó giờ đây đã khác rồi. Không còn là chuyện điều gì sẽ xảy ra với cô nữa mà là chuyện chính cô có thể ngăn cản không cho những điều gì xảy ra. Vì việc duy nhất mà cô nghĩ đến là một điều nhất thiết vừa khủng khiếp lại vừa rõ ràng: bà Mae Tuck nhất định không được bước chân đến giá treo cổ. Dù chuyện gì có xảy ra với người mặc đồ vàng ấy đi chăng nữa thì bà Mae Tuck cũng không thể bị treo cổ được. Bởi vì nếu tất cả việc họ nói đều đúng, thì bà Mae Tuck, ngay cả khi là một tên sát nhân tàn ác nhất và xứng đáng bị tử hình - cũng sẽ không thể chết.

Chương 21

Winnie kéo chiếc ghế xích đu nhỏ đến bên cửa sổ phòng ngủ và ngồi xuống. Cô đã được tặng chiếc ghế xích đu này khi hãy còn bé xíu nhưng đến tận bây giờ đôi lúc, khi không ai buồn để ý, cô vẫn thường co mình ngồi vào nó, bởi chuyện động đùng đưa gọi cô nhớ về một điều gì đó thật dễ chịu, một điều gì đó thật dịu êm, những điều sẽ không bao giờ còn có thể hiện lên ngay trong tâm trí cô được nữa. và đêm nay cũng vậy, cô muốn được vỗ về an ủi.

Viên cảnh sát đã đưa cô về đến nhà. Mọi người ôm chầm lấy cô liền tức thì, xô công, mở toang và lao ra, cúi xuống ôm chầm lấy cô, mẹ cô nức nở, ba cô chẳng nói nổi nên lời, chỉ biết ghì chặt cô vào lòng, còn bà thì

lúu cả lưỡì vì vui sướng. Đã có một khoảng lặng điếng người khi viên cảnh sát thông báo cho mọi người biết rằng cô đã tự ý bỏ nhà đi, nhưng chẳng cần kéo dài được lâu. Cả nhà cô chẳng hề tin vào chuyện đó, và bà cô còn nói, “Chính là lũ yêu tinh đó. Chúng tôi nghe thấy tiếng chúng mà.

Chắc là tụi nó bỏ bùa con nhỏ rồi.’

Và thế là mọi người mang cô vào nhà, và sau khi đã nằn nì bắt cô phải tắm rửa sạch sẽ rồi, cả nhà liền cho cô ăn, âu yếm vuốt ve cô và chẳng chịu, cùng vài tiếng cười khe khẽ và lẩm bẩm, chấp nhận câu trả lời rằng cô đã bỏ nhà đi cùng gia đình nhà Tuck bởi vì - ừm, chỉ vì cô muốn như vậy. Người nhà ấy đã đối xử rất tốt với cô, cho cô ăn bánh rán nè và còn dắt cô đi câu cá nữa. họ là những người lương thiện và tử tế. Tuy nhiên, dù gì thì, tất cả những điều này, ấn tượng tốt mà cô cố tạo ra cho những người bạn của của mình này, sẽ bị xóa sạch khi cô kể cho cả nhà chuyện xảy ra với người mặc đồ vàng. Có thật là cả nhà đã cho gã khu rừng để đổi lại việc tìm thấy cô không? Đúng là như vậy thật. Nhưng có lẽ giờ đây gã chẳng cần đến khu rừng ấy nữa đâu. Bà Mae đã phang cho gã bằng khẩu súng và giờ gã đang bị thương nặng. Mọi người đã đón nhận thông tin này với tâm trạng lẫn lộn niềm hy vọng và nỗi kinh hoàng, rồi cha cô lên tiếng,

“Ba nghĩ là khu rừng sẽ trở lại là của nhà mình nếu người đó... nghĩa là, nếu gã không...”

“Ý ba là, nếu ông chết phải không ạ” Winnie nói, tỉnh khô trong lúc cả nhà cô ngồi đó, sững sờ. Rồi ngay sau đó, mọi người liền bế cô lên giường và chúc cô ngủ ngon bằng thật nhiều nụ hôn nhưng vừa rón rén rời khỏi phòng ngủ của cô họ vừa lo lắng ngoái đầu lại chăm chăm nhìn cô như thể cảm nhận được một con người khác so với trước đây, cứ như một phần gì đó trong cô đã biến mất vậy.

Đúng, Winnie nghĩ thầm, khoanh tay tréo nhau trên bệ cửa sổ, đúng là cô đã khác với trước đây thật. Những chuyện đã xảy ra với cô chỉ thuộc về một mình cô mà thôi, chẳng liên quan gì đến cả nhà cả. Đây là lần đầu tiên như vậy. Và dẫu có kể bao nhiêu đi chăng nữa cũng chẳng giúp mọi người hiểu hay chia sẻ cảm giác của cô vào lúc này. Đó là một cảm giác vừa mãn nguyện vừa cô đơn, ủa đến cùng một lúc. Khi cô đu đưa trên chiếc ghế, chăm chú nhìn ánh chiều chạng vạng ngoài cửa sổ, cảm giác êm dịu thấm dần vào máu cô. Cảm giác ấy ràng buộc cô với gia đình mình, với ba mẹ và bà bằng những sợi chỉ chắc chắn, quá lâu đời và quý giá đến mức chẳng thể đứt lìa. Nhưng giờ đây lại có những sợi chỉ mới, bền chắc và lôi kéo, ràng buộc cô với gia đình Tuck mạnh mẽ như thế.

Winnie ngẩng nhìn bầu trời chuyển dần sang đen thẫm phía trên cánh rừng bên ngoài cửa sổ. Chẳng có nổi dấu hiệu dù chỉ nhỏ nhất của một cơn gió để làm dịu bớt tối thánng Tám ngọt ngọt. Và rồi, trên những ngọn

cây tận đường chân trời phía xa xa, một ánh chớp trắng lóa chợt lóe lên. Chớp cam. Nó lóe lên dai dẳng liên hồi, không một tiếng động. Như một nỗi đau vậy, cô nghĩ. Và rồi đột nhiên cô khao khát mong chờ cơn dông đến.

Cô khẽ tí đầu lên tay và nhắm mắt lại. Ngay lập tức, hình ảnh người mặc đồ vàng hiện ra. Cô lại nhìn thấy gã, nằm sóng soài bất động trên bãi cỏ úa vì ánh mặt trời. “Ông không thể chết được” cô thì thầm, nghĩ đến bà Mae. “Không được chết”. Rồi cô nhớ lại những kế hoạch của gã về thứ nước suối đó và tiếng ông Tuck nói, “Tất cả bọn họ rồi sẽ đổ về đó như ruồi bu đĩa mật”. Và cô nghĩ thầm, “Nếu chuyện về con suối đó là thật thì gã phải chết. Phải là như thế. Và chính vì vậy mà bác ấy đã làm chuyện đó.”

Rồi cô nghe thấy có tiếng vó ngựa trên con đường phía dưới, một con ngựa đang vội vã chạy vào làng, và không lâu sau đó, có tiếng bước chân đi tới và tiếng gõ cửa. Winnie rón rén ra khỏi phòng và nấp trong bóng tối ở đầu cầu thang. Đó chính là viên cảnh sát. Cô nghe tiếng ông ta nói, “Chuyện là vậy đây, anh Foster. Chúng ta không thể buộc tội bất cóc được vì con gái anh nói là không phải vậy. Nhưng dù sao thì bây giờ cũng chẳng còn quan trọng nữa. Bác sĩ vừa về cách đây mấy phút. Cái gã đó - ông bán đất cho gã phải không? Hẳn chết rồi.” Yên lặng một lát rồi mấy giọng nói khác xì xầm; rồi có tiếng diêm quẹt và bốc lên mùi hăng hăng của xì gà mới đốt. “Vâng, bà ta cho hẳn một phát trí mạng. Thậm chí hẳn còn không kịp chống trả nữa. Cho nên vụ này cũng dễ xử thôi, vì chính tôi thấy bà ta bắn mà. Chúng kiến tận mắt. Không gì phải nghi ngờ cả. Họ treo cổ bà ta là cái chắc.”

Winnie trở lại phòng trèo lên giường. Cô nằm trong bóng tối, chống cằm trên gối và nhìn chăm chăm về khoảng sáng hơn ở chỗ ô cửa sổ vuông, nhìn tia chớp dai dẳng ấy. Giống như một nỗi đau, cô lại nghĩ thầm, cơn đau âm ỉ trên rìa bầu trời. Bà Mae đã giết chết gã mặc đồ vàng. Và bà có ý làm như vậy.

Winnie đã từng giết một con ong bắp cày, vì sợ hãi và giận dữ, vừa kịp để không bị nó đốt. Cô đã đập nó bằng một cuốn sách và giết chết nó. Nhưng rồi nhìn thấy thân thể giập nát đó, đôi cánh mỏng bất động, cô đã ước nó sống dậy được. Cô đã khóc vì con ong đó. Liệu giờ đây bà Mae có khóc vì gã mặc đồ vàng đó không? Bất chấp ước muốn cứu thế giới tránh khỏi thảm họa của bà, liệu bà có mong gã sống lại? Chẳng thể nào biết được điều đó. Nhưng bà Mae đã làm điều mà bà nghĩ cần phải làm. Winnie nhắm mắt lại để không phải nhìn thấy nhịp điệu cam lạng của tia chớp kia nữa. Giờ cô phải làm gì đó. Cô không biết sẽ làm gì nhưng phải làm gì đó. Bà Mae Tuck không thể nào bị treo cổ được.

Chương 22 - 23

Sáng hôm sau vừa ăn sáng xong là Winnie đã tót ngay ra hàng rào. Tính đến lúc này đó là một ngày nóng nực nhất, không khí nặng nề đến nỗi chỉ hơi động chân động tay một tẹo chỉ khiến cho cả suối mồ hôi túa ra và mệt mỏi rã rời. Như hai ngày trước đây thì có lẽ mọi người đã bắt cô phải ở trong nhà, nhưng sáng nay cả nhà lại giữ kẽ với cô, hơi nâng niu nữa, như thể cô là một quả trứng dễ vỡ vậy. Cô nói, “Con ra ngoài chơi đây,” và mọi người lên tiếng, “Được thôi nhưng nóng quá thì vào ngay nhé con.” Và rồi cô đáp, “Dạ.”

Mặt đất, ở đoạn mòn vẹt trụi cỏ dưới chân công rào, nứt nẻ và cứng như đá, phủ màu chấy nắng chết chóc; còn con đường là một dải bụi dày như nhung loá nắng. Winnie đứng dựa vào hàng rào, hai tay nắm chặt chấn song ấm nóng và nghĩ về bà Mae đang ở sau những chấn song nhà tù. Và rồi khi ngược đầu lên, cô nhìn thấy chú cóc đó. Nó đang ngồi chễm chệ bên kia đường, ngay chỗ lần đầu tiên cô nhìn thấy nó.

“Chào mày!” cô nói, vô cùng vui sướng khi thấy nó.

Con cóc chẳng buồn nhúc nhích, cả nháy mắt cũng không. Hôm nay trông nó như khô cả lại, khô queo khô quắt. “Chắc là nó khát,” Winnie tự nhủ. “Có gì lạ đâu vào một ngày thế này.” Thế là cô rời khỏi hàng rào và quay trở vào nhà. “Bà ơi, cho con chút nước vào trong đĩa được không ạ? Ngoài kia có con cóc trong như sắp sửa chết khát đến nơi ấy. “

“Một con cóc à?” bà cô nói, nhăn mũi vì ghê tởm. “Cóc, bọn dơ bẩn. “

“Nhưng không phải con này,” Winnie nói. “Nó hay ở chỗ đó lắm và con thích nó. Con cho nó uống nước được không hả bà?”

“Cóc không uống nước đâu, Winnifred à. Làm vậy cũng chẳng giúp ích gì cho nó cả.”

“Tụi nó không cần uống chút nước nào thật hả bà?”

“Không cần. Nó hút nước qua da, giống như miếng bọt biển vậy đó. Lúc trời mưa.”

“Nhưng mà mãi đến giờ trời có mưa đâu!” Winnie nói, hốt hoảng cả lên. “Con có nên tưới nước lên mình nó không hả bà? Như vậy có ích gì không

ạ?”

“Đề bà đi với con. Bà không muốn con ra khỏi sân một mình”

Nhưng khi hai người đến bên hàng rào, Winnie bung theo một chén nước nhỏ, cẩn thận hết mức giữ cho khỏi đổ, thì con cóc đã bỏ đi đâu mất.

“VẬY chắc là nó không sao,” bà nói. “Nếu như nó còn nhảy nổi”

Lẫn lộn cảm giác vừa thất vọng lại vừa nhẹ nhõm, Winnie vẩy nước lên mặt đất nứt nẻ ở cổng. Nước thấm xuống đất liền tức thì, một vệt màu nâu ẩm nó để lại nhạt đi nhanh chóng rồi

biến mất cũng nhanh như thế.

“Cả đời mình bà chưa từng thấy nóng như vậy,” bà Winnie vừa nói vừa dùng khăn lau cổ dù làm vậy cũng chẳng bớt nóng. “Đừng ở ngoài này lâu nha con.”

“Dạ,” Winnie nói và lại được ở một mình. Cô ngồi bệt trên bãi cỏ rồi thở dài. Bà Mae!

Phải làm gì để giúp bà thoát ra đây? Cô nhắm mắt lại tránh cái nắng chói chang, và hơi thấy chóng mặt trước những vệt đỏ và cam rực rỡ đang nhảy múa trong mí mắt khép.

Và rồi, như thể có phép màu, Jesse đang đứng ngay đó, lom khom bên hàng rào, “Winnie!” cậu suyt kêu cô. “Em đang ngủ đấy à!”

“Ôi anh Jesse!” Winnie liền mở mắt ra và với tay ra hàng rào chộp lấy tay cậu. “Gặp được anh vui quá! Mình phải làm gì bây giờ hả anh? Mình cứu mẹ anh ra ngoài!”

“Anh Miles có một kế hoạch, nhưng anh không biết liệu có thành công không nữa,” Jesse nói thật nhanh, giọng cậu gằn như thì thào. “Anh biết nhiều về nghề mộc. Anh nói anh có thể lòi khung cửa sổ phòng giam mẹ ra khỏi tường, cả chân sông luôn, rồi mẹ có thể trèo qua đó. Tối nay lúc trời tối tụi anh sẽ thử làm. Khó khăn duy nhất là cái ông cảnh sát đó cứ canh mẹ từng phút một, ông chắc tự hào phát điên lên vì có tù nhân trong cái nhà ngục mới đó. Tụi anh đã xuống thăm mẹ rồi. Mẹ không sao hết. Nhưng dù có thể leo qua cửa sổ đi nữa thì ông cảnh sát đó cũng sẽ đuổi theo liền ngay khi thấy mẹ đã bỏ trốn. Mà có vẻ như ông sẽ phát hiện ngay thôi. Như vậy

tụi anh sẽ không có thì giờ để chạy. Nhưng mà cũng phải thử thôi. Đâu còn cách nào khác. Dù sao anh cũng phải đến đây để chào từ biệt em. Đi lần này chắc phải lâu, lâu lắm tụi anh mới quay trở lại đây được Winnie à. Ý anh là, họ sẽ truy nã mẹ anh. Winnie, em nghe này chắc phải lâu lắm anh mới gặp lại em được. Nhìn nè - đây là chai nước lấy từ con suối đó. Em giữ nó đi, và rồi, dù em có ở đâu đi nữa thì khi em mười bảy tuổi, Winnie à, em có thể uống nước đó và đi tìm tụi anh. Tụi anh sẽ tìm cách để lại chỉ dẫn cho em. Winne, làm ơn nói em sẽ làm vậy đi.”

Cậu ấn chai nước nhỏ vào tay cô và Winnie nhận lấy, khép mấy ngón tay quanh cái chai.

“Anh Jesse, chờ đã!” cô hồn hển thì thào, vì cô chợt nảy ra giải pháp. “Em có thể giúp! Khi mẹ anh trèo ra khỏi cửa sổ, em sẽ trèo vào và thế chỗ bà. Em có thể quần mình trong chăn và khi viên cảnh sát nhìn vào ổng sẽ không nhận ra được. Trong bóng tối thì không nhận ra được đâu. Em có thể độn thêm để trông to hơn. Anh Miles cứ gắn cửa sổ lại cũng được. Như thế sẽ giúp mọi người có thời gian chạy trốn! Ít nhất cũng được đến sáng đấy!”

Jesse nheo mắt nhìn cô và rồi cậu nói, “Ừm, em biết đấy, như vậy chắc là được đó. Như vậy có thể làm nên khác biệt. Nhưng anh không biết ba có chịu để em phải nguy hiểm không nữa. Ý anh là, mọi người sẽ nói gì khi họ biết?”

“Em cũng chẳng biết nữa,” Winnie nói. “Nhưng cũng không sao đâu. Nói với ba anh là em muốn giúp. Em phải giúp. Nếu không phải vì em thì từ đầu đã chẳng có rắc rối gì. Nói với ông là em phải làm vậy. “

“Ừm... thôi được. Buổi tối em ra ngoài được không?”

“Dạ được,” Winnie nói.

“Rồi - vậy là lúc nửa đêm, Winnie. Anh sẽ chờ em ngay tại đây lúc nửa đêm nhé.”

“Winnifred!” giọng lo lắng cất lên từ phía nhà. “Con đang nói chuyện với ai đó?”

Winnie đứng dậy và quay vào đáp. “Chỉ là một đứa con trai thôi mà bà ơi. Con vào liền đây.” Và khi cô quay lại, Jesse đã đi mất. Winnie nắm chặt cái chai nhỏ trên tay và cố kiểm soát cơn phẫn khích đang dâng trào làm cô ngạt thở. Nửa đêm nay cô sẽ tạo ra sự khác biệt trên thế giới này.

Chương 23

Đó là ngày dài nhất từ trước tới nay: nóng khủng khiếp, nóng không tả xiết, cái nóng làm cho người ta không thể đi lại, thậm chí không thể nghĩ ngợi. Cánh đồng, làng Treegap, khu rừng - tất cả năm đó, bị cái nóng hạ gục. Không gì động đậy nổi. Mặt trời là một vòng tròn kèn càng không giới hạn, một tiếng gầm không âm thanh, một quãng lửa chói lòa quá gay gắt và cuồng bạo đến độ ngay cả trong phòng khách buông kín rèm của nhà Foster cũng thấy nó hiện diện rõ rệt. Không gì ngăn cản được nó.

Bà và mẹ Winnie ngồi rầu rĩ suốt cả chiều trong phòng khách, vừa quạt phành phạch vừa nhấm nháp nước chanh, tóc không búi gọn, đầu gối không khép. Thật hoàn toàn chẳng giống họ chút nào, không còn cái vẻ lịch thiệp kiểu cách nữa và điều đó khiến họ thú vị hơn nhiều. Nhưng Winnie không ở cùng họ mà mang theo một ly nước đầy về phòng và ngồi sau chiếc ghế đu nhỏ bên cửa sổ. Sau khi đã giấu chai nước của Jesse vào cái tủ ngăn kéo, cô chẳng còn việc gì phải làm ngoài chờ đợi. Ở hành lang bên ngoài, chiếc đồng hồ của ông nội chậm rãi gõ nhịp, chẳng buồn quan tâm tới sự sốt ruột của bất cứ ai, và Winne thấy mình đang du đưa theo nhịp điệu ấy - tới rồi lui, tới rồi lui, tíc, tấc, tíc, tấc. Cô cố đọc sách, nhưng xung quanh yên lặng đến nỗi không thể nào tập trung được và vì thế mà cô vui mừng biết bao khi cuối cùng cũng đến giờ ăn tối. Dù sao thì cũng có việc để làm, dù chẳng ai trong nhà cố ăn thêm được một miếng.

Nhưng sau đó, khi Winnie ra hàng rào lần nữa, cô thấy bầu trời đang thay đổi. Không nhiều mây đến độ dày tầng tầng lớp lớp, nhưng cùng lúc từ bốn phương, cái màu xanh biếc không một gợn mây ấy đã chuyển sang có mây mỏng. Và rồi, khi mặt trời miễn cưỡng lặn xuống sau ngọn cây, những làn mây mỏng ấy dồn tụ thành một màu vàng nâu sáng chói. Trong rừng, lá cây bị tốc ngược mặt dưới lên khoác lên cây cối một màu ánh bạc.

Không khí nặng nề hơn thấy rõ, đè nặng trên ngực Winnie và làm cô thấy khó thở. Cô quay trở vào nhà. “Chắc là sắp mưa rồi, con nghĩ vậy.” Cô nói với cả nhà đang nằm bẹp uể oải trong phòng khách, và tin này được đón nhận bằng tiếng rên khe khẽ biết ơn.

Mọi người đi ngủ sớm, cài chặt mọi cửa sổ trên đường về phòng ngủ. Vì ngoài trời, dù đã tối nhưng vài tia sáng gắt ánh vàng nâu vẫn còn nấn lại trên rìa mọi vật, và gió bắt đầu thổi, từng cơn nhỏ làm công rào lạch cạch và hàng cây xào xạc. Mùi mưa phảng phất ngọt ngào trong không khí. “Đúng là một tuần kinh khủng!” bà Winnie nói. “Nhưng mà, tạ ơn Chúa, sắp qua rồi.”

Winnie cũng tự nhủ: Phải, sắp qua rồi.

Còn phải đợi ba tiếng nữa mới đến nửa đêm mà chẳng còn gì để làm cả. Winnie bôn chồn đi loanh quanh trong phòng, hết ngòì lên ghé đu lại nằm trên giường, đếm tiếng đồng hồ gõ. Đằng sau sự hào hứng, cô vẫn cảm thấy đầy tội lỗi. Đây là lần thứ hai chỉ trong vòng ba ngày ngắn ngủi - dù ba ngày này có vẻ dài hơn thế - cô lại sắp sửa làm một chuyện mà cô biết rằng

không được phép. Chẳng cần phải hỏi cũng biết.

Winnie tự biết thế nào là phải trái đúng sai. Cô cũng biết rằng mình luôn có thể nói với mọi người, khi mọi chuyện đã xong, rằng. “Ba mẹ có bao giờ bảo là không được làm thế đâu!” Nhưng như vậy mới ngốc ngếch làm sao? Dĩ nhiên là ba mẹ và bà chưa từng nghĩ đến việc phải thêm một thứ như vậy vào danh sách những việc không được phép làm rồi. Cô suýt nữa là mỉm cười khi tưởng tượng ra cảnh mọi người nói. “Giờ thì nhớ đây, Winnifred - không được cắn móng tay, không ngắt lời khi người khác đang nói và không được đi xuống nhà giam vào lúc nửa đêm để đổi chỗ cho tù nhân.”

Nhưng cũng chẳng buồn cười cho lắm. Điều gì sẽ xảy ra vào sáng hôm sau, khi viên cảnh sát phát hiện ra cô trong nhà giam và lần thứ hai phải mang cô về nhà? Cả nhà sẽ nói gì? Liệu mọi người có còn tin tưởng cô nữa không? Ngòì trên chiếc ghé đi, Winnie co mình lại, và khó nhọc nuốt khan. Vậy thì, cô sẽ phải làm cho mọi người hiểu, bằng cách nào mà không cần giải thích.

Đồng hồ điểm mười một giờ. Ngoài trời, gió đã lặng. Mọi thứ đều như đang chờ đợi. Winnie nằm xuống và nhắm mắt lại. Ý nghĩ về ông Tuck, bà Mae, anh Miles và Jesse làm nhẹ lòng cô. Họ cần đến cô. Để quan tâm lo lắng cho họ. Bởi vì, theo cái cách buồn cười khiến cô ấn tượng từ lần đầu tiên ấy, họ không thể tự lo. Hoặc họ quá cả tin. Đại loại như vậy. Dù sao thì họ cần đến cô. Cô không thể làm họ thất vọng. Bà Mae phải được tự do. Sẽ không ai có thể khám phá ra - cả Winnie cũng không thể biết được thật hư rằng - bà Mae không thể... đến đây Winnie xua đuôi hình ảnh ấy ra khỏi tâm trí cô, xua đuôi nỗi kinh hoàng khi chứng minh được điều bí mật. Thay vì vậy, cô chuyển suy nghĩ của mình sang Jesse. Khi cô mười bảy tuổi - liệu cô có nên...? Nếu điều đó là sự thật thì có nên chẳng? Và nếu cô làm vậy, thì cô có phải hối tiếc về sau? Ông Tuck đã từng nói rằng, “Đó là điều mà mãi sau con mới biết mình cảm thấy thế nào.” Nhưng không - điều đó không đúng. Cô biết như vậy, vào lúc này đây, trong phòng ngủ của mình. Có thể họ thật sự là những người điên. Nhưng dù sao thì cô cũng yêu họ. Họ cần đến cô. Nghĩ đến đây Winnie chìm vào giấc ngủ.

Chỉ một lát sau cô giật mình tỉnh giấc và ngồi dậy, hốt hoảng. Chiếc đồng hồ vẫn gõ nhịp đều đều, xung quanh tối đen như mực. Ngoài trời, màn đêm dường như cũng đang rón rén, chờ đợi, đợi chờ, nín thở trông cơn bão đến, Winnie lên ra ngoài hành lang và nhú mào nhìn mặt đồng hồ chìm trong tối. Cuối cùng cô cũng nhìn ra được, vì dù không nhìn rõ những con số La Mã màu đen trên nền trắng, nhưng kim đồng hồ bằng đồng hơi ánh lên. Trong lúc cô chăm chăm nhìn, cây kim dài nhích tới một khắc cùng một tiếng tắc lớn. Cô vẫn chưa lỡ hẹn - năm phút nữa mới đến nửa đêm.

Chương 24 - 25

Winnie rời khỏi nhà dễ dàng đến nỗi cô cảm thấy hơi hốt hoảng. Cô đã gần như trông chờ rằng ngay giây phút mình đặt chân xuống bậc cầu thang mọi người sẽ lập tức nhảy xổ ra khỏi giường và vây lấy cô cùng bao lời kết tội. Nhưng chẳng một ai động đậy cả. Và cô sửng người khi nhận ra rằng nếu muốn mình có thể lên ra ngoài hết đêm này đến đêm khác mà cả nhà chẳng hề hay biết. Suy nghĩ rằng mình lại một lần nữa lợi dụng lòng tin của mọi người càng khiến cô thấy tội lỗi hơn bao giờ hết. Nhưng tối hôm nay, lần cuối cùng, cô phải làm như vậy. Chẳng còn cách nào khác. Cô mở cửa và lên vào đêm tháng Tám ngọt ngào.

Đi khỏi nhà cũng giống như rời bỏ thực tại và bước chân vào một giấc mơ. Cô thấy cả người nhẹ bẫng, như thể đang bông bênh trôi dọc lối đi ra đến công. Jesse đang ở đó, chờ đợi. Không ai nói tiếng nào. Cậu nắm lấy tay cô và họ cùng nhau chạy, nhẹ nhàng, xuôi theo con đường, qua những căn nhà đang chìm trong giấc ngủ để vào trung tâm làng vắng lặng và mờ ảo. Những ô cửa sổ lớn lấp lánh đang lim dim giấc nồng chẳng thêm bận tâm - chẳng nhìn thấy họ, chẳng soi bóng họ. Xưởng rèn, xưởng xay, nhà thờ, cửa hàng, tất cả sống động và bận rộn suốt cả ngày giờ không một bóng người, lù lù như những đống và hình thù đen đúa chẳng thể phân biệt nổi công dụng hay ý nghĩa. Và rồi trước mặt họ, Winnie nhìn thấy nhà tù, gỗ mới chưa sơn phết, ánh đèn tỏa ra từ cửa sổ đằng trước. Và ở đó, trên khoảng sân trống trải đằng sau nó, trông như hình chữ L khổng lồ lộn ngược, chính là cái giá treo cổ.

Bầu trời lóe ánh sáng, Nhưng lần này không phải là chớp căm như trước vì chỉ vài giây sau đó một tiếng ã ã ã, dù vẫn ở xa, loan báo tin rằng cuối cùng thì bão cũng đến. Một cơn gió nhẹ mát lạnh thổi bay làn tóc Winnie, và từ đầu đó trong ngôi làng sau lưng họ vang lên tiếng chó cắn ma.

Hai bóng đen bước ra khỏi bóng tối khi Winnie và Jesse bước tới. Ông Tuck kéo cô vào lòng và ôm cô thật chặt còn Miles thì siết chặt tay cô. Chẳng ai nói lời nào. Rồi bốn người bọn họ len lén lên vào sau lưng toà nhà. Ở đó, quá cao để Winnie nhìn vào được, là chiếc cửa sổ có chấn song lọt ra những tia sáng yếu ớt Winnie ngược lên nhìn chăm chăm vào những thanh sắt đen xen kẽ ánh đèn vàng le lói. Trong đầu cô bỗng hiện ra mấy câu trong một bài thơ cổ:

Tường đá đầu làm nên nhà tù,

Song sắt đầu làm nên lồng cũi.

Những câu thơ cứ lặp đi lặp lại trong tâm trí cô cho đến khi trở thành vô nghĩa. Một tiếng sấm nữa vang rền. Con bão đang đến gần hơn.

Lúc này anh Miles đang đứng trên một cái thùng và đổ dầu xung quanh khung cửa sổ. Một cơn gió cuộn mang theo cái mùi hăng nồng đặc quánh ấy đến mũi Winnie. Ông Tuck đưa cho anh một dụng cụ và Miles bắt đầu nạy đinh đóng khung cửa sổ vào tường. Miles biết nghề mộc. Anh có thể làm được việc này. Winnie run rẩy nắm lấy tay Jesse thật chặt. Một cái đinh gỡ ra rồi. Thêm một cái nữa. Ông Tuck rướn lên bắt lấy đinh bật ra từng cái một. Chiếc đinh thứ tư rít lên ken két khi bị nạy lên và Miles phải thêm dầu vào.

Đằng trước nhà giam, viên cảnh sát ngáp ồm ồm và bắt đầu huýt sáo. Tiếng huýt sáo mỗi lúc một gần. Miles liền nhảy ngay xuống đất. Họ nghe thấy tiếng bước chân người cảnh sát tiến về phòng giam bà Mae. Cánh cửa có chấn song kêu lên loảng xoảng. Rồi tiếng bước chân xa dần, tiếng huýt sáo cũng không nhỏ hẳn. Cửa bên trong đã đóng lại rồi và ánh đèn cũng biến mất.

Miles trèo lên ngay tức thì và tiếp tục nạy đinh. Chiếc thứ tám đã ra rồi, thứ chín, thứ mười. Winnie đếm thật cẩn thận và cứ sau mỗi lần như thế trí óc cô lại vang lên câu thơ, “Tường đá đâu làm nên nhà tù.”

Miles đặt đồ nghề nạy đinh xuống. Anh nắm chấn song cửa thật chặt chuẩn bị giật ra và đứng trong tư thế sẵn sàng như vậy. “Anh còn chờ gì nữa nhỉ?” Winnie nghĩ thầm. “Tại sao anh không...” Và rồi - một ánh chớp và ngay sau đó là tiếng sấm rền vang. Giữa lúc ồn ào ấy, Miles giật một phát thật mạnh. Nhưng cửa sổ không hề lay chuyển.

Tiếng sấm nhỏ dần. Trái tim Winnie chùng xuống. Nếu không thể làm được thì sao? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cái cửa sổ ấy không bật ra ngoài? Chuyện gì sẽ đến... rồi cô ngoái đầu lại nhìn cái hình thù đen tối của giá treo cổ và run lên cầm cập.

Lại một tia chớp nữa loé sáng và lần này một tràng âm thanh nổ ra trên bầu trời vùn vụt. Miles giật thật mạnh. Khung cửa sổ bật tung ra và, tay vẫn còn nắm chặt chấn song, anh loạng choạng bật trở lại thùng kê. Công việc đã hoàn thành.

Hai cánh tay hiện lên từ cái lỗ trống tạo ra từ khung cửa vừa bị gỡ ra. Bà Mae! Đầu bà

nhô ra ngoài. Trời quá tối không thể nhìn thấy mặt bà. Ô cửa sổ - nếu nó quá nhỏ để bà chui lọt qua thì sao? Nếu mà... Nhưng hai vai bà đã trôi được ra ngoài rồi. Bà khễ rên lên. Một ánh chớp soi sáng gương mặt bà trong khoảnh khắc và Winnie nhìn thấy vẻ tập trung cao độ ấy, đầu lưỡi thè ra, trán nhăn cả lại.

Lúc này đến lượt ông Tuck đứng lên thùng để giúp vợ, đưa vai ra cho bà bám vào, Miles và Jesse sát cạnh hai bên, tay giơ lên cao, sẵn sàng đón nhận thân hình nặng nề của mẹ. Hông bà ra khỏi rồi - lúc này, coi chừng! - ra được rồi đây, chiếc váy của bà rách toạc ra khi cọ vào cạnh sắt tấm ván gỗ, hai cánh tay chới với - và tất cả ngã chùng lên nhau trên mặt đất. Một tiếng sấm nữa rền vang át đi tiếng cười vỡ oà đắc thắng của Jesse. Bà Mae đã thoát rồi.

Winnie đan những ngón tay run rẩy vào nhau bày tỏ niềm biết ơn. Và rồi giọt mưa đầu tiên rơi ngay trên chóp mũi cô. Cả nhà Tuck đỡ nhau đứng dậy và quay lại phía cô. Từng người một, khi mưa bắt đầu rơi, kéo cô về phía họ và hôn cô. Cô hôn lại từng người một. Có phải mưa đang vương lên trên mặt bà Mae? Hay là ông Tuck? Hay phải chăng đó là nước mắt? Jesse là người sau cùng. Cậu vòng tay qua người ôm cô thật chặt và thầm thì chỉ một câu, “Nhớ nhé!”

Rồi Miles đứng lên thùng một lần nữa, nâng cô lên. Hai tay cô nắm chặt cạnh cửa sổ. Lần này cô chờ đợi cùng anh. Khi cơn sấm đến, nó xé toạc bầu trời ra cùng một tiếng gầm và vào lúc ấy cô lao qua, rớt phịch xuống chiếc giường xếp bên trong, an toàn. Cô nhìn lên cái lỗ vuông và thấy khung cửa cùng bàn tay Miles đang bám vào đó. Khi tiếng sấm trời giúp tiếp theo vang lên cũng là lúc chứng kiến khung chân song lại được lắp vào chỗ cũ. Và rồi - Miles có đóng đinh lại không nhỉ? Cô chờ đợi.

Lúc này mưa trút xuống thành từng mảng nước, cuời trên cơn gió, cắt ngang qua màn đêm đen tối. Chớp rạch ngang trời, một vệt sáng chói, ngoằn ngoèo sắc cạnh, và sấm làm tòa nhà nhỏ bé run rẩy bần bật. Sự ngột ngạt trên mặt đất khát khô dịu đi rồi biến mất. Winnie cảm nhận được nó đang biến mất. Cơ bụng cô chùng xuống, và cô chột cảm thấy kiệt sức.

Nhưng cô cần đợi. Anh Miles có đóng đinh trở lại hay không nhỉ? Sau cùng, đứng kiềng chân trên chiếc giường xếp, cô bám vào chân song cửa sổ, đu người lên cho đến khi có thể nhìn thấy bên ngoài. Mưa tấp vào mặt cô, nhưng khi tia chớp tiếp theo lóe lên, cô nhìn xuống và chỉ thấy khoảng sân trống vắng. Rồi trước khi sấm vang lên sau chớp, giữa khoảng lặng khi cả

mưa và gió nghỉ ngơi trong tích tắc, cô nghĩ rằng mình nghe thấy, âm thanh nhạt nhoà từ nơi xa vắng lại, một giai điệu nhẹ nhàng leng keng phát ra từ chiếc hộp nhạc. Gia đình Tuck - gia

đình yêu dấu của cô - đã đi rồi.

Chương 25

Tuần lễ đầu tiên của tháng Tám đã qua lâu rồi. Và giờ đây, dù hãy còn vài tuần nữa mới đến mùa thu, nhưng có cảm giác rằng năm đã bắt đầu chặng đường vòng xuống, bánh xe thời gian lại tiếp tục quay, giờ thì chậm rãi thôi nhưng chẳng mấy chốc sẽ nhanh lên, lặp lại cái vòng xoay của sự đổi thay không bao giờ thay đổi. Winnie, lúc này đang đứng bên cạnh hàng rào trước cửa ngôi nhà dừng-đứng-vào-tôi, nghe thấy âm hưởng mới trong tiếng hót của bầy chim. Cả đàn tụ lại, bay tít lên cao, vừa ríu rít vừa hoà vào bầu trời phía trên khu rừng, rồi dừng lại nghỉ ngơi trước khi lại bay tiếp. Bên kia đường, những đóa hoa hoàng anh vàng rực đang nở rộ. Một cây bông tai nứt sớm tách mở lớp vỏ thô ráp, lộ ra vô vàng hạt đầu có lông tơ mềm như lụa. Khi cô đang quan sát một hạt tách mình ra cuốn theo làn gió nhẹ bất ngờ thổi tới và bình thân bay đi mất, những hạt khác rớt theo như thể quan sát chuyển khởi hành.

Winnie ngồi phịch xuống bắt chéo chân trên bãi cỏ. Đã hai tuần trôi qua kể từ đêm đông bão ấy, cái đêm bà Mae Tuck vượt ngục. Và cho đến giờ vẫn chưa ai tìm ra bà. Chẳng có chút dấu vết của bà, cả của ông Tuck, Miles và Jesse cũng vậy. Winnie biết ơn sâu sắc vì chuyện đó. Nhưng cô cũng vô cùng mệt mỏi nữa. Thật đúng là hai tuần lễ lắm chuyện phiền hà.

Cô hồi tưởng cảnh đó cả trăm lần: viên cảnh sát đi vào phòng giam sau khi cô đã nằm yên vị trên chiếc giường xếp như thế nào; ông đóng cánh cửa chớp lại để nước mưa khỏi tạt vào ra sao; cảnh ông đứng đó nhìn cô trong lúc cô cong mình dưới tấm chăn, hơi thở nặng nề, cố làm cho mình trông càng to lên càng tốt; và sau cùng là cảnh ông bỏ đi đến tận sáng ngày hôm sau mới trở lại.

Nhưng cô chẳng dám ngủ vì sợ làm tuột chăn ra và vô tình để lộ mình - để lộ gia đình Tuck. Vì thế mà cô nằm đó, mạch đập thình thịch, mắt mở to thao láo. Cô sẽ không bao giờ quên được tiếng mưa rơi lộp độp trên mái nhà tù hay mùi gỗ ẩm ướt, màn đêm đen tối đã cứu tất cả họ hay cảm giác khó chịu khi phải nhịn để khỏi ho. Cô suýt nữa là phát ho trước khi nhớ ra rằng mình không được làm vậy, và cả giờ đồng hồ trôi qua cô nằm đó, cố nuốt con

ngựa vẫn ngoan cố bám trụ nơi cổ họng. Và cô cũng sẽ chẳng thể nào quên được tiếng đồ sầm bên ngoài làm trống ngực đập thình thình, rằng cô không biết, không hiểu đó là tiếng động gì cho đến tận sáng hôm sau trên đường về nhà và nhìn thấy cái giá treo cổ đồ sập trong cơn gió.

Nhưng chao ôi! - cô vẫn còn run khi nhớ lại vẻ mặt của viên cảnh sát khi ông thấy cô. Đầu tiên cô nghe thấy tiếng ồn ào trước nhà tù, rồi mùi cà phê mới pha bốc lên, và cô ngồi dậy, chờ người vì sợ hãi. Rồi cánh cửa bên trong mở ra - cánh cửa, giờ cô mới nhìn thấy, ngăn cách giữa văn phòng và hai buồng giam - và trong ánh sáng tràn vào trước ông, viên cảnh sát xuất hiện, tay mang khay đồ ăn sáng, miệng huýt sáo vui vẻ. Rồi ông bước đến ô cửa sổ có chấn song nơi phòng giam và nhìn vào. Và tiếng huýt sáo chết lịm trên môi ông như thể đã hết hơi và cần lên dây cót lại. Nhưng rồi sự kinh ngạc khôi hài chẳng kéo dài được lâu. Khuôn mặt ấy lập tức chuyển sang đỏ bầm vì tức giận.

Winnie ngồi trên giường xếp, mắt dán chặt xuống nền nhà, cảm thấy mình vô cùng nhỏ bé - và rất giống một tên tội phạm. Thật đúng là như vậy, viên cảnh sát đã thét ngay vào cô rằng nếu cô lớn hơn thì ông đã tổng giam cô luôn rồi - đó là phạm tội, điều mà cô đã làm. Cô chính là... kẻ đồng lõa, giúp cho kẻ sát nhân chạy trốn. Cô chính xác cũng là tội phạm. Nhưng còn quá nhỏ để bị pháp luật trừng trị. Đáng tiếc làm sao, ông nói, vì cô đáng bị trừng phạt đích đáng.

Nhưng rồi cô cũng được thả ra, để ba mẹ quản thúc. Và tất cả những từ ngữ mới lạ này “đồng lõa” và “quản thúc” làm máu trong người cô đông lại. Cả nhà đã hỏi đi hỏi lại cơ, đầu tiên là sửng sờ và kế đến là buồn bã: tại sao cô lại làm một điều như vậy? Tại sao? Cô là con gái của ba mẹ mà. Họ tin tưởng cô. Họ đã cố nuôi dạy cô đàng hoàng, biết phân biệt phải trái đúng sai. Họ không thể tin nào hiểu nổi. Và thế là sau cùng cô khóc nức nở dụi đầu vào vai mẹ nói lên sự thật duy nhất, lời giải thích duy nhất rằng: gia đình Tuck là bạn của cô. Cô đã làm điều đó chỉ bởi vì - dù chuyện gì đã xảy ra đi chăng nữa - cô yêu quý họ.

Đến đây thì mọi người hiểu, và sau cùng họ bảo bọc vững vàng quanh cô. Thật khó cho cả nhà cô với xóm giềng, Winnie biết điều đó và nó làm cô đau đốn. Vì họ là những người kiêu hãnh. Và cô đã làm họ hổ thẹn. Dù vậy, chuyện này không phải là không có lợi, ít nhất là với Winnie. Dù cô bị giới hạn ở trong sân nhà và không được đi đâu hết ngay cả cùng với bà và mẹ, nhưng những đứa trẻ khác vẫn ghé ngang để nhìn thấy cô, trò chuyện cùng cô qua hàng rào. Chúng ẩn tượng vì những việc mà cô đã làm. Giờ đây, cô

đã trở thành hình mẫu lãng mạn đối với chúng, khác hẳn cái vẻ nền nếp, đoan trang trước đây; hầu như quá trong sạch để trở thành một người bạn thật sự.

Winnie thở dài và thò tay nhỏ cở quanh mắt cá chân. Sắp đến mùa tựu trường rồi. Sẽ không đến nổi tệ như cũ nữa. Trên thực tế cô nghĩ, khi tinh thần lên cao, năm học này còn có thể sẽ rất thú vị là đằng khác.

Và rồi lúc ấy có hai việc diễn ra. Đầu tiên, con cóc nhảy ra khỏi đám cỏ, lần này là đến cùng bên đường với cô. Nó bung mình ra khỏi đám cỏ bồ công anh già và hạ cánh - háp! - ngay bên ngoài hàng rào. Chỉ cần cô thò tay ra ngoài chân song là có thể chạm vào nó. Việc tiếp theo, một con chó nâu to lớn, có dáng thân thiện và cái lưỡi thè ra lủng lẳng, đang tung tăng trên đường về phía họ. Nó dừng lại đối diện hàng rào, vừa nhìn Winnie vừa thân thiện vẫy đuôi, nhưng rồi nó nhìn thấy con cóc. Lập tức nó sửa đổi lên, hai con mắt sáng rực. Nó nhảy căng lên, phần thân sau nhảy qua nhảy lại trong khi chân trước vẫn ở nguyên vị trí, mũi gí vào con cóc, gào sủa ồm ồm đầy kích động.

“Dừng!” Winne la lên, bật ngay dậy và xua xua tay. “Cút đi, chó! Dừng lại! Cút đi - sùyyy!”

Con chó dừng lại. Nó ngược lên nhìn Winnie đang nhảy nhót điên cuồng rồi nhìn con cóc, lúc này đang dán chặt mình xuống mặt đất, mắt nhắm tịt. Như vậy là quá đối với nó. Thế là nó lại bắt đầu sửa và thò một chân dài về phía trước.

“Á!” Winnie thét lên. “Á - đừng làm vậy! Để con cóc của tao yên!” Và trước khi kịp nhận ra mình đang làm gì, cô cúi xuống, thò tay ra ngoài hàng rào và chộp lấy con cóc, đưa nó ra khỏi vùng nguy hiểm, thả nó lên bãi cỏ bên trong hàng rào.

Một cảm giác ghê tởm lan tỏa khắp người cô. Trong khi con chó vẫn đứng đó tên ư ừ, cào cào bắt lức vào hàng rào thì cô đứng đó đờ và người, nhìn chằm chằm vào chú cóc, chùi đi chùi lại bàn tay vào váy. Rồi cô nhớ lại cảm giác thật khi chạm vào con cóc và bỗng dưng không còn thấy ghê nữa. Cô quỳ xuống và chạm vào da lưng nó, vừa mềm lại vừa thô ráp, và còn mát nữa chứ.

Rồi Winnie đứng dậy, và nhìn con chó. Nó đang đứng đợi bên ngoài hàng rào, cái đầu ngoẹo sang bên, nhìn cô không chớp mắt đầy thèm khát. “Đó là

con cóc của tao,” Winnie nói với nó. “Nên tốt hơn hết là mày để nó được yên.” Và rồi, trong cơn bốc đồng, cô quay người lại chạy vào nhà, thẳng lên phòng, đến cái ngăn kéo cô đã giấu nước của Jesse - chai nước lấy từ con suối ấy. Chẳng mấy chốc cô đã quay trở lại. Con cóc vẫn ngồi thù lù ngay chỗ cô đã để nó xuống, con chó vẫn tiếp tục đợi nơi hàng rào. Winnie gỡ cái nút bấc ra khỏi miệng chai và vừa quỳ xuống vừa đổ thứ nước quý giá đó, từ từ và cẩn thận lên mình con cóc.

Con chó nhìn cảnh này, ngáp dài một cái, và rồi đột nhiên nó thấy chán. Nó quay mình lại và lê những bước dài trở lại con đường về phía làng. Winnie nhặt con cóc lên và giữ nó lại một lúc lâu trên lòng bàn tay cô, chẳng cảm thấy chút ghê tởm nào. Nó ngồi đó bình thản, chớp mắt, nước lấp lóa trên lưng.

Chai nước giờ đã rỗng rồi, nằm trên cỏ dưới chân Winnie. Nhưng nếu tất cả điều này là sự thật thì hãy còn nước ở trong rừng. Nhiều vô kể. Chỉ để phòng hờ thôi mà. Khi cô mười bảy tuổi. Nếu cô quyết định thì vẫn còn nước ở trong rừng. Winnie chột mỉm cười. Rồi có gặp người xuống và đưa tay qua hàng rào thả chú cóc ra. “Rồi đó!” cô nói. “Mày an toàn rồi đấy. Vĩnh viễn.”

Phân kết

Tám biển trước mặt đề hàng chữ CHÀO MỪNG ĐẾN TREEGAP, nhưng thật khó mà tin nổi rằng đây đúng thật là Treegap. Con đường chính chẳng thay đổi gì nhiều nhưng giờ lại thêm nhiều đường khác nữa cắt ngang qua. Đường đều đã được trải nhựa và có cả một làn sơn trắng ngay chính giữa.

Bà Mae và ông Tuck, trên chiếc xe gỗ lộc cộc, chậm rãi xóc nảy đằng sau con ngựa béo già tiến vào Treegap. Họ luôn nhìn thấy sự thay đổi và quá quen với việc đó, nhưng ở đây điều đó dường như khiến họ choáng váng và u buồn. “Nhìn kia,” ông Tuck nói. “Nhìn kia, bà nó. Không phải đó là chỗ khu rừng ngày xưa sao? Mất rồi! Không còn đến cả một cành hay gốc cây nữa! Cả nhà của con bé nữa - cũng đâu mất luôn rồi.”

Thật khó mà nhận ra được thứ gì, nhưng hai người nghĩ, từ ngọn đồi nhỏ, nơi trước đây từng nằm bên ngoài ngôi làng và giờ đây có vẻ như đã trở thành một phần của nó, có thể xác định lại mọi thứ. “Đúng rồi”, bà Mae nói, “nó ở chỗ kia kia, tôi tin là như vậy. Dĩ nhiên là, lâu quá rồi mình mới đản đây nên tôi cũng không chắc nữa.”

Chỗ đó giờ đây là một trạm xăng. Một chàng trai trẻ trong chiếc quần yếm dính đầy dầu mỡ đang đánh bóng kính chắn gió chiếc xe hơi hiệu Hudson rộng rãi và gỉ sét. Khi bà Mae và ông Tuck đi ngang qua, anh ta cười toa toét và nói với người tài xế của chiếc Hudson, đang ngồi uể oải đằng sau tay lái, “Coi kia. Từ dưới quê lên chờ thời vận đó.” Và hai người khùng khục cười với nhau.

Bà Mae và ông Tuck tiếp tục lộc cộc lăn bánh vào làng, ngang qua một khi nhà cửa lộn xộn nhấp nhô rồi chẳng mấy chốc đã tới hàng loạt cửa hàng và những chỗ buôn bán kinh doanh khác: quầy xúc xích; tiệm giặt khô; hiệu thuốc; tiệm tạp hóa; một trạm xăng nữa và một tòa nhà cao cao màu trắng có cái mái hiên dễ chịu đằng trước, Khách sạn Treegap - Bữa ăn gia đình, Giá cả phải chăng. Cả bưu điện nữa. Và xa kia là nhà tù, giờ đã to lớn hơn nhiều, sơn màu nâu, cùng văn phòng dành cho quan chức của hạt. Một chiếc xe cảnh sát hai màu trắng đen đang đỗ đằng trước, trên nóc là chiếc đèn pha rọi bằng kính màu đỏ và một cần anten vô tuyến, giống như râu một chú bọ, gắn chặt trên kính chắn gió.

Bà Mae liếc qua nhà tù rồi vội nhìn đi chỗ khác. “Ông nhìn thấy đằng kia không?” bà nói, chỉ tay về phía trước. “Thấy cái quán đó không? Mình dừng lại đó uống cà phê đi. Được chứ?”

“Cũng được,” ông Tuck nói. “Có thể họ biết gì đó.”

Bên trong, quán ăn lấp lánh ánh bàn ghế crôm và có mùi của véc ni trộn với xốt cà chua nấm. Bà Mae và ông Tuck chọn chỗ ngồi trên mấy chiếc ghế đầu xoay tại cái quầy dài. Nhân viên phục vụ từ đằng sau bếp đi ra và định giá hai vị khách dưới con mắt nhà nghề. Họ trông cũng được. Hơi kỳ quặc một chút, có lẽ - đặc biệt là do quần áo của họ - nhưng trông có vẻ là người lương thiện. Anh ta đập cái thực đơn bằng bìa cứng đánh bẹt xuống trước mặt họ và tựa người vào cái máy ướp lạnh nước ngọt có ga vị cam. “Cô chú mới đến đây à?” anh ta hỏi.

“Vâng,” ông Tuck đáp. “Chỉ đi ngang qua đây thôi.”

“Nhìn cô chú cũng biết,” anh nhân viên nói.

“Cho tôi hỏi thăm,” ông Tuck thận trọng nói, tay chỉ vào cái thực đơn. “Ở đây từng có một cánh rừng phải không, đầu bên kia thị trấn ấy?”

“Đúng thế,” anh ta nói. “Nhưng từng xảy ra một cơn bão sét lớn lắm, khoảng ba năm trước thì phải. Một cái cây bị sét đánh trúng chẻ làm đôi. Bắt lửa và cháy trụi lụi. Cày cả mặt đất lên nữa. Phải dùng xe ủi ra đó.”

“Ồ,” ông Tuck nói. Ông và bà liếc nhìn nhau.

“Làm ơn cho tôi cà phê,” bà Mae nói. “Đen. Hai tách.”

“Được rồi,” nhân viên phục vụ nói. Anh ta mang tám thực đơn đi, đổ cà phê vào hai cái tách bằng gốm dày rồi lại tiếp tục dựa lưng vào cái máy ướp lạnh nước ngọt.

“Trong khi rừng đó từng có một con suối nước ngọt,” ông Tuck bạo gan nói, nhăm nháp tách cà phê.

“Tôi cũng chẳng biết gì về việc đó cả,” người phục vụ nói. “Phải dùng xe ủi ra ủi phẳng hết rồi, như hồi nãy tôi nói đó.”

“Ra thế,” ông Tuck nói.

Và rồi sau đó, trong lúc bà Mae đi mua đồ dự trữ, ông Tuck đi bách bộ vào thị trấn - trở lại con đường mà họ đã qua - đến tận ngọn đồi nhỏ. Giờ đây chỗ đó đã mọc lên nhà cửa và cả một cửa hàng bán thức ăn gia súc và ngũ cốc, nhưng bên kia ngọn đồi, trong cái hàng rào sắt bao quanh là khu nghĩa trang.

Tim ông Tuck đập liên hồi. ông đã để ý trên đường vào đây. Cả bà Mae cũng thấy nữa. Họ chẳng hề nói với nhau lời nào về nó, nhưng cả hai đều biết rằng đó có thể là nơi chứa đựng câu trả lời cho mọi người điều còn lại. Ông Tuck vượt cho thẳng lại cái áo khoác cũ kỹ. Ông đi xuyên qua cái cổng tò vò có những vòng xoắn trang trí bằng sắt và dừng lại, neho mắt nhìn những hàng bia mộ đầy cỏ dại. Và rồi, xa xa về phía bên phải, ông nhìn thấy một tấm bia tưởng niệm cao, chắc là đã từng một thời đường bệ nhưng giờ hơi nghiêng một chút. Trên đó có khắc một cái tên: Foster.

Chậm rãi, ông Tuck tiến bước về phía tấm bia tưởng niệm và khi đến gần ông nhìn thấy những biển nhỏ hơn chung quanh đó. Đây là phần mộ của dòng họ. Rồi đột nhiên cổ họng ông thắt lại. Vì nó đang ở đó. Ông hằng muốn nó ở đó, nhưng giờ nhìn thấy nó, lòng ông lại tràn ngập nỗi đau buồn. Ông quỳ xuống và đọc hàng chữ khắc trên bia mộ:

Đồng tưởng nhớ

Winnifred Foster Jackson

Người vợ yêu dấu

Người mẹ kính yêu

1870-1948

“VẬY LÀ,” ông Tuck tự nói với mình. “Hai năm. Con bé ra đi được hai năm rồi.” Ông đứng dậy nhìn quanh, bối rối, cố gạt đi cơn ghen ngào trong cổ họng. Nhưng chẳng có ai nhìn thấy ông. Nghĩa trang yên lặng như tờ. Trên những cành liễu đằng sau lưng, tiếng một chú chim sáo cánh đỏ líu lo. Ông Tuck vội vội vàng vàng quệt mắt. Rồi ông lại vượt thẳng áo khoác và giơ tay lên chào từ biệt. “Đúng là một cô bé ngoan,” ông nói lớn. Và rồi ông quay người lại rời khỏi nghĩa trang, bước đi thật nhanh.

Lát sau, khi ông và bà Mae ra khỏi Treegap, không nhìn ông, bà nói thật khẽ, “Nó mất rồi hả?”

Ông Tuck gật đầu. “Mất rồi,” ông trả lời .

Sau đó là một khoảng lặng thật lâu giữa hai người, và rồi bà Mae lên tiếng, “Tội nghiệp thằng Jesse.”

“Dù gì thì nó cũng biết rồi,” ông Tuck nói. “Ít ra thì cũng biết là con sẽ bé sẽ

không đến. Chúng ta ai cũng biết điều đó, từ rất lâu rồi.”

“Cũng vậy thôi,” bà Mae nói. Bà thở dài. Rồi ngồi thẳng lưng hơn một chút, bà nói, “Giờ thì, mình đi đâu đây, hả ông Tuck? Chẳng cần phải quay trở lại đây nữa rồi.”

“Vậy đó,” ông Tuck nói. “Cứ đi con đường này thẳng tới trước đi. Rồi mình tính tiếp.”

“Cũng được,” bà Mae nói. Rồi đột nhiên bà đặt một bàn tay lên cánh tay ông và chỉ. “Coi chừng con cóc đó”

Ông Tuck cũng nhìn thấy nó. Ông ghì cương ngựa lại và trèo xuống xe. Con cóc ấy đang ngồi chễm chệ ngay giữa đường, vô tư lự. Bên làn kia, một chiếc xe tải nhỏ rầm rầm chạy ngang qua, và trước làn gió do chiếc xe tạo ra, nó nhắm tịt mắt lại. Nhưng nó không hề di chuyển. Ông Tuck chờ đến khi chiếc xe chạy qua rồi mới nhặt con cóc lên và mang nó vào đám cỏ dại mọc bên đường. “Bọn gốc ghếch này cứ nghĩ rằng mình bắt tử hay sao ấy,” ông nói với bà Mae.

Thế rồi họ lại lên đường, bỏ lại Treegap phía sau lưng, và khi họ đi, cái giai điệu nhẹ nhàng leng keng phát ra từ chiếc hộp nhạc ấy trôi lững lờ phía sau và cuối cùng vụt tắt phía xa cuối con đường.

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com